

(HC)

**HỌC VIỆN QUỐC GIA HÀNH CHÍNH**

**LUẬN-VĂN TỐT-NGHIỆP**

**NỀN ĐỆ NHỊ**

**VIỆT NAM CỘNG-HÒA**

*và vấn đề*

**XÂY DỰNG DÂN CHỦ**



Sinh viên đệ trình  
**LÊ - HIẾU - NGHĨA**  
BAN ĐỐC SỰ KHÓA XVII  
1969 - 1972

THƯ VIỆN QUỐC GIA  
LA: 7501

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

NỀN ĐỆ II CỘNG HÒA VIỆT NAM

LÊ-HIẾU-NGHĨA

học viện quốc gia hành chính  
không tán thành cũng không  
phản đối những ý kiến phát-  
biểu trong luận văn. những  
ý kiến đó do tác giả hoàn-  
toàn chịu trách nhiệm.

THÀNH KÍNH TRI ÂN

Giáo Sư NGUYỄN MẠNH HÙNG  
Tiến Sĩ Bang Giao Quốc Tế



Đã tận tâm giúp đỡ ý kiến,  
sửa chữa những khuyết điểm  
khuyến khích và hướng dẫn chúng tôi  
hoàn thành tập Luận Văn này.

## CHÂN THÀNH CẢM Ạ

- CỐ GIÁO SƯ VIỆN TRƯỞNG H.V.Q.G.H.C
- GIÁO SƯ CỨU VIỆN TRƯỞNG
- GIÁO SƯ VIỆN TRƯỞNG
- QUÍ VỊ GIÁO SƯ TRONG BAN GIẢNG HUẤN

@  
@ @

*Đã tận tình trao lại cho chúng tôi  
những lời dạy dỗ vãng ngọc  
những kiến thức cần thiết  
những kinh nghiệm quý báu  
trong suốt học trình 1969-1972*



DÂNG TRỌN VỀ HUẾ

Quê Hương Diễm Lệ Tuyệt Vời Của Ta



KÍNH DÂNG "HAI THÂN"

Đã hai mươi ba năm tận tụy  
hy sinh nuôi dạy con



RIÊNG TẶNG

"NAI... ngỡ ngác và hiên lành"  
Yêu Quý Của Anh

# MỤC LỤC

\*\*\*\*\*

	Trang
<b>DẪN NHẬP</b> .....	1
<b>PHẦN THỨ NHẤT</b> .- Phân tích Hiến pháp 1.4.1967 để tìm hiểu công trình xây dựng dân chủ trên phương diện lý thuyết .....	8
<b>Chương I</b> .- Quyền lợi và nghĩa vụ công dân .....	9
Đoạn I.- Quyền tự do nhân thân .....	10
Đoạn II.- Quyền tự do tinh thần .....	12
Đoạn III.- Quyền tự do chính trị .....	13
Đoạn IV.- Quyền kinh tế và xã hội .....	14
Đoạn V.- Nghĩa vụ công dân .....	15
<b>Chương II</b> .- Những định chế dân chủ ở thượng tầng kiến trúc quốc gia, với nguyên tắc phân quyền và kiểm soát hồ tương .....	16
Đoạn I.- Nguyên tắc phân quyền .....	17
Đoạn II.- Nguyên tắc kiểm soát hồ tương .....	25
Đoạn III.- Những định chế đặc biệt .....	30
<b>Chương III</b> .- Những định chế dân chủ hạ tầng cơ sở quốc gia, với nguyên tắc địa phương phân quyền. ....	35
<b>PHẦN THỨ HAI</b> .- Nhận định công cuộc xây dựng dân chủ trên thực tế. ....	38
<b>Chương I</b> .- Những quyền tự do của nhân dân có được tôn trọng không?.....	41
Đoạn I.- Quyền tự do nhân thể .....	41
Đoạn II.- Quyền tự do tinh thần .....	43
Đoạn III.- Quyền tự do chính trị .....	45
Đoạn IV.- Quyền kinh tế và xã hội .....	48
Đoạn V.- Nghĩa vụ công dân .....	51

**Chương II.- Những định chế dân chủ thượng tầng hoạt động ra sao ?** ..... 55

**Đoạn I.- Hoạt động của ba cơ quan trên thực tế** ..... 56

    I.- Quốc hội ..... 56

    II.- Hành pháp ..... 59

    III.- Tư pháp ..... 62

**Đoạn II.- Tương quan giữa ba cơ quan trên thực tế** ..... 63

    I.- Tương quan giữa hành pháp và lập pháp ..... 63

    II.- Tương quan giữa hành pháp, lập pháp với tư pháp ..... 69

**Đoạn III.- Những định chế đặc biệt hoạt động ra sao ?** ..... 71

    I.- Giám sát viện ..... 71

    II.- Những cơ quan tử vấn ..... 73

**Chương III.- Những định chế dân chủ hạ tầng hoạt động ra sao ?** ..... 75

    I.- Cấp xã ..... 75

    II.- Cấp tỉnh ..... 78

        \* Vấn đề dân sự hóa guồng máy hành chánh ..... 80

        \* Vấn đề bầu cử tỉnh trưởng ..... 82

**KẾT LUẬN.-** ..... 86

**THƯ TỊCH** ..... 95



## D Ẫ N NH Ậ P

\*\*\*\*\*

HAI QUẢ BOM NGUYÊN TỬ nổ tung thành phố Hiroshima và Nagasaki đã chấm dứt trận chiến khủng khiếp nhất của thế kỷ, ảnh hưởng hòa bình chưa kịp lộ dạng sau bao nhiêu năm bị bóng đêm chiến tranh bao phủ, thì đồng thời, đó cũng là một tiêu lệnh mãnh liệt phát khởi một trận chiến khác,, một trận chiến âm thầm, dai dẳng, dưới nhiều hình thức, sử dụng nhiều phương tiện, từ Á đến Phi, từ Trung Đông đến Mỹ La Tinh : Trận chiến tranh giành độc lập, tự do của các dân tộc thuộc tiểu A-Phi-Mỹ La Tinh.

Những quốc gia này, từ lâu, rên siết dưới gót giày của những đế quốc thực dân đô hộ, thêm muôn, khát khao tự do, nở nức, hăm mộ độc lập, chợt tỉnh ngộ cũng một lúc, đã vung lên đòi hỏi đế quốc thực dân phải trao trả độc - lập cho xứ sở, tự do cho đồng bào. Cao trào tranh thủ độc lập, tự do như một trận cuồng phong mãnh liệt lâm sụp đổ dần dần tất cả những công trình thiết trí lâu dài của đế quốc thực dân xâm lăng, thực dân tìm mọi cách và mọi phương tiện thô bạo để duy trì vị thế cha chú của họ, nhưng rồi cuối cùng, trước sức chiến đấu bền bỉ, anh hùng, dũng cảm của những dân tộc bị nô lệ, họ đành ôm hận trao trả chủ quyền cho người bản xứ oai hùng và lưỡi hái kéo đám tàn quân xâm lăng về cố hương.

Các quốc gia thuộc tiểu ngã rặng khi giành được độc lập cho quê hương, tự do cho đồng bào, công việc hùng quốc sẽ tiến hành tốt đẹp, nhưng họ đâu có ngờ rằng bầu nhiệt -

huyết cách mạng, lòng ái quốc trung kiên chưa đủ để đưa quốc gia đến chỗ phú cường.

Họ loay hoay mãi trong công việc đi tìm một mô thức chính trị thích hợp cho việc ổn định xứ sở và kiến thiết quốc gia. Họ cho rằng sức mạnh của những đế quốc đồ hộ là sản phẩm của một tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội đặt trên nền tảng kỹ thuật dân chủ. "Dân chủ" đối với họ là một câu thần chú có hiệu lực giúp giải quyết mọi nỗi khổ khăn của một quốc gia chậm tiến mới thu hồi được chủ quyền

Thấy vậy, nhiều quốc gia đã vội nhập cảng nguyên vẹn những định chế của những quốc gia tiên tiến Tây phương nhất là của mẫu quốc, với hy vọng sẽ bắt kịp những quốc gia này trên đường cứu dân, cường quốc. Nhưng chánh thể dân chủ tự do thật sự như những quốc gia Tây phương, đòi hỏi những điều kiện mà những dân tộc Á Phi Mỹ La Tinh chưa có và nhất là họ chưa kịp đặt những nền móng cần kíp để chế độ dân chủ dựa vào đó sinh tồn và phát triển.

Thế những dân chủ thật sự là gì mà những quốc gia chậm tiến lại coi như cứu cánh của mọi chánh thể, họ luôn luôn kết chung quanh chánh thể của họ một vòng hoa dân chủ?

Danh từ dân chủ (Democracy-Democratie) có nguyên gốc từ chữ Hy Lạp Demokratia gồm hai tiếng : Demos là dân chúng, Kratos là quyền, tức là quyền hành thuộc về tay dân chúng, nguyên tắc chính của lý thuyết dân chủ là dân chúng được quyền tham gia vào chính quyền, trực tiếp hay gián tiếp và chống đối chánh quyền .

Nhưng buồn thay, những quốc gia Á Phi Mỹ La Tinh, từ ngày thu hồi độc lập đến nay đã nếm đủ mùi độc tài, từ độc tài chuyên chế đến độc tài đảng trị, từ độc tài quân phiệt đến độc tài cá nhân, chỉ trừ có chế độ tự do dân chủ thật sự vẫn mãi mãi là một ước mơ...



Quốc gia VIỆT NAM thân yêu của chúng ta cũng ở trong tình trạng bi thảm chung của đồng loại chậm tiến, ngay từ lúc tiếng súng của trận thế chiến thứ hai chưa tắt, hồi thì tiếng súng chống thực dân của toàn dân VIỆT đã vang rền khắp quê hương, với ý chí kiên cường, với tinh thần dũng mãnh và với khát vọng thanh bình, độc lập, tự do, toàn dân đã đánh lại độc lập cho quê hương, thanh bình cho xứ sở và tự do cho đồng bào.

Toàn dân chưa kịp mở hội mừng ngày độc lập thì phải ngậm ngùi nhìn giang sơn gấm vóc bị chia đôi, một nửa quê hương rơi vào vòng cương tỏa của Cộng Sản Quốc tế, phần đất còn lại phải gia nhập vào khối tự do hầu tìm một đôi lực cân xứng khả dĩ đường đầu với cả một khối Cộng Sản hung hậu kia.

Miền Nam Việt Nam với nền đệ I Cộng Hòa và Tổng Thống Ngô đình Diệm đã đem lại niềm tin tưởng và hy vọng lớn cho toàn dân, Tổng Thống Ngô đình Diệm đã có công rất lớn trong việc tái lập trật tự, ổn định xứ sở, hàn gắn những đổ vỡ của chiến tranh và tạo được một chánh quyền mạnh có căn bản pháp lý vững chắc, dân chủ, ít nhất là trên hình thức.

Thế nhưng, Hiến Pháp năm 1956 đã tạo khung cảnh cho sự chồm nở của độc tài cá nhân, tập trung quyền hành, hậu quả là dân chủ bị chà đạp, đối lập bị thủ tiêu, tự do bị tước đoạt. Toàn dân nén lòng chờ đợi một sự đổi mới...

Ngày 1-11-1963, tiếng súng của quân đội cách mạng nổ đòn đả tại Thủ đô Saigòn, đánh dấu một khúc quanh quan trọng của lịch sử Việt Nam : Nền đệ I Cộng Hòa và chế độ gia đình trị đã bị cáo chung. Tiếng súng chưa dứt hẳn và dư cơ linh giới nghiêm, đồng bào đã ứa ra các đường phố hoan hô, ủng hộ các chiến sĩ cách mạng, tinh quân dân chưa bao

giữ thắm thiết như lúc này, ước vọng tự do dân chủ của toàn dân sau bao nhiêu năm bị dồn ép lại có dịp bùng cháy dữ dội và hào khí cách mạng lăm sô sục bao nhiêu tâm hồn yêu nước. Đây là cơ hội ngàn năm một thuở để các nhà lãnh đạo phong trào cách mạng để đảng tập hợp toàn dân thành một khối keo sơn, hầu chiến thắng Cộng Sản và xây dựng quốc gia, nhưng các tướng lãnh cách mạng đã không hoàn thành sứ mạng cao cả đó, một mặt vì thiếu chuẩn bị ý thức chánh trị để lãnh đạo, một mặt vì bất đồng ý kiến, tranh chấp quyền hành trong hội đồng quân nhân cách mạng, cơ hội ngàn vàng đã qua đi và mọi người hồi tiếc khôn nguôi,...

Cuộc chỉnh lý của tướng Nguyễn Khánh đã mở màn cho những xáo trộn dây rây tiếp theo và chính tình chỉ được tạm thời ổn định với ước pháp tạm thời 19-6-65, với văn kiện hiến tính này, mọi quyền hành trong quốc gia tập trung vào tay Đại Hội Đồng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, ĐHQQL ủy nhiệm cho Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia : Tướng Nguyễn Văn Thiệu, nắm quyền Lập Pháp và một nội các ra đời do Tướng Nguyễn Cao Kỳ, Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương lãnh đạo.

Tuy nhiên, trong bài hiệu triệu quốc dân của Trung tướng Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia vào ngày 14-6-65, Tướng Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố : "Tổ quốc đang lâm nguy, muốn chiến thắng Cộng Sản xâm lăng... phải có một chính phủ mạnh..." Ông không đề cập đến vấn đề xây dựng dân chủ mà chỉ hứa : "...ngay nào an ninh được vấn hồi, trật tự được lập lại, tự do được bảo đảm, bọn Cộng Sản khủng bố bị tiêu diệt, bọn phản quốc bị quét sạch, bọn sâu dân một nước bị loại trừ, bọn đầu cơ thối cuộc chỉ mong đục nước béo cò bị đào thải, ngày ấy, chúng tôi sẽ trao trả chánh quyền lại cho những cơ quan do toàn dân lựa chọn..." Lời tuyên bố này xác nhận ý định cầm quyền lâu dài của nhóm tướng lãnh trong Đại Hội - Đồng Quân Lực.



Một chánh quyền quân sự có thể là một chánh quyền mạnh bởi vì được điều khiển bởi những bàn tay gang thép, kỷ luật khắc khe, súng đạn đầy minh, nhưng nó mang nặng nguy cơ độc tài quân phiệt, tự do có thể bị chà đạp, dân quyền có thể bị hy sinh và do đó công cuộc xây dựng dân chủ có thể bị trì trệ,

Đứng trước nguy cơ đó, nhiều cuộc vận động được thực hiện để tiến tới một chánh quyền dân chủ, có một căn bản pháp lý vững chắc, để có thể vừa vô hiệu hóa những lời chỉ trích, tuyên truyền của đối phương, vừa làm cho ngoại nhân phải kiêng nể.

Tuy nhiên, cao trào tranh thủ dân chủ chỉ có dịp bùng cháy khi tướng Nguyễn Chánh Thi bị giải nhiệm khỏi chức vụ Tư Lệnh vùng I Chiến Thuật, Giáo Hội Phật Giáo tử yêu sách ban đầu là phục chức cho tướng Thi, đã liên hoan đấu tranh đòi hỏi chính quyền nhân phải từ chức và tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến để toàn dân có thể tiến cử những đại diện chân thực của mình soạn thảo Hiến Pháp, tạo căn bản pháp lý vững chắc cho thể chế tương lai.

Ban đầu, chỉ có Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, sau đó, những đoàn thể chính trị, tôn giáo khác đã lên tiếng ủng hộ một cơ cấu dân chủ đại diện trung thực cho toàn dân. Trước tình thế khẩn trương và áp lực của các phong trào vận động, tranh đấu quyết liệt, Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia đã nhường bộ và cho triệu tập Đại Hội Chính Trị toàn quốc, nhưng tiếc thay, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất, lực lượng nòng cốt tranh đấu cho thể chế dân chủ tương lai lại bất hợp tác với chính quyền quân nhân.

Tuy nhiên, Đại hội Chính trị toàn quốc vẫn được khai mạc vào ngày 12-4-66, sau ba ngày làm việc, đại hội



đã chung quyết một quyết nghị bốn điểm, nhưng quan trọng nhất là đề nghị tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến. Do đó trong buổi bế mạc, tướng Nguyễn Văn Thiệu đã tuyên đọc sắc luật 14/66 thiết lập Quốc Hội Lập Hiến.

Ngày 11-9-66, toàn dân đã nô nức đi bầu 117 đại biểu vào Quốc Hội Lập Hiến, đạt tỷ lệ 80% tổng số cử tri trên toàn quốc, đề bắt tay vào việc soạn thảo một văn kiện căn bản cho quốc gia mà toàn dân đang mong đợi.

Sau sáu tháng trời làm việc, Quốc Hội Lập Hiến đã chung quyết toàn bộ dự thảo Hiến Pháp và đã được Chủ tịch Ủy Ban Lãnh đạo Quốc Gia ban hành ngày 1-4-1967 khai sinh nền đệ II Cộng Hòa Việt Nam.

1-4-67 mở một kỷ nguyên mới cho quốc gia Việt Nam, chúng ta đã có một bản Hiến Pháp tiến bộ, dựa trên ý nguyện chính đáng của toàn dân, Hiến Pháp 1967 đã thỏa mãn phần nào khát vọng dân chủ của toàn dân và đánh dấu một bước tiến vĩ đại trên con đường xây dựng dân chủ.

Đến nay, nền đệ II Cộng hòa đã 5 tuổi, chúng ta hãy nhìn lại những thành quả đạt được trong 5 năm qua, những khuyết điểm đã vấp phải, những khó khăn bất gặp khi phải biến những điều khoản tổng quát của văn thực Hiến Pháp thành những văn kiện cụ thể, <sup>những</sup> rắc rối trong việc thực thi những lý thuyết dân chủ mà Hiến Pháp đã đề ra hầu tìm một hướng tiến ít lâm lổ, dẫn dắt quốc gia đến một nền dân chủ thật sự và trường cửu.

Trong chiều hướng đó, chúng tôi sẽ trình bày trong phần thứ Nhất những quyền tự do căn bản và những định chế dân chủ mà Hiến Pháp 1967 đã đề ra, tuy nhiên, để chứng thực sự tiến triển, chúng tôi sẽ đối chiếu với Hiến Pháp đệ I Cộng hòa, xem sự tiến bộ đó đã đạt đến mức nào và ra sao.

Tuy nhiên, thực tế và lý thuyết có khi lại là hai chân trời khác biệt, do đó chúng tôi sẽ so chiếu với thực tế của xứ sở sau năm năm thực thi Hiến Pháp, xem Hiến Pháp đã được tôn trọng đúng mức chưa, hay cũng và chỉ là một bản văn chết, để tô điểm và làm cảnh cho chế độ mà thôi.

Sau hết, chúng tôi sẽ có vài ý kiến thô thiển để xây dựng và phát triển dân chủ trong môi trường quốc gia chậm tiến, bị chiến tranh tàn phá, tham nhũng hoành hành như quốc gia Việt Nam thân yêu của chúng ta.

Với ước mơ tim tôi, học hỏi để xây dựng, chúng tôi xin đi vào đề tài...

Phần Thứ Nhất.- Phân tích Hiến Pháp 1967  
để tìm hiểu công trình  
xây dựng dân chủ trên  
phương diện lý thuyết.

Phần Thứ Hai.- Nhận định công cuộc xây  
dựng dân chủ trên thực  
tế.



Hiến-Pháp 1967 ra đời sau một giai đoạn đấu tranh quyết liệt và trong một hoàn cảnh khó khăn nên nó có những sắc thái đặc thù.

Trước hết, Hiến-Pháp đã nêu những quyền lợi và nghĩa vụ của công dân trong một quốc-gia dân-chủ, tự do, những quyền này đã được Hiến-Pháp quy-định khá đầy đủ và chúng ta có cảm tưởng nếu những quyền này được thi hành nghiêm chỉnh, chúng ta sẽ được sống dưới một chế độ quá nhiều tự do, tương tự như những Quốc-gia tiên tiến Tây-phương vậy.

Kế đó, sự phân quyền giữa 3 cơ quan đầu não của guồng máy Quốc-gia được nêu ra như là nguyên tắc bảo đảm dân chủ, tự do, tuy nhiên để hoạt động Quốc-gia được điều-hòa và ổn định, nguyên-tắc kiểm soát hỗ tương giữa ba cơ quan cũng được chấp nhận với lý-thuyết phân nhiệm. Ngoài ra nhà Lập-hiến còn đặt thêm những định chế đặc biệt, hầu trong sạch hóa guồng máy công quyền và giúp đỡ cho ba định chế nòng cốt chuyển vận một cách minh chính, và tốt đẹp.

Sau hết, vấn đề địa phương phân quyền cũng đã được Hiến-Pháp quy định, như là nguyên tắc căn bản để tiến tới một nền Dân - Chủ trung thực và gần gũi với dân chúng hơn.

Như vậy, trong phần thứ nhất này, chúng tôi sẽ đề cập lần lượt ba chương:

- |             |  |
|-------------|--|
| Chương I,   | Những quyền tự do căn bản và nghĩa-vụ của công dân trong một quốc-gia dân-chủ. |
| Chương II,  | Những định chế dân chủ ở thượng tầng kiến trúc Quốc-gia.                       |
| Chương III, | Những định chế dân-chủ ở hạ tầng kiến trúc Quốc-gia.                           |

phần thứ nhất

**PHÂN TÍCH HIẾN PHÁP ĐỆ II**  
**CỘNG HÒA ĐỂ TÌM HIỂU**  
**CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG DÂN CHỦ**  
**TRÊN PHƯƠNG DIỆN LÝ THUYẾT**

## CHƯƠNG MỘT

\*\*\*\*\*

# QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN

Tự do và dân chủ phải đi đôi như hình với bóng và cần có nhau như cá với nước, có dân chủ là phải có tự do, do đó sau lời mở đầu cam kết thiết lập một chính thể Cộng hòa của dân, do dân và vì dân, Hiến-Pháp đã quy định những quyền tự do căn bản của công dân một cách đầy đủ trong chương II gồm 24 điều.

Để cho việc khảo sát các quyền công dân được sáng sủa và rõ ràng, chúng tôi theo Giáo-sư Vương Văn Bắc trong giảng tập "Định chế chính trị Việt-Nam" chia các quyền công dân làm 4 loại :

- Quyền tự do nhân thân
- Quyền tự do tinh thần
- Quyền tự do chính trị
- Quyền tự do kinh-tế và xã-hội.



**ĐOẠN 1.- QUYỀN TỰ DO NHÂN THÂN.-**

Hiến-Pháp 1967 đã đề cập những quyền sau :

- Quyền an toàn cá nhân và quyền biện hộ
- Quyền tự do cư trú, di lại, xuất ngoại, hồi hương.
- Quyền được tôn trọng đời tư, nơi cư ngụ, thư tín

Khách quan mà nói, Hiến-pháp 1967 đã thực - hiện được những tiến bộ đáng kể trong công cuộc bênh vực công dân chống lại mọi xâm phạm vào những quyền tự do căn bản này bằng cách cố gắng thiết lập những bảo đảm cụ thể cho sự hành xử những quyền mà Hiến-Pháp công nhận, bằng chứng là sau khi ghi nhận "Quốc-gia tôn trọng và bảo vệ quyền an toàn cá nhân và quyền biện hộ", Hiến-pháp xác - định "Không ai có thể bị bắt bớ, giam giữ, nếu không có mệnh lệnh hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền luật định, ngoại trừ trường hợp của tang phạm pháp," Hiến-pháp còn đặt thêm những bảo đảm sau :

1)- Bị can và thân nhân phải được thông báo tội trạng trong thời hạn luật định, nhằm ngăn ngừa sự bắt giữ có tính-cách chính-trị, trong đó gia đình và ngay cả bị can không biết bị trách cứ về tội gì.

2)- Mọi sự câu lưu phải đặt dưới quyền kiểm soát của cơ quan tư pháp, nhằm ngăn cản những lạm dụng của thủ tục câu lưu hành-chánh, bảo-đảm này cũng như luật Habeas Corpus của Anh Mỹ .

3)- Cấm tra tấn, đe dọa hay cưỡng bách thú tội , sự nhận tội trong trường hợp này không được coi là bằng chứng buộc tội, nhằm bảo đảm cho người dân vì đau đớn, lo sợ mà nhận ngay tội dù y không phạm pháp.

4) - Luật sư của bị can được dự kiến trong mọi giai đoạn thẩm vấn kể cả trong cuộc điều tra sơ vấn, đây là một sự tiến bộ và bảo đảm quan trọng mà Hiến-pháp 1967 ghi nhận trong khi Hiến-pháp 1956 không quy định, giai đoạn điều tra sơ vấn là giai đoạn thẩm vấn tại Ty Cảnh-sát.

5) - Bị can về các tội tiêu hình, chưa có tiền án quá ba tháng tù về các tội phạm cố ý, có thể được tại ngoại hầu tra nếu có nghề nghiệp và địa chỉ chắc chắn. Nữ bị can về các tội tiêu hình, có nghề nghiệp và địa chỉ chắc chắn, có thể được tại ngoại hầu tra nếu có thai trên ba tháng. Đây là một điều khoản quan trọng vừa nhằm mục đích nhân đạo, vừa tránh cho những kẻ sơ phạm khỏi phải chung đụng với những người bất hảo, có thể gây ảnh hưởng không tốt cho những kẻ mới phạm tội này.

6) - Bị can bị bắt giữ oan ức sau khi được tuyên bố vô tội có quyền đòi quốc-gia bồi thường trong những điều kiện luật định, đây là bảo đảm quan trọng cho công dân, Hiến-pháp quy định trong mục đích đền bồi cho người vô tội bị hàm oan, phải mất công ăn việc làm vì những sơ sót của nền công lý.

7) - Hiến-pháp đã bãi bỏ sự câu thúc thân thể vì thiếu nợ, đây cũng là một tiến bộ đáng kể vì thiếu nợ là một tội dân sự, không thể vì túng quẫn hay không gặp thời mà phải chịu tù tội.

Về quyền tự do xuất ngoại và hồi hương, Hiến-pháp 1967 đã bãi bỏ những hạn chế khắc khe trong Hiến-pháp 1956, chứng tỏ quyền công dân được tôn trọng mạnh mẽ hơn, quyền tự do này chỉ bị giới hạn bởi lý do y tế, an ninh, quốc phòng chứ không còn lý do kinh tế, tài chính và lợi ích công cộng như Hiến-pháp trước nữa.



Về tính cách riêng tư của thư tín, Hiến-pháp 1967 sau khi công nhận còn ghi thêm : "những hạn chế nếu có phải do một đạo luật quy định" đã bảo đảm mạnh mẽ quyền này hơn Hiến-pháp 1956 khi Hiến-pháp này ghi nhận nhiều xâm phạm như có lệnh của tòa án, an ninh công cộng và trật tự chung.

## ĐOẠN II.- QUYỀN TỰ DO TINH THẦN.-

Hiến-pháp 1967 đã liệt kê nhiều quyền :

- Quyền tự do tín ngưỡng, truyền giáo và hành đạo
- Quyền tự do giáo dục
- Quyền tự do tư tưởng, ngôn luận, báo chí và xuất bản...

1)- Sau khi công nhận quyền tự do tín ngưỡng, hành giáo và truyền đạo, Hiến-pháp còn ghi thêm : Quốc gia không thừa nhận tôn giáo nào là Quốc giáo, Quốc - gia vô tư đối với sự phát triển của các tôn giáo, đã phản ánh rõ rệt thái độ của nhà Lập-hiến là không muốn dính líu đến những tranh chấp tôn giáo có sẵn từ lâu, cũng như không muốn có một thái độ kỳ thị, thiếu bình đẳng của các nhà cầm quyền đối với bất cứ tôn giáo nào.

2)- Hiến-pháp khi xác nhận quyền tự do giáo dục, còn ghi thêm : "Nền giáo dục Đại-học được tự trị" đã chứng tỏ nhà Lập hiến thỏa mãn phần nào những khát vọng của sinh viên tranh đấu đòi quyền tự trị Đại học song song với phong trào đòi triệu tập Quốc-Hội Lập-Hiến dân cử.

Thêm nữa để chứng tỏ sự lưu tâm của nhà Lập hiến đối với nền văn hóa dân tộc, điều 11 ghi nhận : "Văn hóa giáo dục phải được đặt vào hàng quốc sách. Một ngân sách thích đáng phải được dành cho việc phát-triển văn + hóa giáo dục".



3)- Quyền tự do báo chí được công nhận và chế độ kiểm duyệt không được chấp nhận trừ bộ môn điện ảnh và kịch trường, chúng tôi nhà Lập hiến đã lưu tâm tới đòi hỏi của báo giới là bãi bỏ chế độ kiểm duyệt báo chí đã được thiết lập từ thời Cách-mạng 63.

### ĐOẠN III.- QUYỀN TỰ DO CHÍNH TRỊ.-

Ngoài những quyền cơ bản có sẵn trong Hiến-pháp 1956, Hiến-pháp 1967 đã du nhập vài quyền chính trị mới mẽ và cấp tiến.

1)- Quyền tự do hội họp và lập hội.

2)- Quyền bầu cử, ứng cử và tham gia công vụ trên căn bản bình đẳng theo thể thức và điều kiện luật định.

3)- Quyền chính trị nói chung kể cả quyền đối lập công khai bất bạo động và hợp pháp, cũng như quyền tự do thỉnh nguyện.

4)- Quyền sinh hoạt chính đảng cũng được tôn trọng khi Hiến-pháp đã ưu ái dành trọng chương 7 cho vấn đề chánh đảng và đối lập chính trị. Điều 99 : Quốc gia công nhận chánh đảng giữ vai trò thiết yếu trong chế độ dân chủ, đây là một ưu điểm của Hiến-pháp 1967 khi nhìn nhận vai trò quan trọng của chính đảng trong một Quốc-gia mệnh danh là dân chủ tự do. Tuy nhiên quyền sinh hoạt đảng phải chịu một hạn chế ở điều 23, Quân nhân tại ngũ không được sinh hoạt đảng phái, Quân nhân đặc cử vào chức vụ dân cử hay tham chánh tại cấp bậc trung ương phải giải ngũ hay nghỉ giả hạn không lương, đây là một sự quy định đặc biệt nói lên sự lo âu và phản ứng của nhà Lập hiến đối với phong trào "Quân sự hóa", một đe dọa lớn cho nền dân chủ phôi thai của nước nhà.

Nơi đây ta ghi nhận hai quyền mới của Hiến - pháp 1967 là quyền đối lập và quyền thỉnh nguyện.

Quyền thỉnh nguyện là một quyền vay mượn trong Hiến-pháp của Đại-hàn đây là quyền của người dân yêu cầu nhà cầm quyền giải quyết những khiếu nại hay thỉnh cầu, quyền này thật sự đã có từ thời Quân-Chủ xa xưa, để nhân dân bị áp bức, bóc lột có thể nêu lên những oan ức của mình bằng cách đánh trống tại tòa, nay Hiến-pháp nhắc lại để ban cho quyền này một sự hợp pháp và chứng nhận tính cách dân chủ của chế độ chúng ta đang sống mà thôi.

Quyền đối lập, thật sự nằm trong những quyền tự-do chính trị khác, nơi đây nhà Lập-hiến chỉ có hảo ý ban cho quyền này một sự tôn trọng và hợp pháp mà Hiến - pháp đệ I Cộng Hòa không có.

#### ĐOẠN IV.- QUYỀN KINH TẾ VÀ XÃ HỘI.-

Hiến-pháp 1967 đã nhìn nhận vô số quyền kinh tế và xã hội như quyền làm việc, quyền tự do kinh doanh, quyền tư hữu, quyền tự do nghiệp đoàn và quyền đình công, quyền công nhân cử đại biểu tham gia xí nghiệp, quyền lợi đặc biệt cho ĐỒNG BÀO thiểu số... Trong đó có những quyền có giá trị thực tiễn như quyền tư hữu, quyền làm việc, quyền kinh doanh..., nhưng cũng có nhiều quyền đi quá xa thực - tế và hoàn cảnh của Quốc gia chúng ta : Quốc-gia thiết lập chế độ an ninh xã hội, tạo công ăn việc làm cho mọi công dân, nâng đỡ thành phần xã hội yếu kém về kinh tế. ....

Về quyền tự do nghiệp đoàn và quyền đình công, Hiến-pháp 1967 đã bãi bỏ nhiều hạn chế trong Hiến - pháp 1956 như công chức không có quyền đình công và ngay cả đối với nhân viên và công nhân trong các ngành hoạt động liên quan đến quốc phòng, an ninh công cộng hoặc nhu cầu



thiết yếu của đời sống tập thể cũng không được đình công dưới thời độ I Cộng-Hòa, sự bãi bỏ những hạn chế chứng tỏ tinh thần cởi mở của Hiến-pháp 1967 và quyền tự do của công dân được đề cao.

Riêng quyền công nhân được cử đại biểu tham gia quản trị xí nghiệp đã là đề tài tranh luận sôi nổi trong và ngoài Quốc-hội Lập-khiến khi biểu quyết điều khoản này, thật sự đây là giải pháp ôn hòa trong vấn đề cải thiện tương quan chủ thợ : đại biểu công nhân tham gia vào việc quản trị xí nghiệp nhưng cơ cấu tư bản của xí nghiệp vẫn được duy trì, chủ nhân vẫn giữ vai trò chính trong việc điều khiển xí nghiệp, công nhân đại biểu chỉ đặc biệt chú trọng đến vấn đề lương bổng và điều kiện làm việc, đây là hai vấn đề mà trong bất cứ kế ước lao động cá nhân hay cộng đồng nào cũng đề cập, như vậy quyền hành chủ nhân vẫn không sút mẻ bao nhiêu, gọi là xí nghiệp tư bản cải cách.

#### ĐOÀN V. - NGHĨA VỤ CÔNG DÂN. -

Đã là công dân trong một Quốc-gia dân chủ, độc lập, người dân được thụ hưởng những quyền tự do thì họ phải có những nghĩa vụ để cân xứng với quyền lợi đang có.

- Nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc và chính thể Cộng-Hòa.
- Bảo vệ Hiến-pháp và tôn trọng luật pháp.
- Thi hành nghĩa vụ quân dịch
- Đóng thuế.

Trên đây là tóm lược những quyền lợi và nghĩa vụ công dân sống dưới nền độ nhị Cộng-Hòa Việt-Nam đã được long trọng ghi nhận trong Hiến-pháp, nhưng sự thực, những quyền tự do này có được tôn trọng không lại là một vấn đề khác, chúng ta sẽ đề cập trong phần thứ hai, tiếp đây chúng ta hãy nhìn xem những lý thuyết dân chủ đã được Hiến-pháp 1967 công nhận, biến cải thành nguyên tắc phân quyền và kiểm soát hỗ tương, cũng như nguyên tắc địa phương phân quyền như thế nào ?

## CHƯƠNG HAI

\*\*\*\*\*

# NHỮNG ĐỊNH CHẾ DÂN CHỦ Ở THƯỜNG TẦNG KIẾN TRÚC QUỐC GIA VỚI NGUYÊN TẮC PHÂN QUYỀN VÀ KIỂM SOÁT HỒ TỬNG

Hiến-pháp 1967 chào đời khi năm mỗ đệ I Cộng -Hòa hã y còn xanh cỏ, do đó một trong những ưu tư lớn nhất của các nhà Lập-hiến là làm sao thiết lập những định chế ngăn ngừa chế độ độc tài xuất hiện.

Nhưng tình trạng chiến tranh, chậm tiến của nước nhà đòi hỏi phải có một chính quyền mạnh, ổn cố hầu hướng dẫn toàn dân trong công việc kiến tạo Quốc-gia và chiến thắng Cộng-sản.

Hai đòi hỏi mâu thuẫn này tạo thành một bài toán nan giải cho các nhà Lập hiến.

Nếu theo Montesquieu trong L'esprit des Lois "Phân quyền làm ba" : chia quyền hành của nhà nước cho ba cơ quan, cơ quan này không được xâm lấn vào cơ quan kia, để quyền hành khỏi tập trung trong tay một người hay cơ quan, thì độc tài khó xuất hiện, do đó Dân-chủ được tôn trọng nhưng sự điều hành guồng máy Quốc-gia sẽ cứng nhắc, trì trệ.

Trái lại thuyết phân nhiệm do Jean Jacques Rousseau khởi xướng trong Contrat Social, cho rằng quyền hành trong Quốc-gia chỉ có một mà thôi, sự hành xử quyền hành tạo nên những nhiệm vụ khác nhau, nên giao phó cho những



cơ quan khác nhau theo lý thuyết phân công, nói khác chủ trương phân nhiệm không chống lại sự kiện cơ quan này nhòm ngó và can thiệp vào công việc thuộc lãnh vực cơ quan kia.

Hiến-pháp 1956 chỉ công nhận nguyên tắc phân nhiệm giữa hai quyền lập pháp và hành pháp, cơ quan tư pháp không được coi là một quyền tương đương với hai quyền kia, khiến quyền hành pháp thời đó đã xâm lấn trắng trợn vào lãnh vực của cơ quan lập pháp, hậu quả thể thảm là độc tài xuất hiện và lý thuyết Dân-chủ bị phản bội.

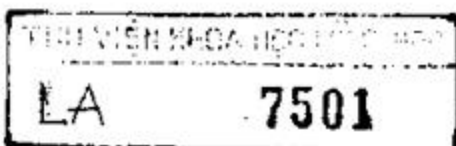
Hiến-pháp 1967 do đó đã thêm nguyên tắc phân quyền như là một bức tường ngăn chặn chế độ độc tài, nhưng vẫn duy trì lý thuyết phân nhiệm trong điều 3 : "Ba cơ quan Lập pháp, Hành-pháp và Tư-pháp phải được phân nhiệm và phân quyền rõ rệt. Sự hoạt động của ba cơ quan công quyền phải được phối hợp và điều hòa trên căn bản TỰ DO, DÂN CHỦ và CÔNG BẰNG xã hội để thực hiện trật tự xã hội và thịnh vượng chung."

Như vậy, Hiến-pháp 1967 đã công nhận ba cơ quan Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-pháp ngang hàng và độc lập với nhau, nhưng cả 3 cơ quan phải phối hợp và điều hòa hoạt động để thực hiện những cứu cánh tối yếu của quốc-gia vì thế trong chương này chúng tôi sẽ đề cập nguyên tắc phân quyền, trong đó 3 cơ quan sẽ có những quyền hành riêng rẽ và nguyên tắc kiểm soát hỗ tương : 3 cơ quan ảnh hưởng lẫn nhau.

## ĐOẠN I. - NGUYÊN TẮC PHÂN QUYỀN. -

### 1. - Quyền lập pháp. -

Quyền lập pháp được Quốc dân ủy nhiệm cho Quốc Hội, gồm có hai viện, Thượng nghị viện và Hạ nghị viện, Thượng nghị viện gồm những Nghị-sĩ do cử tri toàn quốc



bầu lên và Hạ nghị viện gồm những Dân-biểu đại diện cho đơn vị Tỉnh. Thượng nghị viện có 30 đến 60 Nghị-sĩ và Hạ viện có 100 đến 200 Dân-Biểu .

Nhiệm kỳ của dân biểu là 4 năm, nhiệm kỳ của Nghị sĩ là 6 năm, cứ 3 năm bầu lại 1/2 tổng số Nghị-sĩ.

Với lo sợ chế độ độc viện thường dễ bị Hành-pháp mua chuộc, lung lạc, nên nhà Lập hiến đã chấp nhận chế độ lưỡng viện vì nghĩ rằng 2 viện sẽ kèm chế kiểm soát lẫn nhau, do đó Hành-pháp khó mua chuộc và thao túng cả hai Viện, nhất là Thượng viện với những Nghị-sĩ lớn tuổi, chính chắn, có tiếng tăm trên toàn quốc.

Với một Quốc-hội tăng cường như vậy, Hiến - pháp 1967 còn dành cho Quốc-hội nhiều quyền hành mà Quốc - Hội đệ I Cộng-Hòa không có, đã chứng tỏ sự lo âu của nhà Lập hiến trước đe dọa thường trực của phong trào độc tài của Hành pháp.

Theo điều 39, Quốc-Hội có nhiều quyền hành :

- Biểu quyết những đạo luật (trong này có cả luật Ngân sách).
- Phê chuẩn các hiệp ước và hiệp định quốc-tế.
- Quyết định việc tuyên chiến hay nghị hòa.
- Quyết định ban bố tình trạng chiến tranh.
- Trong phạm vi mỗi viện, quyết định sự hợp thức hóa của Dân-biểu, Nghị-sĩ.

Ngoài ra Dân-biểu Nghị-sĩ còn có thẩm quyền :

- Sáng quyền lập pháp là đệ trình những dự án luật.
- Khi biểu quyết Ngân-Sách có quyền đề nghị những khoản chi nhưng đồng thời phải đề nghị những khoản thu tương đương .
- Toàn quyền ấn định nội quy và tổ chức nội bộ.
- Quyền đề nghị tu chính Hiến-pháp.



1)- Về quyền làm luật, theo Hiến-pháp 1967, Quốc Hội nắm độc quyền làm luật, trong khi đó, theo Hiến - Pháp 1956 thẩm quyền làm luật của Quốc-Hội đã bị Tổng - Thống chia xẽ.

Hiến-pháp 1956 đã cho Tổng Thống quyền ban hành sắc luật trong nhiều trường hợp :

- Giữa hai khóa họp của Quốc-Hội, Tổng Thống có thể vì lý do khẩn cấp ban - hành sắc luật, nếu trong khóa họp tiếp cận Quốc-Hội không bác bỏ, sắc luật ấy sẽ thành luật.

- Trong tình trạng chiến tranh, khẩn cấp hay nội loạn, khủng hoảng kinh tế, tài chính, Quốc-Hội có thể ủy quyền cho Tổng Thống ký sắc luật trong một thời gian, với những hạn định rõ, để thực hiện chính sách mà Quốc - Hội đã ấn định trong đạo luật ủy-quyền. Ba mươi ngày sau khi mãn thời hạn ấn định trong đạo luật ủy-quyền, Quốc - Hội không bác bỏ, sắc luật ấy sẽ thành luật.

- Trong trường hợp Quốc-Hội không biểu quyết kịp luật Ngân-sách, Tổng Thống có thể ban hành sắc luật cho thi hành 1/4 ngân sách cho mỗi tam cá nguyệt, Quốc - Hội phải giải quyết những hậu quả gây nên do việc bác bỏ hay sửa đổi những điều khoản của sắc luật Ngân-sách khi biểu quyết đạo luật Ngân sách.

Hiến-pháp 1967 đã gạt bỏ quyền ban hành sắc luật của Tổng Thống trong hai trường hợp trên và chỉ cho Tổng Thống ban hành sắc luật trong hai trường hợp thật là hạn chế mà chúng ta sẽ nêu lên trong phần nói về ảnh hưởng của Tổng Thống đối với Quốc-Hội, như vậy quả thật nguyên tắc phân quyền đã được Quốc-Hội chấp nhận để giới hạn phần nào quyền hành rộng rãi của ông không lờ Hành-Pháp.

2)- Về quyền phê chuẩn các hiệp ước và hiệp định quốc tế, Hiến-pháp 1967 đã tăng gia quyền hành của Quốc Hội rõ rệt so với Hiến-pháp 1956 vì trong Hiến-pháp 1956 Tổng Thống có quyền ký kết và phê chuẩn, Quốc-Hội chỉ có quyền chấp thuận mà thôi và quyền chấp thuận này thật là mơ hồ và không có nghĩa lý gì.

3)- Hiến-pháp 1967 cũng đã gạt Tổng Thống ra ngoài quyền tuyên chiến và nghị hòa, trong khi Hiến-pháp 1956 ban cho Tổng Thống quyền tuyên chiến và phê chuẩn hòa ước với sự thỏa thuận của 1/2 tổng số Dân biểu.

4)- Sự độc lập của Quốc-hội còn được đề cao khi Hiến-pháp quy định Quốc-Hội tự quyết định sự hợp thức hóa của các dân biểu và nghị-sĩ mặc dù mình vừa là quan tòa vừa can nhân cũng không được hợp lý, nhưng nó vẫn hay hơn là để cho một cơ quan khác quyết định sự hợp thức hóa này .

Sau hết Hiến-pháp 1967 đã gia tăng những đặc quyền của Dân-biểu và Nghị-sĩ so với Hiến-pháp 1956, để khi hành xử quyền đại diện dân họ không bị áp lực hay đe dọa từ phía Hành-pháp hay Tư-pháp. Họ có quyền ăn to nói lớn, chỉ trích những lỗi lầm của chánh-phủ, nêu lên những khát vọng, uất ức của đám quần chúng, tại diễn đàn Quốc-Hội.

"Dân biểu và Nghị-sĩ không thể bị truy tố, tầm nã, bắt giam hay xét xử, trong suốt thời gian pháp nhiệm, nếu không có sự chấp thuận của 3/4 tổng số Dân-biểu và Nghị-sĩ," trong khi Hiến-pháp 1956 chỉ cho Dân biểu hưởng đặc quyền này trong hai khóa họp của Quốc-Hội và thời gian đi về mà thôi, cũng như không cần phải có một tước số Dân biểu nào mới có thể truất đặc quyền này, như vậy Hiến-pháp 1967 quả thật đã nâng cao địa vị của những người đại diện dân tại hai viện lập pháp.



Ngoài ra Hiến-pháp 1967 cũng đã cho Dân biểu và Nghị-sĩ quyền bảo mật những tài liệu xuất trình trước Quốc Hội, đây là một bảo đảm cần thiết mà Hiến pháp đệ I Cộng Hòa không quy định, thật vậy nếu không có bảo đảm này thì người dân không đại gì cung - cấp tài liệu cho những người đại diện mình, bởi vì chẳng may danh - tánh mình bị tiết lộ thì thật vô cùng nguy hiểm cho những dân đen trước áp lực và uy quyền của những tay tổ tham nhũng, hống hách.

Tuy nhiên để có thể hành xử quyền Đại diện một cách trung thực và minh chính, Hiến-pháp cũng cấm Dân - biểu, Nghị-sĩ kiêm nhiệm một chức vụ công cử hay dân cử nào khác, cũng như họ và người hôn phối không được tham - dự những cuộc đấu thầu hay ký hợp - đồng với cơ quan công quyền.

Nhìn chung, thẩm quyền của Quốc-Hội đệ II Cộng - Hòa đã được gia tăng mạnh liệt, những đặc miễn và vô trách nhiệm cũng được Hiến-pháp 1967 quy định một cách rộng rãi hơn, trong khi chức vụ Tổng Thống nói riêng và hành pháp nói chung lại bị giới hạn chặc-chẽ, chúng ta hãy xét xem những giới hạn đó như thế nào và ra sao ?

### 11.- Quyền hành pháp.

Quyền Hành-pháp được Quốc-dân ủy nhiệm cho Tổng Thống, Tổng Thống và Phó Tổng Thống đứng chung một liên danh, được toàn dân bầu lên theo lối phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và kín, nhiệm kỳ của Tổng Thống và Phó Tổng - Thống là 4 năm và chỉ có thể tái cử một lần.

Ngoài Tổng Thống, Hiến-pháp 1967 còn đặt thêm chức vụ Thủ Tướng điều khiển Chánh phủ, Thủ-Tướng vừa chịu trách nhiệm trước Tổng Thống vừa chịu trách nhiệm trước Quốc Hội. Thủ-tướng do Tổng Thống bổ nhiệm và giải

nhiệm, nhưng Quốc-Hội với một đa số quan trọng có thể lật đổ nội các do Thủ Tướng cầm đầu, như vậy đây không phải là Tổng Thống chế mà là một nội các chế tăng cường như thể chế của Hiến-pháp Đại-Hàn và Pháp Quốc, nhà Lập hiến đặt ra chức vị Thủ-Tướng vừa để giới hạn phần nào thêm quyền của Tổng Thống, dù Thủ Tướng chỉ là một nhân viên thừa hành của Tổng Thống, vừa làm cho Tổng Thống có nhiều thì giờ rảnh rỗi để hoạch định chính sách Quốc-gia và những đại sự khác, cũng như làm "vật tế thần", trong trường hợp có sự căng thẳng giữa Hành pháp và Lập pháp.

Với lo sợ Tổng Thống có quá nhiều quyền hành, và vị Tổng Thống đầu tiên có lẽ là một vị tướng lãnh với quyền lực trong tay, nhà Lập hiến đã tìm cách thu hẹp tối đa thẩm quyền của Tổng Thống, nơi đây, chúng ta lần lượt khảo sát thẩm quyền của Tổng Thống trong thời bình và thời chiến hay bất thường và bình thường.

#### Bình thường :

- Tổng Thống bổ nhiệm, giải nhiệm Thủ Tướng và nhân viên Chánh phủ.
- Ân xá và ân giảm hình phạt cho những phạm nhân.
- Tổng tư lệnh tối cao của Quân lực Việt-Nam Cộng-Hòa
- Tổng Thống ban các loại huy chương
- Hoạch định chính sách quốc-gia.
- Chủ tọa hội đồng Tổng-trưởng.
- Ban hành các đạo luật.

Ngoài ra Tổng Thống còn bổ nhiệm các sứ thần và Viện trưởng các Viện Đại-học với sự chấp thuận của Thượng nghị viện.

Tổng Thống cũng thay mặt Quốc-gia trong việc giao thiệp với ngoại quốc, tiếp nhận ủy nhiệm thư của các vị Đại diện ngoại giao.

Tổng Thống ký kết và ban hành các hiệp ước và hiệp định quốc-tế.



Nhìn chung, những thẩm quyền của Tổng Thống trong trường hợp bình thường chẳng có gì khác biệt với Tổng Thống đệ I Cộng Hòa, Tổng Thống đệ nhị Cộng Hòa chỉ bị giới hạn phần nào thẩm quyền trong trường hợp các hiệp định và hiệp ước quốc-tế, cũng như bị Thượng nghị - viện chia sẻ thẩm quyền trong việc bổ nhiệm Viện trưởng Đại-học và trường nhiệm sở ngoại giao.

Bất thường :

- Quyền ký sắc luật tuyên bố tình trạng báo động, giới nghiêm hay khẩn trương trên một phần hay toàn lãnh thổ, và Quốc-Hội sẽ được triệu tập trong vòng 12 ngày để phê chuẩn, sửa đổi hoặc bãi bỏ tình trạng này. Trong khi Tổng Thống đệ I Cộng Hòa chỉ cần ban hành một sắc lệnh và còn có thể tạm đình chỉ sự áp dụng một vài đạo luật nữa, như vậy quyền của Tổng Thống đệ I Cộng Hòa thật là vô biên, không trách gì độc tài đã xuất hiện.

- Thẩm quyền bất thường thứ hai của Tổng Thống đệ II Cộng Hòa là quyền lưu nhiệm một số cơ quan dân cử và bổ nhiệm một số tỉnh trưởng với sự chấp thuận của 2/3 tổng số Dân-biểu và Nghị-sĩ.

Với hai thẩm quyền bất thường như trên, ta thấy quyền hành, của Tổng Thống đệ II Cộng Hòa thật ít ỏi và quả thật nếu Hiến Pháp được thi hành nghiêm chỉnh, và nếu Tổng Thống không sử dụng những thủ đoạn chính trị thì còn lâu mới có sự thao túng của hành pháp đối với hai cơ quan kia, chứ đừng nói gì đến âm mưu độc tài có thể có.

Hai quyền Lập-pháp và Hành-pháp là hai quyền đã có sẵn trong Hiến-pháp đệ I Cộng Hòa, nơi đây thay vì trao nhiều quyền hành cho Tổng Thống, Hiến-pháp lại nâng cao cơ quan Lập-pháp, ban cho nhiều quyền hành với hy vọng tránh được vết xe cũ của lịch sử, nhưng cũng trong chiều hướng đó, Hiến-pháp 1967 còn đặt thêm một quyền ngang hàng và độc lập với hai quyền kia đó là quyền tài phán mà ta sẽ xét sau đây.

### III.- Quyền tư pháp.

Quyền tư pháp độc lập được ủy nhiệm cho Tối - Cao Pháp Viện và được hành xử bởi các Thẩm-phán xử án Tối Cao Pháp Viện có 9 đến 15 Thẩm phán, do Quốc-hội tuyển chọn và Tổng Thống bổ nhiệm trong một danh sách, 30 người do Thẩm phán đoàn, công tố đoàn, luật sư đoàn bầu lên, nhiệm kỳ Thẩm phán tối cao là 6 năm .

Đáng lý Thẩm phán tối cao phải do toàn dân bầu lên hay tốt hơn do các vị Thẩm phán tự bầu ra mà không cần có sự lựa chọn của Quốc-Hội; đảng này lại do Quốc Hội lựa chọn nên tính cách độc lập và vô tư của cơ quan tài phán tối cao đã bị nhiều dị nghị.

Tuy nhiên, Tối Cao Pháp Viện lại có nhiều thẩm quyền về nhiều phương diện, nó thu tóm quyền hành của Viện Bảo hiến đệ I Cộng Hòa, tòa phá án trước kia và lấy một số lớn quyền hành của Tham chính viện.

#### Thẩm quyền bảo hiến :

- Tối-Cao Pháp-Viện giải thích Hiến-pháp.
- Phán quyết tính các hợp hiến hay bất hợp hiến của các đạo luật, sắc luật.
- Phán quyết tính cách hợp hiến, hợp pháp của các sắc lệnh, nghị định và quyết định Hành chánh.
- Phán quyết giải tán một chánh đảng có chủ trương và hành động chống lại chánh thể Cộng Hòa.

#### Thẩm quyền tư pháp :

- Tối Cao Pháp Viện có thẩm quyền phán quyết về các vụ thượng tố những bản án chung thẩm.
- Xét xử những đơn xin tái thẩm.
- Phân định thẩm quyền giữa những cơ quan tài phán.



Thẩm quyền hành chính :

- Quản trị ngành tư pháp
- Liệt kê tài sản Giám sát viên
- Lập danh sách bầu cử Tổng Thống, kiểm soát tính cách hợp thức của cuộc bầu cử và tuyên bố kết quả.
- Chỉ định 1/3 tổng số Giám sát viên.

Như vậy, đứng riêng rẽ, ba cơ quan đã được Hiến pháp trao cho những thẩm quyền riêng biệt theo đúng nguyên tắc phân quyền, tuy nhiên hoạt động của Quốc gia phải được phối hợp và điều hòa, do đó nhà Lập hiến đã quy định những trường hợp cơ quan này xâm lấn hay ảnh hưởng đến cơ quan kia, bằng những thủ tục hiến định nhằm bảo đảm sự thực thi quyền lợi tối thượng của Quốc-gia.

ĐOẠN II.- NGUYÊN TẮC KIỂM SOÁT HỒ TƯỜNG.-

1.- Ảnh hưởng của lập pháp đối với hành pháp.-

Hiến pháp đã cho Quốc-Hội nhúng tay vào hoạt động của cơ quan Hành-pháp trong mục đích ngăn ngừa Tổng Thống đi quá trớn sẽ dễ rớt xuống hồ độc tài như đệ I Cộng Hòa.

- Quốc Hội kiểm soát Chính phủ trong việc thi hành chính sách Quốc-gia.
- Quốc-Hội có quyền chất vấn nhân viên chính phủ và yêu cầu nhân viên chính phủ dự những phiên họp của Ủy-Ban Quốc-Hội.
- Thượng nghị viện có quyền mở cuộc điều tra về sự thi hành chính sách Quốc-gia và yêu cầu cơ quan công quyền xuất trình tài liệu cần thiết.
- Thượng nghị viện có quyền không chấp nhận việc bổ nhiệm Viện trưởng Đại-học và trưởng nhiệm sở ngoại-giao.

- Quốc Hội có quyền khuyến cáo thay thế từng phần hay toàn thể Chánh phủ với đa số 2/3 tổng số dân biểu, Nghị sĩ, nếu Tổng Thống khước từ, Quốc Hội có thể chung quyết sự khuyến cáo với đa số 3/4 và sự khuyến cáo sau này sẽ có hiệu lực chung quyết.

Như vậy, Lập pháp đệ II Cộng-hòa có những thẩm quyền mới mà Quốc-Hội đệ nhất không bao giờ có, như quyền điều tra, quyền chấp nhận trưởng nhiệm sở ngoại giao, quyền khuyến cáo lật đổ chính-phủ v.v...

Riêng quyền chất vấn chính-phủ, Hiến-pháp đệ I Cộng Hòa chỉ chấp nhận Bộ trưởng, thứ trưởng đến hội kiến với Quốc Hội về vấn đề liên hệ với lập pháp mà thôi. Sau đó, để thích ứng với tình thế và để có chỗ xả hơi an toàn cho nội xúp de độc tài đang sôi sục, Luật số 2/62 ngày 25-9-62 đã thêm điều 47 mới, như sau: "Các Ủy-Ban có thể mời Bộ trưởng đến giải thích những vấn đề lập pháp, mỗi tháng một lần, một lần không quá 1/2 giờ. Quốc-hội có thể yêu cầu Bộ trưởng đến tại phiên họp của Quốc-hội để giải thích những vấn đề liên hệ lập-pháp, một tháng một lần, một lần không quá 1/2 giờ", sau đó luật Hiến-pháp 2/62 còn nhấn mạnh "Trong khuôn khổ Tổng Thống chế, việc đặt vấn đề và giải thích nói trên không thể có tính cách chất vấn và không kết thúc bằng một biểu quyết. Ngoài ra Tổng Thống cũng có thể không chấp nhận cho Bộ trưởng đến giải thích hay chỉ cho giải thích tại phiên họp kín".

Như vậy đây không phải là một quyền chất vấn của Quốc-hội, mà chỉ là một đặc ân do Tổng Thống ban cho Quốc Hội và Tổng Thống có quyền chuyên quyết cho nhân viên chánh phủ giải thích hay không.

Trái lại, Hiến-pháp đệ II Cộng-Hòa minh xác đó là một quyền của Quốc-Hội và gạt bỏ những hạn chế khác khe trong luật Hiến-pháp 2/62, như vậy nếu nhân viên chánh -



phủ bẽ bối sẽ bị đưa ra trước Quốc-Hội để bị hạch sách , tra hỏi, chẳng khác gì một tòa án với thành phần đông đảo quan tòa không chuyên môn và thiếu căn bản pháp lý.

Tuy nhiên Hiến pháp còn quy định thêm một thủ tục có tính cách kín đáo, dịu dàng hơn tại Ủy-ban Quốc-hội , đó là mời nhân viên chính phủ tham dự buổi họp của Ủy-ban để trình bày những vấn đề liên hệ đến bộ sở quan. Theo thiên ý của chúng tôi thì thủ tục này cần có trước khi mời nhân viên chính phủ ra trước diễn đàn Quốc-hội, vừa làm cho vấn đề sáng tỏ, thông cảm, vừa làm cho nhân viên chính phủ khỏi bị mất mặt với thuộc cấp khi bị Quốc - hội kêu vào, kêu ra, và nhất là khỏi làm mất thì giờ quý báu tại diễn đàn quốc-hội.

Sau hết với quyền khuyến cáo thay thế, hay quyền lật đổ Chánh phủ Hiến-pháp 1967 đã tỏ rõ tính cách nội các chế của nền độ nghị Cộng hòa.

Mặc dù với một đa số khó khăn là 3/4 mới có thể chung quyết sự khuyến cáo lật đổ nội các, nhưng với quyền này trong tay, Quốc-hội phải làm cho nhân viên chính phủ phải e dè, kiêng nể, do đó không dám làm càn, làm bậy , hậu quả tốt đẹp là trong sạch hóa guồng máy công quyền đã bị quá nhiều ô nhiễm.

Như vậy, với một thẩm quyền rộng rãi, nơi rộng mà nhà Lập-hiến tin tưởng giao cho Quốc-hội, quả thật chúng ta phải lo sợ sự độc tài của Quốc-hội xuất - hiện , tuy nhiên thực tế lại là một sự hoàn toàn trái ngược , chúng ta sẽ xét trong phần sau, nơi đây chúng ta hãy xét tiếp những ảnh hưởng của Tổng Thống đối với Quốc-hội như thế nào trong nguyên tắc kiểm soát hỗ tương.

## II.- Ảnh hưởng của Tổng thống đối với Quốc hội.-

Có đi có lại mới toại lòng nhau, nhà Lập-hiến cũng tỏ ra có công bằng khi cho Quốc-hội nhiều quyền hành để ngăn chặn Tổng Thống khỏi độc tài thì cũng cho Tổng Thống một vài quyền để ảnh hưởng đến Quốc hội.

1)- Sáng quyền lập pháp của Tổng Thống, nghĩa là Tổng Thống có thể đề nghị những dự thảo luật, để Quốc-hội thảo luận và biểu quyết.

2)- Quyền tiếp xúc với Quốc-hội bằng thông điệp và triệu tập phiên họp bất thường của Quốc-hội.

3)- Ngoài quyền ban hành sắc luật tuyên bố những tình trạng đặc biệt, Tổng Thống còn có quyền ký sắc luật, cho thi hành từng phần ngân sách tương đương với 1/12 ngân sách thuộc tài khóa trước, nếu Quốc-hội không chung quyết xong dự thảo ngân sách trước ngày 31-12.

Nơi đây ta lại thấy nhà lập-hiến đã tìm cách giới hạn thẩm quyền Ngân sách của Tổng Thống, một thẩm quyền quan trọng nhất trong quốc-gia có khuynh hướng đang đi lần ra khỏi tầm tay của Quốc-hội, bởi vì Hiến-pháp 1956 cho Tổng Thống ban hành sắc luật thi hành từng phần ngân sách tương đương 1/4 ngân sách thuộc tài khóa sau cho mỗi tam cá nguyệt và còn bắt Quốc-hội phải chịu trách nhiệm về phần ngân sách đã lỡ thi hành.

4)- Sau hết, trong thời hạn ban hành đạo luật, Tổng Thống có quyền gửi thông điệp có viện dẫn lý do, yêu cầu Quốc-hội phúc nghị một hay nhiều điều khoản của dự luật. Đây là một thẩm quyền quan trọng mà nhà lập hiến đã ban cho Tổng - Thống, và trên thực tế nó đã làm lệch cán cân quyền lực do Hiến-pháp quy định. Mặc dù Hiến pháp 1967 đã tìm cách gia tăng quyền hạn của Quốc hội thay vì một đa số 3/4 và một cuộc minh danh đầu phiếu để bác bỏ lời yêu cầu phúc nghị của Tổng Thống như thời đệ I Cộng



Hòa, Hiến pháp 1967 chỉ cần đa số quá bán Dân-biểu, Nghị-sĩ trong một cuộc bầu phiếu kín là đủ bác bỏ quan điểm của Tổng Thống.

Nhìn ảnh hưởng hỗ tương giữa Quốc-Hội và Tổng Thống, ta thấy trên phương diện lý thuyết Quốc-hội đã nắm thế thượng phong, và đó là ước mơ và hy vọng của nhà Lập hiến cũng như của toàn dân làm sao nhất kiến ông khổng lồ Hành-pháp đừng để cho nó tự tác oai, tác quái, gây hại cho cả một chế độ mà toàn dân đã khổ công xây đắp.

### III.- Ảnh hưởng hỗ tương giữa tư pháp và

#### hai cơ quan kia.-

Mặc dù với hảo ý của nhà Lập hiến, Tối Cao Pháp Viện đã được nâng lên một quyền tương đương với hai quyền kia, nhưng như một chú bé mới tập tành, không thể một sớm, một chiều là có thể ngồi tự tại, uy nghi với hai quyền đã khá trưởng thành, do đó trên lý thuyết cũng như thực tế Tối-Cao Pháp-Viện đã chịu ảnh hưởng nặng nề của hai cơ quan kia.

Sự thấp kém này, trước hết, phải quy trách cho nhà lập hiến, khi nhà lập hiến dự liệu Quốc-hội tuyển chọn Thẩm phán Tối cao, trong một danh sách 30 người do Thẩm phán đoàn, công tố đoàn, luật sư đoàn bầu lên, do đó Quốc hội đã ảnh hưởng nặng nề tới Tối Cao Pháp Viện với quyền khai sinh này, do đó Thẩm phán tối cao sẽ không còn vô tư, độc lập trong vai trò trọng tài giữa hai cơ quan Lập và Hành pháp.

Nhưng sau sự yếu kém ban đầu, Hiến pháp đã giao cho Tối cao pháp viện một thẩm quyền quan trọng là tuyên bố kết quả cuộc bầu cử Tổng Thống. Như vậy, Quốc-hội sinh ra Tối-cao Pháp-viện, Tối Cao Pháp Viện nở ra Tổng Thống, có phải chăng nhà Lập-Hiến đã dìm ông Hành-pháp tận đáy hồ cho cơn nóng giận độc tài bùng lên nữa chăng, nhưng liệu ý nguyện của nhà Lập hiến có được thi hành đúng mức không.

Với thẩm quyền kiểm hiến, kiểm pháp Tối Cao Pháp Viện đã đóng vai quan tòa để xử những sai lầm của hai cơ quan kia trong việc làm luật và cụ thể hóa luật lệ bằng những văn kiện hành chính.

Và với thẩm quyền giải thích Hiến-pháp, Tối Cao Pháp Viện sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đối với những bất đồng ý kiến của hai cơ quan kia về những điều khoản mơ hồ, tổng quát của văn thức Hiến-pháp.

Đó là tất cả những tóm tắt 3 cơ quan nền tảng trong những thẩm quyền riêng rẽ và ảnh hưởng hỗ tương của nó, nhưng 3 cơ quan đó vẫn chưa đủ, do đó nhà Lập hiến còn đặt thêm những định chế đặc biệt, một mặt để thích ứng với thẩm trạng bề bối của guồng máy công quyền nhà hầu trong sạch hóa, lành mạnh hóa, mặt khác để đỡ, bổ túc cho những cơ quan công quyền chuyển vận một cách minh chính, tốt đẹp.

### ĐOẠN III.- NHỮNG ĐỊNH CHẾ ĐẶC BIỆT.-

#### I.- Giám sát viện.

Được trù liệu trong Hiến pháp từ điều 88 đến 91, như là một định chế đặc biệt để đáp ứng tình trạng tham nhũng thói nát của guồng máy công quyền Việt-Nam. Hiện tại Giám sát viện tự coi là đệ tứ quyền thực tế Quốc-gia, nhưng đã là đệ tứ quyền thực tế hay không, ngoài các thẩm quyền giám sát hành chính, Giám sát viện còn có thẩm quyền thanh lý kế toán quốc-gia như Thẩm kế viện của Pháp.

Theo Hiến-pháp 1967, Giám sát viện có từ 9 đến 18 giám sát viên do Quốc-hội, Tổng Thống và Tối Cao Pháp Viện chỉ định và có thẩm quyền :

- 1)- Thanh tra
- 2)- Kiểm soát.



3)- Điều tra nhân viên các cơ quan công quyền và tư nhân đồng phạm hay tòng phạm về mọi hành vi tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế hoặc phương hại đến quyền lợi Quốc-gia.

4)- Thẩm tra kế toán đối với cơ quan công quyền và hợp doanh.

5)- Kiểm kê tài sản nhân viên cơ quan công quyền. Như vậy thẩm quyền Giám sát viện thật là rộng rãi, và Hiến-pháp còn ban cho Giám sát viện quyền lập quy riêng rẽ và ngân sách tự trị hầu có một sự độc lập mạnh mẽ để chế ngự quái vật tham nhũng, có thể đưa quốc-gia đến chỗ suy vong. Tuy vậy trên thực tế, Giám sát viện có làm cho nhà lập hiến và toàn dân tin tưởng và hài lòng hay không là chuyện khác, chúng ta sẽ hậu xét.

Nơi đây vì nhà Lập hiến chỉ cho Giám sát viện quyền đề nghị các biện pháp chế tài với các đương sự phạm lỗi, và chỉ có quyền yêu cầu truy tố đương can ra trước tòa án cũng như quyền công bố kết quả cuộc điều tra, nên ngay trên phương diện lý thuyết nó đã tùy thuộc mạnh mẽ vào cơ quan Hành pháp và Tư pháp cũng như chỉ có hậu quả về phương diện tinh thần và lương tâm, mà những thứ này lại là xa xỉ phẩm đối với những tên sâu dân, một nước.

## II.- Đặc biệt pháp viện.

Đây không phải là một cơ chế mới mẻ, nó đã được trù liệu trong Hiến-pháp 1956 và đã được Hiến-pháp 1967 ghi nhận trong điều 85 đến 87, theo đó đặc biệt pháp viện có thẩm quyền truất quyền Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Thủ Tướng, các Tổng Bộ trưởng, các Thẩm phán tối cao và Giám sát viên trong trường hợp can tội phản quốc và các trọng tội khác.

Định chế truất quyền là một ưu quyền tài phán chứ không phải là một đặc miễn, sau khi bị truất quyền, đương sự còn có thể bị truy tố ra trước tòa có thẩm quyền.

Đặc biệt pháp viện gồm một chánh thẩm là Chủ tịch tối cao pháp viện, có thêm 5 Dân biểu và 5 Nghị sĩ làm phụ thẩm, trong trường hợp Chủ tịch Tối cao Pháp viện là bị can thì Chủ tịch Thượng-nghị-viện làm chánh thẩm.

Đề nghị khởi tố trước Đặc-biệt Pháp-viện có viện dân lý do phải được quá bán tổng số Dân-biểu, Nghị-sĩ ký tên, quyết nghị khởi-tố phải được đa số  $\frac{2}{3}$  tổng số Dân biểu và Nghị-sĩ chấp nhận. Riêng đối với Tổng Thống và Phó Tổng Thống phải có túc số đặc biệt là  $\frac{2}{3}$  và  $\frac{3}{4}$  tổng số Dân biểu và Nghị-sĩ khi muốn đề nghị khởi tố và quyết nghị truy tố hai ông ra trước Đặc-biệt Pháp-viện.

Đây là một cơ quan đặc biệt, tối thượng, khiến các viên chức tối cao trong guồng máy công quyền phải e dè kiêng nể, họ phải lo hành xử nhiệm vụ một cách quang minh chính đại để phục vụ quyền lợi tối thượng của Quốc-gia, Đồng-bào cũng như phải lo tu thân, kềm chế dục vọng thấp hèn để tránh phạm phải những hình tội khác. Tuy nhiên đây chỉ là một quy chế nửa vời vì nó chỉ có nhiệm vụ truất quyền mà không có quyền ban bố một hình phạt nào khác, có lẽ nhà lập hiến muốn tôn trọng nguyên tắc phân quyền nên giao quyền chế tài về sau cho cơ quan Tư pháp, nắm quyền xét xử mọi tội phạm từ người dân đến ông Tổng Thống.

### III.- Các hội đồng tư vấn.

Nhà lập hiến muốn dung hòa chủ quyền chính - trị với những nhu cầu chuyên môn hay kỹ thuật để các quyết - định chính trị có nền tảng chắc chắn, đứng mức mới thực hiện những nhiệm vụ quốc-gia một cách đúng đắn và Dân chủ, do đó nhà Lập hiến đã trù liệu trong Hiến pháp những Hội



đồng làm cố vấn cho Hành pháp và nếu cần cho Lập-pháp , trong lãnh vực quân sự, văn hóa giáo dục, kinh tế xã hội và ĐỒNG BẢO thiếu số.

A.- Hội đồng quân lực.-

Cố vấn cho Tổng Thống về các vấn đề liên quan đến quân lực nhất là vấn đề thăng thưởng, thuyên chuyển và trừng phạt quân nhân mọi cấp.

B.- Hội đồng văn hóa giáo dục.-

Có nhiệm vụ cố vấn cho Chính-phủ soạn thảo và thực thi chính sách giáo dục, văn hóa. Hội đồng có thể cử Đại diện thuyết trình trước Quốc-hội nếu Quốc-hội chấp nhận, ngoài ra hội đồng còn có thể được Quốc-hội tham khảo ý kiến về những dự luật liên hệ.

Hội đồng văn hóa giáo dục gồm 1/3 hội viên do Tổng Thống chỉ định, 2/3 hội viên do các tổ chức văn hóa, giáo dục công và tư, các hiệp hội phụ huynh học sinh đề cử.

Nhiệm kỳ của hội đồng là bốn năm.

C.- Hội đồng kinh tế xã hội.-

Quy định trong điều 95 Hiến pháp 1967, có nhiệm vụ cố vấn Chánh phủ về các vấn đề kinh tế và xã hội.

Thành phần hội đồng cũng được Tổng Thống cử nhiệm 1/3 và 2/3 còn lại do những tổ chức chuyên môn đề cử, nhiệm kỳ là 4 năm Hội đồng cũng có thể được Quốc-hội tham khảo ý kiến và cử đại diện ra thuyết trình trước cơ quan Lập-pháp.

2.- Hội đồng sắc tộc.-

Cố vấn Chính-phủ về những vấn đề liên quan đến đồng bào thiểu số. Thành phần, nhiệm kỳ và tương quan với Quốc-hội tương tự như hai hội đồng trên.

Chỉ riêng hội-đồng quân lực cố vấn cho Tổng Thống, ba Hội-đồng còn lại do Phó Tổng Thống làm Chủ tịch, đặt dưới quyền quản trị chung của Nha Tổng quản trị trực thuộc Phủ Phó Tổng Thống.

Hiến pháp 1967 đã đặt bốn hội đồng tư vấn, trong khi Hiến-pháp 1956 chỉ có đề cập đến Hội đồng Kinh-tế quốc gia, với mục đích giúp cho chính-phủ và Quốc-hội có những quyết định sáng suốt, đúng đắn, rõ ràng, tránh những lầm lỡ khi một người hay một cơ quan chính trị, thiếu căn bản chuyên môn, kỹ thuật quyết định.

Với thiện chí của nhà Lập hiến, chúng ta hy vọng những hội đồng này sẽ được xử dụng đúng mức, những người có quyền hỏi ý kiến của Hội đồng sẽ gạt bỏ những tự ti, những khuyết điểm và phương diện chuyên môn của mình để thẳng thắn tham khảo ý kiến các nhà chuyên môn, hầu những quyết định không những hợp lý mà còn hợp tình và hợp cảnh nữa.

Hai chương trên, chúng ta đã đề cập những quyền tự do căn bản và những cơ cấu tối thượng giúp cho nền Dân chủ điều hòa tốt đẹp cũng như thể hiện sự tôn trọng đối với nhân dân trong một quốc-gia dân-chủ, tự-do.

Tuy nhiên, NHÂN DÂN nhất là những Công dân các Quốc-gia chậm tiến thường ít khi để ý đến những gì xa vời, cao cả, họ chỉ chú ý đến những gì quanh họ, sau lũy tre xanh, trong quê hương nhỏ bé, do đó nhà Lập hiến Việt-Nam đã tế nhị không quên những ước mơ thầm kín đáng yêu của Nhân-dân và đã cụ thể hóa trong nguyên tắc địa phương phân quyền mà chúng ta sẽ đề cập trong chương 3 của phần thứ nhất này.



## CHƯƠNG BA

\*\*\*\*\*

# NHỮNG ĐỊNH CHẾ DÂN CHỦ Ở HẠ TẦNG CƠ SỞ QUỐC GIA VỚI NGUYÊN TẮC ĐỊA PHƯƠNG PHÂN QUYỀN

Các nhà Lập-hiến đều đồng ý về sự cần thiết phải áp dụng nguyên tắc Địa phương phân quyền, như một phương thức hữu hiệu nhất để DÂN CHỦ HẠ TẦNG CƠ SỞ QUỐC-GIA, do đó Hiến-pháp 1967 đã quy định tám điều nói về nguyên tắc này.

Điều 70 Hiến-pháp ghi nhận : Nguyên tắc địa phương phân quyền được công nhận cho các tập thể địa phương có tư cách pháp nhân như : Xã, Tỉnh, Thị Xã và Thủ-đô.

Tập thể địa phương có tư cách pháp nhân sẽ được tự trị về nhiều phương diện, tập thể và cả vị chỉ huy có một phần nào độc lập đối với Trung ương, nhất là trong những vấn đề hoàn toàn thuộc về quyền lợi của địa phương. Sự tự trị này cần thiết cho chế độ địa phương phân quyền, nhưng nguy hiểm là có thể đưa tới tình trạng nhiều Quốc-gia trong một Quốc-gia hay sai lệch trong việc thi hành chính sách Quốc-gia, nhưng nó thể hiện nguyên tắc TỰ-DO DÂN CHỦ, trong đó dân tự bầu lấy người chỉ huy tập thể và cơ quan quyết nghị của địa phương mình, do đó Hiến pháp đã quy định tiếp trong điều 71, 72, 73.

Cơ quan quyết nghị và vị chỉ huy cơ quan chấp hành các tập thể địa phương phân quyền sẽ do cử tri bầu lên theo lối phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và kín. Riêng ở cấp xã, Xã trưởng có thể do Hội viên Hội đồng xã tự bầu ra.

Các vị chỉ huy các cơ quan chấp hành và cơ quan quyết nghị của những tập thể địa phương là :

Xã trưởng và Hội đồng Xã ở cấp Xã  
Tỉnh trưởng và Hội đồng Tỉnh ở cấp Tỉnh  
Thị trưởng và Hội đồng Thị xã tại cấp Thị xã.  
Đô trưởng và Hội đồng Đô thành tại Đô thành.

Điều 71 đoạn 2 quy định Xã trưởng có thể do Hội đồng xã tự bầu lên trong số những Hội viên, giúp cho Nhân dân giảm bớt các cuộc bầu bán, tránh phiền nhiễu cho dân chúng và tổn hại công quỹ, nhất là tại nước ta vì tình trạng chiến tranh nên chức vị Xã trưởng thường hay không khuyết.

Riêng ở cấp Tỉnh, vấn đề bầu cử Tỉnh trưởng đã là một vấn đề được bàn tán sôi nổi tại Quốc-hội Lập hiến, sự chấp nhận bầu cử Tỉnh trưởng trong điều 71 Hiến pháp chứng tỏ khuynh hướng của nhà Lập hiến là muốn Dân chủ hóa guồng máy hành chánh hạ tầng, đem một luồng gió mới cho sinh hoạt chính trị địa phương, ngăn ngừa tập trung quyền hành quá trớn sinh ra độc tài và thanh khiết guồng máy hành chánh địa phương.

Tuy nhiên, để bổ túc cho sự yếu kém về phương diện chuyên môn của các vị chỉ huy dân cử, các nhà Lập hiến đã không quên quy định trong điều 74 : Chính-phủ bổ nhiệm cạnh các Đô trưởng, Thị trưởng, Tỉnh trưởng và Xã trưởng hai viên chức có nhiệm vụ phụ tá về hành chánh và an ninh cùng những nhân viên hành chánh khác. Như vậy điều e ngại của một vài người về sự thiếu chuyên môn của các viên chức dân cử sẽ được gạt bỏ nhờ sự quan tâm tận tụy của các nhà Lập hiến Việt-Nam Cộng-Hòa.



- 37 -

Sau khi đã phân tích sơ lược Hiến-pháp 1967, trong đó ghi nhận những nguyên tắc DÂN CHỦ chính yếu cũng như những quyền TỰ DO căn bản của NHÂN DÂN, chúng ta thấy Hiến-pháp 1967 đã bước một bước dài trên con đường XÂY DỰNG DÂN CHỦ với sự ban bố rộng rãi các bảo đảm cho những quyền Tự-do, quyền hành của Quốc-hội cũng được gia tăng mãnh liệt trong khi quyền của Tổng Thống đã bị thu hẹp tối đa, Tư pháp từ một quyền lệ thuộc Hành-pháp đã được nâng lên ngang hàng và độc lập cả Hành-pháp lẫn lập-pháp, Giám sát viện được đặt ra để trong sạch hóa guồng máy công quyền những định chế đặc biệt được đặt ra để cho sự điều hòa nền Dân chủ được tốt đẹp và nhất là nguyên tắc địa phương phân quyền như là một hướng tiến đến một nền Dân chủ thật sự và gần dân.

Tuy nhiên từ thực tế đến lý thuyết, từ Hiến pháp đến thực hành có khi lại là một đường dài vô định, sau 5 năm thực thi Hiến-pháp chúng ta thấy những gì đã được xây dựng cho NHÂN DÂN và QUỐC-GIA, chúng ta hãy sáng suốt, vô tư và can đảm ghi nhận những thực tế của QUỐC-GIA thân yêu.



phần thứ hai

**NHẬN ĐỊNH CÔNG CUỘC XÂY DỰNG**

**DÂN CHỦ TRÊN THỰC TẾ**



Công trình XÂY DỰNG DÂN CHỦ là một công - trình trường kỳ và gian nan, nó đòi hỏi nhiều cố gắng và hy-sinh của cấp lãnh đạo cũng như toàn dân; được một Quốc - hội lập hiến do dân bầu ra, được một bản Hiến-pháp tràn đầy những lý thuyết DÂN CHỦ chưa hẳn chúng ta đã có một chế độ DÂN CHỦ hoàn mỹ, điều quan trọng nhất để tiến tới một chính thể DÂN CHỦ chính thống của Dân, do Dân và vì Dân là trên phương diện thực tế, lý tưởng Dân-chủ có được chấp nhận không, những quyền tự do căn bản của Nhân - dân có được tôn trọng không, những cơ quan công quyền từ thượng tầng đến hạ tầng có nghiêm chỉnh thi hành đúng đắn quyền hạn và nhiệm vụ của mình không.

Do đó trong phần này, chúng tôi sẽ ghi nhận những khuyết điểm cũng như ưu điểm thực tế của chế độ chúng ta, dĩ nhiên, với 5 năm thực thi Hiến-pháp, bước những bước chập chững, bỏ ngõ trên con Đường Dân Chủ sau bao nhiêu năm bị thực dân rồi độc tài cai trị, lỗi lầm, vấp vấp đương nhiên sẽ nhiều hơn những thành quả khiêm nhường thu hoạch được và thực tế bao giờ cũng phủ phàng và tàn nhẫn, do đó khi chúng tôi đưa ra những chỉ trích, khuyết điểm của nền Dân Chủ, chúng tôi có thể làm áy náy, chán nản những kẻ đang háo hức, hùng hổ tuyên bố Xây Dựng, thực thi Dân Chủ tại nước nhà, nhưng thiên nghĩ rằng "Kẻ nào chỉ trích ta mới là bạn ta, kẻ nào khen ta là kẻ thù của ta" để sửa sai, để tránh những vấp vấp, tránh cảnh: " làm chính trị sai hại cả một quốc gia" cho những người đang cầm quyền và cả những người đang ôm ấp, hoài vọng lý-tưởng Hưng Quốc, Phú Dân.

Trước hết chúng tôi sẽ ghi nhận những quyền Tự Do căn bản của nhân dân có được tôn trọng không, những xâm phạm, nếu có, của chính quyền vào những quyền Tự Do này. Tự Do là linh hồn của Dân Chủ, một xã hội nhân quần chỉ được gọi là Dân Chủ khi Nhân Dân được Tự Do, chúng ta sẽ ghi nhận những giới hạn Tự-do mà nhà cầm quyền tự đặt ra để ấn định mức độ Dân Chủ của nước nhà.

Kể đó, nguyên tắc phân quyền được đề cao như một lợi khí để tránh cảnh chính quyền chuyên chế, trong phạm vi mỗi quyền ta thấy những cơ quan có thực thi nghiêm chỉnh quyền hạn đã được Hiến pháp tin tưởng giao phó không.

Tuy nhiên Hiến pháp đã ghi nhận : Sự hoạt động của ba cơ quan phải được phối hợp và điều hòa, do đó ta cũng xét thêm là các cơ quan có phối hợp và điều hòa hoạt động để quyền lợi tối thượng của Quốc-gia và toàn dân được tôn trọng hay chỉ lo chèn ép, công kích lẫn nhau mà quên mất đại sự.

Sau hết, nguyên tắc địa phương phân quyền được Hiến pháp đề ra như một công cụ để giới hạn phần nào quyền hành của Trung ương, có được thực thi nghiêm chỉnh hay vẫn chỉ là một nguyên tắc hiến tính mà không có thực tính.

Như vậy trong phần thứ hai này, chúng tôi lần lượt đề cập ba chương :

- Quyền tự do căn bản của nhân dân có được tôn trọng không ?
- Những định chế dân chủ ở thượng tầng kiến trúc Quốc gia có làm tròn trọng trách không ?
- Những cơ chế dân chủ hạ tầng hoạt động ra sao ?





## CHƯƠNG MỘT

\*\*\*\*\*

### NHỮNG QUYỀN TỰ DO CĂN BẢN CỦA NHÂN DÂN

### CÓ ĐƯỢC TÔN TRỌNG KHÔNG ?

Như phần thứ nhất, những quyền tự do căn bản này được chia làm 4 loại, do đó trong phần này chúng tôi vẫn giữ nguyên cách phân loại như trên và chúng ta hãy đi vào từng loại quyền một .

#### ĐOẠN I.- QUYỀN TỰ DO NHÂN THỂ.-

##### I.- Quyền an toàn cá nhân và quyền biện hộ.-

Thuyết trình viên dự thảo Hiến-pháp 1967 nhấn mạnh : "Quyền an toàn cá nhân là một quyền quan trọng vào bậc nhất trong xã hội ngày nay. Nó là điều kiện tiên quyết để đạt tới Tự do và hạnh phúc, vì với khuynh hướng can thiệp của nhà nước vào mọi lãnh vực và đứng trước bộ máy vĩ đại của nhà nước cá nhân cảm thấy tự do bị đe dọa". Như vậy ta không thể phủ nhận cố gắng của nhà Lập hiến khi quy định quyền an toàn cá nhân.

Tuy nhiên việc áp dụng những điều khoản hiến định này trên thực tế lại là một vấn đề khác, nó tùy thuộc thiện chí và tinh thần Dân chủ của những kẻ có thẩm quyền thực thi những điều khoản đó, chúng ta đã thấy những gì ?

- . Những vụ bắt giữ vô cớ từ thôn quê lên thành thị, cũng có thể là bắt lầm, cũng có thể vì thù oán và cũng có thể vì binh tham những hoành hành.
- . Những sinh viên học sinh bị bắt giam khi ra tòa thương tích đầy mình, đó là ngay tại Thủ đô trước mũi của dư luận, huống gì là ở tại thôn quê heo lánh.
- . Đến nay vẫn chưa có đạo luật nào quy định quyền đòi Quốc gia bồi thường khi bị bắt giữ oan ức.
- . Luật sư không được tiếp xúc với bị can nhất là trong những vụ án chính trị gần đây ...

Như vậy quả thật Hiến-pháp đã bị vi phạm trắng trợn, người ta đã dùng Công-sản, chiến tranh như một thứ cọp dữ để hù nhân dân, dồn nhân dân vào thế phải chấp nhận những giới hạn và vi phạm quá đáng do nhà cầm quyền tự đặt ra và thi hành.

## II.- Quyền tự do tôn trọng đời tư, nơi cư ngụ, thư tín.

Vì hoàn cảnh chiến tranh của đất nước, nhà cửa, thư tín của nhân dân phải chịu vài sự hạn chế tối thiểu, nhân dân đã vui vẻ chấp nhận vài sự phiền nọ nhỏ như mở cửa cho nhân viên công lực xét nhà ban đêm dù không có lệnh của tòa án, thư từ của nhân dân cũng bị kiểm duyệt xem có liên lạc với địch quân không, nhân dân cũng bị điều tra để xem có thân nhân tập kết không, dĩ nhiên cũng có vài người bất mãn, nhưng đa số đều công nhận sự cần thiết của những biện pháp hạn chế này để bảo vệ TỔ QUỐC, gia đình thân yêu.



111.- Quyền tự do cử trú, xuất ngoại và hồi hương.-

Thi hành Hiến-pháp, Bộ Nội Vụ đã ra thông tư cho phép mỗi năm, một công dân Việt-Nam có quyền xuất ngoại một lần, tuy nhiên, những năm gần đây, với sự hồi hương của hàng vạn lính Mỹ, chúng ta đã mất một số lớn ngoại tệ do sự giam sát trầm trọng những dịch vụ cung cấp cho đoàn quân Đồng minh, thêm nữa với nhu cầu tái thiết và phát triển, quốc-gia đang và sẽ cần thật nhiều ngoại tệ hầu nhập cảng những máy móc, vật dụng thiết yếu, do đó phải thắt chặt hầu bao ngoại tệ càng nhiều càng tốt.

Trước thực tế này, chánh quyền phải hạn chế những chi tiêu vô bổ tại ngoại quốc, trong đó, xuất ngoại để du lịch, ăn chơi là một thứ xa xỉ phẩm thiệt hại nhiều cho quyền lợi quốc-gia, do đó thông tư này không được áp dụng nữa : thành thử quyền xuất ngoại chỉ còn là một quyền ưu đãi cho một thiểu số cá nhân may mắn mà thôi.

Quyền hồi hương trên nguyên tắc không bị một hạn chế nào tuy nhiên trên thực tế, một số phần tử vọng ngoại không thèm sử dụng quyền hồi hương sau khi đã tốt nghiệp tại ngoại quốc dù chính phủ đã hết lời mời gọi. Nhưng trái lại chánh quyền có khi lại không cho một vài công - dân yêu nước, muốn phụng sự quê hương, trở về tổ-quốc mền yêu sau bao năm bôn ba nơi hải-ngoại vì sợ ảnh hưởng chính trị bất lợi cho nhà cầm quyền.

ĐOẠN II.- QUYỀN TỰ DO TÌNH THÂN.-

I.- Quyền tự do tín ngưỡng.-

Quả thật quyền này đã được chánh quyền tôn trọng khá triệt để, họ đã suy ngẫm kỹ bài học đau thương của chính quyền Đế nhất Cộng Hòa, chúng ta hy vọng không một chính quyền nào lại ngu dại dụng vào quyền thiêng liêng tối thượng này, nó chỉ đặt sau tình yêu TỔ QUỐC.

## II.- Quyền tự do giáo dục.

Hiến pháp quy định nền giáo dục cơ bản có tính-cách cưỡng bách và miễn phí, thế nhưng vấn đề trường ốc, thầy giáo lại là một vấn đề nan giải nên hiện tại còn có bao nhiêu công dân Việt-Nam tí hon phải ở nhà chôn trâu, ở dợ.

Quy chế tự trị đại học vẫn chưa được ban hành và sự xâm phạm ngang nhiên của chánh quyền vào Đại học vẫn là đề tài cho giới trẻ và báo chí chỉ trích mãnh liệt.

Ngân sách giáo dục quá ít ỏi so với chi phí khổng lồ về Quốc-phòng, đầu tư giáo dục vẫn chưa được coi là một đầu tư hữu ích và cần thiết cho nhu cầu phát - triển Quốc-gia tương lai, chưa có một kế hoạch, chính sách giáo dục trường kỳ. Vấn đề học sinh, sinh viên trường công, trường tư, sinh viên du học và sinh viên học tại quê nhà đã tạo nên những bất bình đẳng, gây bất mãn và sút - mẻ tình đoàn kết quốc-gia.

## III.- Quyền tự do tư tưởng, ngôn luận, báo chí.

Quả thật quyền tự do ngôn luận đã được tôn trọng, nhất là tại nghị trường, các Dân biểu, Nghị-sĩ tha hồ, chỉ trích lên án chính quyền thối nát, tham nhũng, bất lực mà không hề có một hậu quả xấu nào đến với họ.

Tuy nhiên quyền tự do báo chí, diễn đàn bình dân của tự do ngôn luận và tư tưởng lại bị chèn ép, đàn áp quá trớn. Bắt đầu với chế độ bong giấy, kế đó là sự tịch thu bừa bãi, vô trách nhiệm của giới chức liên hệ, gần đây Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu tuyên bố luật báo chí có nhiều sơ hở nên đã ban hành một quy chế báo chí mới bổ túc cho luật báo chí 9/69, đó là sắc luật 07/70, sắc luật này dù vẫn không tái lập chế độ kiểm duyệt nhưng đôn báo



chỉ vào chấu tường bằng những quy định khắt khe, quả thật đây là một lưới gươm treo trên cổ những người đang hy sinh phục vụ cho tự do báo chí, dù nó đã chém chết những tên Cộng-sản nằm vùng và tay sai trong làng báo Việt-Nam, như lời tuyên bố của giới hữu trách. Chúng ta hy vọng báo giới sẽ đoàn kết bảo vệ quyền lợi của nhà làm báo hầu tự do báo chí được tôn trọng và do đó nền Dân-chủ chúng ta cũng được thơm lây.

### ĐOẠN III.- QUYỀN CHÍNH TRỊ.-

#### I.- Quyền tự do hiệp hội và lập hội.-

Đến nay vẫn phải theo chế độ có từ dụ 10/55, mọi sự thành lập hội phải có giấy phép của Bộ Nội Vụ, Bộ Nội Vụ có thẩm quyền chuyên quyết trong việc quyết định cho hội ra đời hay không.

Với tình trạng thiết quân luật được ban bố, quyền tự do hội họp bị cấm chỉ nghiêm ngặt, mọi sự tụ tập bất hợp pháp sẽ bị giải tán bằng vũ lực. Như vậy quyền này trên thực tế không còn nữa và chẳng biết bao giờ nó mới được chính thức chấp nhận.

#### II.- Quyền bầu cử, ứng cử và tham gia công vụ.-

Quyền bầu cử quả thật đã được chính quyền tôn trọng quá mức, nhiều người không chịu đi bầu cũng bị chính quyền Xã thôn hăm dọa, cưỡng ép đi bầu để tỉ lệ cử tri đi bầu cao hơn những Xã thôn khác. Tuy nhiên điều khôi hài là có khi người dân mù chữ, không hề biết, nghe, thấy một ứng cử viên nào cũng phải đi bầu, và thái độ mù mờ, khờ khạo của họ khiến cho cuộc bầu cử có khi đi đến những kết quả thật bất ngờ.

Nhưng đứng trước hai giải pháp : hoặc phát cho mỗi công dân một lá phiếu dù họ chưa đủ kiến thức, trình độ để xử dụng lá phiếu một cách thích đáng, hay không tôn trọng quyền bầu cử của nhân dân lấy lý do là họ dốt nát nghèo nàn, không đủ điều kiện tối thiểu để thi hành nghĩa vụ, và đồng thời cũng là quyền lợi, một cách trọn vẹn; chúng ta phải chọn giải pháp dân chủ, là giải pháp thứ nhất, dù nó không hoàn hảo và chúng ta sẽ cố gắng loại bỏ khuyết điểm của giải pháp bằng cách thanh toán nạn mù chữ, nâng cao trình độ kiến thức của nhân dân.

Quyền ứng cử cũng đã được tôn trọng trong kỳ bầu cử Tổng Thống lần thứ nhất với 13 liên danh ra tranh cử, quả thật là một cảnh tượng chứng tỏ trình độ Dân Chủ tại nước nhà, nó cũng được thể hiện trong những cuộc tranh cử Dân biểu, Nghị-sĩ, Nghị-viện, mọi người bất kể giai cấp, đảng phái, phe nhóm đều đua nhau ứng cử vào những chức vị thơm tho hầu phục vụ cho TỔ QUỐC và gia đình.

Tuy nhiên trong kỳ bầu cử Tổng Thống nhiệm kỳ hai, người ta đã bất chấp dư luận để độc diễn trên chính trường, chúng ta buồn tủi vì hành vi thiếu ý thức chính trị của nhà cầm quyền thời đó và nền Dân Chủ bị một sự bế tắc không khi nào hàn gắn được.

Tại các địa phương, nhà cầm quyền sở tại đã o bế, lo cho gà nhà để chèn ép những ứng cử viên khác và đối lập khiến báo chí và dư luận không tiếc lời chỉ trích.

Về quyền tham gia công vụ cũng được tôn trọng hoàn hảo, bằng chứng trước mắt là sinh viên Quốc-gia hành chánh bất kể giàu nghèo sang hèn đều có mặt và khi ra trường được chọn chỗ trên một căn bản khá công bình và Dân Chủ. Tuy nhiên tại nước ta, cũng như nhiều nước khác trên thế giới, những chương ngại vật như tiền tài, bè phái đã cản bước tiến của những người trẻ có đầu óc tiến bộ, độc lập. Nền công vụ tại Việt-Nam vẫn bị bịnh tham nhũng, bè phái hoành hoành và do đó đã bóp chết biết bao bầu nhiệt huyết của những người tuổi trẻ.



111.- Quyền chính trị nói chung.-

Đến nay chưa có một văn kiện nào quy định thế nào là quyền thỉnh nguyện và đối lập công khai, bất bạo động và hợp pháp, chúng ta chỉ biết rằng những cuộc dâng thỉnh nguyện thư ủng hộ chính quyền thì được nhân viên công lực làm ngơ, không đàn áp dù có bạo động, đập phá. Trái lại những cuộc xuống đường phản đối chính quyền thì bị nhân viên công lực đàn chào kỹ lưỡng, cẩn thận dù bất bạo động.

Quả thật quyền đối lập và thỉnh nguyện là những nút an toàn cần thiết cho nôi súp de Dân Chủ, chúng ta phải chấp nhận nó không những là một vật trang trí cho chế độ, mà phải xem đó như là một quyền thực tế của nhân dân, hầu nhân dân có điều chi oan ức có thể trình lên chính quyền để được thỏa nguyện, chứ đừng như chế độ độc tài, cố ý bưng bít, dè nén, áp bức nhân dân, thì đến ngày nào đó nhân dân chịu hết nỗi phản ứng sẽ mãnh liệt và vô cùng nguy hại cho chính thể.

Trong những quyền chính trị ta phải kể quyền tự-do thành lập và sinh hoạt chính đảng.

Quả thật quyền này đã được tôn trọng với bằng chứng là sự đua nở của hàng chục chính đảng trong một Quốc-gia khiêm nhường như Việt-Nam, với quy chế chính đảng và đối lập chính trị; sắc luật 19/69 ra đời, với sự dè dặt của chính quyền, đến nay đã có 30 chính đảng được hợp thức hóa. Sự kiện nhiều chính đảng tại Nam Việt-Nam chứng tỏ chế độ Dân Chủ mà chúng ta đang sống, nhưng nhà Lập hiến đã nghĩ rằng "Độc đảng thì độc tài, đa đảng thì rối loạn" nên đã dự trù một chế độ tốt đẹp là lưỡng đảng,.... Tuy nhiên chế độ lưỡng đảng chỉ thích hợp với những Quốc gia thuộc khối Anglo SAXON, có một nề nếp Dân Chủ Nghi-viện lâu dài, còn Quốc-gia chúng ta, hy vọng tiến tới lưỡng đảng còn xa vời và xa thực tế vì những cơ cấu cứng rần của những đảng già, xuất hiện và hoạt động từ thời

kháng chiến. Chúng ta chỉ có hy vọng những tập hợp đảng - phái như 3 đảng Công-nông, Cấp tiến và Đại Việt đang làm và do đó tạo thành những khối lớn trong Quốc-hội cũng như ngoài quần chúng để tiến tới công cuộc đấu tranh chính trị tương lai.

#### ĐOẠN IV.- QUYỀN KINH TẾ VÀ XÃ HỘI.-

##### I.- Quyền làm việc, tự do kinh doanh và quyền tư hữu.-

Quyền làm việc quả thật đã được Quốc-gia tôn trọng những kẻ có tài trí đều có thể đem năng lực của mình, để một mặt kiếm kế sinh nhai, mặt khác góp phần kiến tạo Quốc gia. Nhưng khi điều 15 Hiến-pháp quy định quyền làm việc và hưởng thù lao tương xứng để bảo đảm cho gia đình và bản thân một đời sống hợp với nhân phẩm, thì điều này trong hiện tại chỉ là một niềm mơ ước xa vời, đa số quân nhân công chức với đồng lương ba cọc ba đồng chỉ được quyền sống một cách túng thiếu, chật vật, chỉ có một thiểu số ông to bà bự đã có quyền có việc làm lớn, lại có thêm quyền tạo những lợi tức khổng lồ và bất chính mới có một đời sống rất là quá thừa thãi với nhân phẩm của họ.

Quyền tự do kinh doanh cũng được Quốc-gia tôn trọng triệt để, những kẻ có tiền đều có thể làm nhà xuất nhập cảng, kỹ nghệ gia, thương gia, đem lại cho họ những lợi tức khổng lồ, được chính quyền nâng đỡ, kiêng nể. Tuy nhiên một số lớn dân nghèo nàn, buôn thúng bán mẹt dọc lề đường lại bị xua đuổi vì sợ mất vẻ thâm mỹ của "Hòn ngọc Viễn đông" và chính quyền vẫn chưa có biện pháp nâng đỡ họ.

Nơi đây chúng ta cũng nên đề cập vấn đề tự do kinh doanh của dân ngoại quốc tại Việt-Nam, dĩ nhiên chúng ta sẽ cho họ một vài đặc lợi để họ có thể tung vốn đầu tư vào mọi ngành sản xuất đang thiếu thôn tư bản, tuy nhiên chúng ta phải ngăn chặn những tập trung kinh - tế



thái quá trong tay ba tàu, chà và, mũi lõ, chính quyền phải tìm mọi cách để người Việt nắm vận mệnh kinh tế Việt Nam, chúng ta chưa thấy chính quyền đệ nhị Cộng-Hòa có một vài biện pháp ngoạn mục và cụ thể nào khả dĩ ngăn chặn sự mất độc lập về kinh tế này, mặc dù chúng ta mạnh hơn Quốc-gia láng giềng chậm tiến Campuchia, chúng ta có độc lập về phương diện chính trị mà không có độc lập kinh tế thì cũng như không.

Sau hết, chúng ta đang sống trong một Quốc - gia mệnh danh là Dân Chủ, Tự Do do đó quyền tư hữu đã được tôn trọng mãnh liệt, những chủ điền bị truất quyền tư hữu trong chính sách cải cách điền địa đã được bồi thường xứng đáng. Tuy nhiên có phải vì Quốc-gia chúng ta quá tôn trọng quyền tư hữu nên những chà và, tay thực dân, ba tàu có hàng ngàn ngôi nhà, hàng vạn mẫu đồn điền vẫn có quyền uy nghi chêm chệ bóc lột xương máu, mồ hôi nước mắt của hàng vạn nhân dân Việt-Nam. Những đặc lợi vô biên này sẽ dĩ có bởi vì trước kia chúng ta phải uất nghẹn chịu sự đô hộ tàn bạo của họ và tay sai, giờ đây chúng ta là một Quốc - gia độc lập, nhà cầm quyền có bốn phần và chúng ta có trách nhiệm, có quyền đòi lại cho nhân dân Việt-Nam tất cả những gì đã bị thực dân và tay sai bòn rút của nhân dân ta. Quyền tư hữu chỉ cần được tôn trọng đối với Đồng Bào chúng ta, còn những kẻ đã bóc lột trên xương máu của nhân dân phải trả lại những gì họ đã kiếm chác phi lý và bất chính trên giải đất này, của César, phải trả lại cho César, những gì của ông cha ta đã tốn xương máu gầy dựng phải thuộc về chúng ta; chính quyền đệ nhị Cộng Hòa vẫn quá rụt rè trong công trình cách mạng dành lại cho người Việt-Nam những gì của Quốc-gia Việt-Nam.

11.-Quyền tự do nghiệp đoàn, và quyền đình công.-

Quyền tự do nghiệp đoàn được Quốc-gia tôn - trọng với thực tế chứng minh là có hơn 700 nghiệp đoàn công nhân được cấp phái lai hoạt động, thêm vào đó những tổ hợp nghiệp đoàn mạnh mẽ, có uy tín khiến chính phủ phải e dè như Tổng liên đoàn Lao Công Việt-Nam, Tổng liên đoàn Lao động Việt-Nam.

Sự đua nở của nhiều nghiệp đoàn tại Việt - Nam chứng tỏ thiện chí của chính quyền, đã dành nhiều dễ dãi cho việc thành lập nghiệp đoàn so với việc thành lập hiệp hội, nghiệp đoàn chỉ cần nộp bản điều lệ và danh sách lập viên là đã được thừa nhận tạm thời và có quyền hoạt động, trong khi hiệp hội được khai sinh hay không là tùy thuộc quyền chuyên quyết của ông Tổng trưởng nội vụ.

Quyền đình công đi đôi với quyền tự do nghiệp đoàn, có quyền nghiệp đoàn mà quyền đình công không được công nhận thì những nghiệp đoàn công nhân tựa những quân nhân mà không có vũ khí chiến đấu.

Vào năm 1968, Tổng Thống ban hành luật 10/68 tuyên bố tình trạng chiến tranh trên toàn lãnh thổ có minh thị cấm mọi cuộc đình công bãi thị, chúng ta có thể đi nghị tính cách hợp hiến của luật 10/68 vì quyền đình công là một quyền công dân căn bản được Hiến-pháp tuyên-bố tôn trọng trong phạm vi và thể thức luật định như vậy quyền đình công chỉ có thể bị hạn chế chứ không thể bị cấm xử dụng dù bằng một đạo luật. Tuy vậy từ năm 1968 đến ngày Tổng Thống tuyên bố tình trạng thiết quân luật trên toàn lãnh thổ, quyền đình công vẫn được công nhân xử dụng lai rai và chỉ bị xâm phạm nặng nề nhất trong vụ "Pin con ó" đã làm dư luận xôn xao một thời gian. Nhưng với sắc - luật tuyên bố tình trạng thiết quân luật mới đây, quyền - đình công trở thành một quyền bất khả dụng trong nền dân chủ pháp trị của chúng ta.



### III.- Quyền công nhân cử đại biểu tham gia quản trị xí nghiệp.

Đây là một giải pháp tương như hợp lý và ôn - hòa trên phương diện lý thuyết, khi nhà Lập hiến đã có mỹ ý nâng cao vị thế của giai cấp công nhân, hầu tìm một cân bằng quyền lực, khi đối thoại với chủ nhân trong tương quan chủ - thợ.

Tuy nhiên nhà Lập hiến đã đi sớm và đi trước thực tế bi thảm của Quốc gia chậm tiến Việt-Nam. Quốc-gia nghèo nàn chúng ta đang trên con đường phát triển, chúng ta không thể một sớm, một chiều là có thể tự lực, tự cường, chúng ta phải cần người ngoại quốc, đặc biệt là tư bản của họ, ít nhất là trong giai đoạn này.

Với sự quy định quyền công nhân tham gia quản trị xí nghiệp, người ngoại quốc sẽ e dè, không dám đầu - tư mạnh vào Việt-Nam, vì sợ quyền làm chủ của họ sẽ bị san sẻ cho những đại biểu công nhân không có tài năng, kinh nghiệm và nhất là hoàn toàn vô trách nhiệm về phương diện kinh tế.

Đây quả thật là một bài toán nan giải cho nhà Lập pháp nay mai, giữa tự do và phát triển không biết phải chọn đường nào.

### ĐOẠN V.- NGHĨA VỤ CÔNG DÂN.-

#### 1.- Nghĩa vụ đóng thuế.

Dĩ nhiên nghĩa vụ này phải công bằng nhưng theo nghĩa là công bằng theo năng lực của mỗi công dân. Hiện nay nước ta cũng như nhiều quốc-gia chậm tiến khác, vẫn lấy thuế gián thu làm trọng, đây là một thứ thuế vô hình và do đó dễ thâu, nhưng nó mang nặng bất công và tàn nhẫn: người có lợi tức khổng lồ cũng như kẻ bán dân đều phải

đóng góp như nhau. Nền đệ nhị Cộng Hoà đã hô hào chiêu bài "công bằng thuế khóa" nhưng vẫn chưa có biện pháp nào khả dĩ đáng tan sự phi lý và bất công đã tồn tại từ mấy chục năm nay.

Ngoài ra, những ông tai to, mặt bự lại là những tay tổ trốn thuế, chánh quyền không dám đụng đến lông chân của họ, trái lại lo đi bòn rút những món thuế nhỏ xiu ở những người nghèo nàn như công chức, tư chức, quân nhân, buôn thúng bán mẹt. Biện pháp hủy bỏ thuế lương bổng không phải là một biện pháp hay ho, mọi người dân đều có bổn phận đóng thuế để quốc-gia có tiền dùng vào việc công ích, điều quan trọng là làm sao tận thu những món thuế không lồ nơi những tay tổ làm lớn mà lại trốn thuế, chính quyền đệ nhị Cộng Hoà hình như vẫn còn kiêng nể những tên sâu dân một nước này.

## II.- Nghĩa vụ thi hành quân dịch.

Sau luật Tổng động viên 1966, chính quyền đệ nhị Cộng-hòa vẫn cho những sinh viên học sinh, tu sĩ, sắc tộc, gia cảnh hoãn dịch; nhưng với biện pháp hạn chế gần đây, những thành phần ưu tú, tương lai của đất nước lại bị xếp xó, hạn chế gắt gao, trong khi những hoãn dịch sắc tộc gia cảnh lại không thay đổi bao nhiêu. Dĩ nhiên Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách, thấy to quốc lâm nguy mọi người đều có bổn phận ra biên cương chống lại quân thù, nhưng phải bình đẳng, người giàu, người nghèo, kẻ có thế lực, người bần dân đều phải thi hành nghĩa vụ thì mọi người mới hăng hái, vui vẻ lên đường nhập ngũ tòng quân, đảng này có những điều kiện hoãn, miễn không hợp lý tạo kẽ hở cho tham nhũng và đưa đến những bất bình.

Theo thiên ý của chúng tôi, đến một tuổi nhất định nào đó, lấy căn bản tốt nghiệp đại học hay trung học chẳng hạn, mọi người dân đều phải thi hành nghĩa vụ quân dịch trong một thời hạn nhất định sau đó sẽ được trở về



đời sống dân sự, ngoại trừ những quân nhân chuyên nghiệp tình nguyện suốt đời sẽ sống trong quân ngũ; biết không được hoãn miễn thì không ai dại gì chạy chọt, lòn cúi làm moi cho tham nhũng, biết ai cũng như mình thì không ai phàn nàn hay phàn uất gì cả, "Bình đẳng trong tự do, sung sướng chưa được thì bình đẳng trong khổ cực, nghĩa vụ vậy"

III.- Nghĩa vụ bảo vệ hiến pháp  
và tôn trọng luật pháp.-

Đã mấy công dân Việt-Nam đọc qua bản Hiến pháp 1967 ngoại trừ mấy sinh viên luật, hành chánh, chính trị. Một mặt vì tình trạng mù chữ của đa số nhân dân, mặt khác vì sự kiện không có một chính sách giáo dục quần chúng của chúng ta .

Ngoài ra những kẻ có nhiệm vụ làm gương cho quần chúng noi theo, lại chà đạp Hiến pháp và luật pháp như những vụ độc diễn, luật ủy quyền thì thử hỏi nhân dân có còn đủ niềm tin để tôn trọng những văn kiện này không, những vi phạm luật pháp của cơ quan công quyền cần được trừ khử để dân chúng khỏi dị nghị và hoài nghi về chánh thể Dân chủ pháp trị của Quốc-gia chúng ta.

Nhìn chung, chúng ta thấy những quyền tự do căn bản đã được chánh quyền tôn trọng phần nào và làm chúng ta có cảm giác được sống trong một quốc-gia khá tự do, khá dân chủ, nhưng nhìn riêng trong vài lãnh vực vài khía cạnh, một vài quyền tự do căn bản, tối yếu lại bị hạn chế hay không được tôn trọng, như quyền tự do báo chí, đối lập.

Theo thiện ý của chúng tôi, Quốc-gia chúng ta là một Quốc-gia Dân Chủ Tự Do thật sự, nhưng sự hưởng dụng những quyền tự do lại tùy thuộc ít nhiều vào mỗi loại người, được phân chia khá cơ giản và không cứng rắn.

Trước hết là một thiểu số những Dân biểu, nghị-sĩ, tướng tá cao cấp, những nhân vật lãnh đạo, lãnh tụ được hưởng dụng những quyền tự do một cách trọn vẹn, nhưng sự dốt nát và kém ý thức chính trị đã đưa đến những lạm dụng quá đáng gây sức mẻ cho tình đoàn kết Quốc-gia và tôn thương uy danh của Dân Tộc Việt-Nam : tự do ăn nói, chỉ trích bừa bãi, vô trách nhiệm, tự do xuất ngoại để buôn lậu, kiếm chác, tự do tham nhũng...

Kế đó là một đa số có mức sống trung bình, ở thành thị, được hưởng dụng những quyền tự do một cách vừa phải, có chừng mực, nếu họ biết an phận thủ thường, không chỉ trích, không chống đối .

Sau hết là đa số dân chúng nông thôn và một thiểu số trí thức cấp tiến thành thị, những người sau này tìm những sai lầm khuyết điểm của chính phủ để chỉ trích xây dựng hay phá hoại, họ thường không được hưởng dụng những quyền tự do, hay nếu có thì bị nhiều hạn chế, xâm phạm còn dân chúng thôn quê chẳng mấy ai bàn đến tự do, họ chỉ cầu sao giặc đừng đến, đạn đừng bắn để họ yên ổn làm ăn là được. Nói chuyện tự do thật quá xa vời, mờ ảo khi chiến tranh đang reo rắc kinh hoàng cho họ.

Tuy nhiên chúng tôi cũng lấy làm hãnh diện so sánh ngày hôm nay và thời đệ nhất Cộng-Hòa và thời kỳ chưa có Hiến-pháp 1-4-1967, thời trước quả thật những quyền tự do căn bản của công dân đối với nhà cầm quyền là cả một con số không to lớn, muốn bắt ai thì bắt, muốn chụp mũ ai thì cứ bảo nó là Cộng sản, muốn đóng cửa báo nào là cứ tự nhiên ra lệnh đình bản... Hiện nay dưới nền Đệ nhị Cộng Hòa có hiến pháp, có Quốc-hội, có Tổng Thống dân cử, có Tối Cao Pháp Viện uy nghi... những tệ trạng này không còn nữa, nó chỉ có thể xảy ra ở thôn quê nơi mà Xã trưởng, Ấp trưởng là những ông trời con, hay được thực hiện dưới những hình thức kén đáo, đẹp đẽ và có tính cách pháp trị hơn; Quả thật nền Dân Chủ của chúng ta đã tiến những bước chập - chững đầy tiến bộ...



## CHƯƠNG HAI

\*\*\*\*\*

### NHỮNG ĐỊNH CHẾ DÂN CHỦ

#### Ở THƯỜNG TẶNG HOẠT ĐỘNG RA SAO ?

Đây là vấn đề quan trọng nhất trong công - trình XÂY DỰNG DÂN CHỦ của Quốc-gia chúng ta, những định chế Quốc-hội, Tối Cao Pháp Viện, Giám sát viện, những hội đồng tư vấn là những cơ cấu lãnh đạo tối cao, nó quyết định cả vận mạng Quốc-gia Dân-tộc, nó vạch chính sách, làm luật lệ ảnh hưởng đến toàn thể công dân.

Ngoài ra đó cũng là nơi tập trung sự chú ý, nhòm ngó của hàng triệu cặp mắt : quần chúng, báo chí trong và ngoài nước.

Nhìn thấy nguyên tắc phân quyền được tôn trọng, Hành pháp không lấn Quốc-hội, Hành pháp không lấn át Tư pháp, người ta cảm thấy đó là một Quốc-gia Dân Chủ, Tự Do, nhìn thấy những định chế phối hợp điều hòa, người ta ghi nhận đó là một Quốc-gia có nền Dân Chủ trưởng thành.

Trái lại, thấy Hành pháp lấn áp Quốc-hội và Tư pháp, ta thấy nguy cơ độc tài xuất hiện, thấy những cuộc bầu cử thiếu đúng đắn, bị bóp méo, người ta thấy nền Dân Chủ đó chỉ là hình thức, hư danh...

Những định chế Dân Chủ thượng tầng kiến trúc Quốc gia quan trọng như vậy nên chúng tôi xin đặc biệt chú - trọng đến phần này, xem như là tiêu mốc căn bản để đánh giá công trình Xây Dựng Dân Chủ của nền Đệ nhị Cộng Hòa Việt-Nam.

## ĐOẠN I.- HOẠT ĐỘNG CỦA BA CƠ QUAN TRÊN THỰC TẾ.-

### I.- Quốc hội.-

Quyền Lập pháp được quốc dân giao phó cho Quốc hội lưỡng viện và dành cho nhiều quyền hành, được quan niệm như là một cơ cấu quan trọng để đánh bại âm mưu độc tài của Hành pháp.

Đến nay sau 5 năm thực thi Hiến pháp, Quốc-hội đã trải qua 2 cuộc bầu cử : Thượng nghị viện bầu lại 1/2 Nghị sĩ sau cuộc bầu cử toàn thể Nghị-sĩ vào 3 năm trước đó , Hạ viện bầu lại toàn thể Dân biểu nhiệm kỳ 2 sau 4 năm của nhiệm kỳ đầu tiên chấm dứt, chúng ta đã thấy một vài phần tử ưu tú của Quốc-gia đã chen chân vào được Quốc hội, tuy nhiên một vài con én chỉ báo hiệu mùa xuân sắp đến mà chưa tạo nổi mùa Xuân, nên Quốc-hội đệ nhị Cộng-hòa chưa đáp ứng được đúng mức kỳ vọng của Nhân dân Việt-Nam .

Quốc-hội ở khắp các nước trên thế giới và ngay cả Việt-Nam được quan niệm như một cơ quan dân cử, đại diện dân làm luật lệ để Hành pháp dựa vào đó ban hành những biện pháp cụ thể hầu bảo vệ an ninh và hạnh phúc chung cho toàn dân, tránh cảnh độc tài chuyên chế của một cơ quan khi quyền ban hành luật lệ và quyền chấp hành nằm trọn trong cơ quan đó. Nhưng Quốc-hội đệ nhị Cộng-hòa đã đánh mất lòng kỳ vọng của toàn dân khi biểu quyết chấp thuận luật ủy quyền, cho Tổng Thống ban hành những sắc luật trong thời hạn 6 tháng, trong nhiều lãnh vực quan trọng, chiếm hết những gì liên hệ đến an ninh và tự do con người. Nó cũng đã đánh tan niềm tin tưởng của nhà Lập hiến khi họ đã bãi bỏ những đặc quyền ban hành sắc luật của Tổng Thống đệ nhất Cộng Hòa.

Dĩ nhiên, khi Tổ Quốc lâm nguy, mọi người phải như một, ba cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp phải là một, nhưng không khi nào và không bao giờ có nghĩa là mọi



quyền hành đều phải trao cho Tổng Thống nắm trọn, mà toàn dân và ba cơ quan tối thượng phải đồng tâm nhất trí, đặt quyền lợi tối thượng của Quốc-gia lên trên hết, quên đi những tị hiềm, khác biệt để dặt dàu nhau, giúp đỡ nhau trong sứ mạng cao cả là sớm đưa Quốc gia thoát khỏi cảnh lâm nguy.

Đề nghị này, với lời kêu gọi "Tổ Quốc lâm nguy, Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp phải là một" của Tổng Thống, Quốc hội đã đánh mất lương tri một cách vội vàng, trao quyền làm luật cho Tổng Thống để bây giờ gặp những sắc luật éo le như Quy chế báo chí mới và còn nhiều nữa, thật sự, bây giờ Tổ Quốc mới lâm nguy.

Thứ đến là sự thiếu ý thức chính trị, không có tí gì liêm sỉ của một vài nhân viên Quốc-hội khi tự ban cho mình những đặc quyền phi lý, đáng được toàn dân phỉ nhổ : chia nhau đi du hí tại nước ngoài, tự ý tăng lương, buôn lậu, ăn cắp...

Ngoài ra thái độ lòn cúi, hèn kém trước cơ quan Hành pháp của vài Dân biểu, Nghị-sĩ được dư luận gán cho tên "Gia nô", đã thật sự đánh tan lòng kỳ vọng của nhân dân vào cơ cấu tối thượng này. Chúng ta không cần và toàn dân không bao giờ muốn tiến cử những tên gia nô vào trong cơ cấu tối thượng của Quốc-gia, chúng ta chỉ cần có những Dân biểu, Nghị-sĩ tài đức, muốn giúp đỡ cho cơ quan Hành pháp trong căn bản hình đảng, kiêng nể nhau và đặt quyền lợi cao cả của Tổ Quốc lên trên hết, chú nhân dân không cần những tên gia nô, cộng tác "mật thiết" với hành pháp hầu kiếm tí tiền lẻ hay xin xỏ được vài chuyến xuất ngoại để du hí và buôn lậu trên xương máu của toàn dân cũng như chiến sĩ.

Chưa hết, có vài Dân biểu vô trách nhiệm, chỉ trích loạn xạ, chửi bới một vài nhân viên chính phủ là tham nhũng, ăn cắp nhưng khi hỏi đến bằng chứng thì chỉ cười trừ trong lúc uy tín và danh dự người kia đã bị sút giảm, như vậy họ còn lòng dạ nào phục vụ Tổ Quốc.

Sau hết, thái độ nhác nhớn, vô liêm sỉ của những nhân viên lập pháp, không chịu đi họp để làm công việc lập pháp mà chỉ thích trốn họp ở nhà chạy áp phe, đi ngoại quốc du hí và vẫn lãnh lương to đều đều.

Quả thật, trong 5 năm qua, Quốc-hội, nhất là Hạ viện đã là cái bia cho dư luận, báo chí đả tấu, chỉ trích.

Nhưng hy vọng vẫn còn, trong kỳ bầu cử nhiệm kỳ hai của Hạ viện, chúng ta đã thấy vài nhân vật xuất sắc đã chịu ra ứng cử và một số đã vào lọt Quốc-hội, chúng ta hy vọng họ sẽ là những đóm sao dẫn dắt Quốc-hội ra khỏi u mê, dục vọng. Cũng như những tên hư thối sẽ dần dần lộ mặt thật để nhân dân loại trừ và thay vào đó những nhân vật trẻ, tài ba, cấp tiến, lúc đó Quốc-hội mới có những sinh sắc đúng như kỳ vọng của nhân dân.

Ngoài ra, Quốc-hội, nhất là Thượng nghị viện vẫn là một chướng ngại vật quan trọng cho hành pháp khi họ lăm le độc tài.

Sau nữa, Thượng nghị viện với những Nghị sĩ có uy tín, lớn tuổi, đức độ sẽ là những nhân vật khả kính khiến Hành-pháp phải e dè, kiêng nể, không dám mua chuộc, lấn áp.

Những lời chỉ trích, phê bình của những Dân biểu Nghị-sĩ cũng rất cần thiết vì ngoài họ ra ít ai có can đảm và trách nhiệm nói lên những sự thật não lòng của Quốc-gia để Hành-pháp lo sửa sai, cải thiện.

Sau hết, Quốc-hội Đệ nhị Cộng-hòa sẽ là môi trường thuận tiện cho việc đào tạo những lãnh tụ sáng giá của Việt-Nam mai sau, nếu những lầm lỗi được cải thiện, những vô trách nhiệm, vô ý thức được gột sạch khỏi đầu óc những nhân viên Lập pháp.



Chúng ta cứ hy vọng và đợi chờ một tương lai tươi sáng, một Quốc-hội khởi sắc trong những nhiệm kỳ sau.

### 11.- Hành pháp.-

Quyền hành pháp được toàn dân ủy nhiệm cho Tổng Thống và Hội đồng nội các, đây là cơ quan tối yếu của Quốc-gia, nó điều khiển cả guồng máy công quyền khổng lồ để điều hòa sinh hoạt của toàn dân trên toàn Quốc.

Với nỗi lo sợ độc tài xuất hiện, nhà Lập hiến đã cố dè quyền hành pháp bằng nhiều hạn chế, nhưng những gạch đá nào có nghĩa gì đối với mình rồng, thế nên dù với nhiều hạn chế của Hiến-pháp, đến nay Hành pháp vẫn hiện nguyên hình là một tên khổng lồ có sức mạnh vô song và những chương ngại vật trong Hiến-pháp thành vô nghĩa khi Quốc-hội đã chấp nhận Luật ủy quyền.

Với nền đệ nhị Cộng Hòa, chúng ta đã trải qua hai cuộc bầu cử Tổng Thống, kỳ bầu cử lần thứ nhất quả là một hiện tượng vui vẻ, chứng tỏ sự sung sức của nền Dân Chủ mới của chúng ta. Có đến 13 liên danh ứng cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống, dù rằng có một liên danh nồng cốt bị chèn ép bất chính không cho ra tranh cử và một vài chỉ trích nhỏ trong kỹ thuật bầu cử.

Nhưng với kỳ bầu cử nhiệm kỳ hai, thì tấn tuồng độc diễn bất chấp dư luận nhân dân và báo chí trong cũng như ngoài nước là một sự xấu xa, tệ hại không thể gột rửa của lịch sử đệ nhị Cộng hòa. Với cuộc bầu cử vô tiền khoáng hậu này, người ta không còn kỳ vọng gì vào những cơ cấu hiến định của Hiến pháp 1967, nhưng Dân Tộc Việt Nam là một Dân Tộc hiền hòa, sẵn sàng quên đi những trò ma giáo nếu biết phục thiện, lo cho quyền lợi của đa số quần chúng và Tổ Quốc; đến nay một năm trôi đi, tất cả đều được quên đi và tha thứ như một cơn gió thoảng.

Khi Tổng Thống pháp nhiệm một vừa tuyên bố nhậm chức chưa được bao ngày, thì xảy ra cuộc tổng công kích phản bội Tết Mậu thân của Cộng sản. Cũng như khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố nhậm chức nhiệm kỳ hai chưa được bao lâu thì xảy ra vụ Cộng sản vượt tuyến xâm lăng miền Nam, sự mù tịt của chính quyền trước những biến động lớn lao của Quốc gia, chứng tỏ hiệu năng của cơ cấu công quyền tệ hại đến mức nào, cũng như sự bất tài của Hành pháp đã lộ rõ.

Kể đến, cơn bệnh tham nhũng vẫn ngật nghèo, trăm trọng dù rằng kinh nghiệm lịch sử đau thương và hận tui của Đài-loan vẫn còn sờ sờ trước mắt, Tổng Thống đã tuyên bố quyết tâm thực hiện công cuộc bài trừ tham nhũng, nhưng tuyên bố là một chuyện mà nhất định thi hành quốc sách tận diệt tham nhũng lại là một chuyện khác. Quả thật căn bệnh tham nhũng là một căn bệnh cứng đầu bất trị, nhưng với lòng cương quyết tận diệt, với nhận thức sự nguy hiểm của căn bệnh, nhà lãnh đạo sẽ được sự hỗ trợ của toàn dân trong công trình thực hiện cuộc ĐẠI CÁCH MẠNG lịch sử này.

Ngoài ra để tìm những hậu thuẫn tại Quốc-hội, Tổng Thống không dùng những phương tiện chính đáng và hợp pháp mà lại ưa dùng tiền tài, quyền lợi để dụ dỗ, áp lực những Dân biểu, Nghị-sĩ phải chấp nhận những hành vi độc đoán của mình.

Gần đây, với những lời tuyên bố độc tài sáng suốt, độc tài anh minh, ta thấy hành pháp bất lực, tham nhũng lại lăm le độc tài, sắc luật báo chí 07/72 là một báo hiệu khởi đầu của sự bịt miệng dư luận và sẽ còn nữa.

Chúng ta đã lựa chọn chế độ Dân-chủ, lòng khát khao Dân Chủ Tự Do của toàn dân sau bao nhiêu năm sống dưới độc tài thực dân, độc tài gia đình trị, độc tài quân phiệt, lại càng bùng cháy mãnh liệt, thì một chế độ độc tài sẽ không bao giờ có thể đứng vững trên mảnh đất thân yêu này.



Dù rằng, chúng ta cũng công nhận lúc Tổ Quốc lâm nguy, lúc chiến tranh, cần phải có một chính quyền mạnh hầu đối phó với mọi trở lực từ mọi phía đưa tới, nhưng nếu thi hành một chính sách độc tài, khắc nghiệt là hành pháp đã tự chặt chân tay mình tự cắt đứt những liên lạc giữa chính quyền và dân chúng, một động cơ và yếu tố quyết định trong trận chiến tranh hiện tại.

Hơn nữa, chúng ta đã từng lên án Cộng sản là độc tài đảng trị và ta dùng chiêu thức Dân Chủ Tự Do như là một vũ khí lợi hại để hóa giải những lời tuyên truyền bịp bợm của đối phương thì ngày hôm nay chúng ta không thể hy sinh Dân Chủ Tự Do, vừa là một vũ khí lợi hại, vừa là một lý tưởng cao cả mà toàn dân đang kỳ vọng, để chấp nhận độc tài dù sáng suốt hay anh minh.

Sau hết, nhà cầm quyền đệ nhị Cộng Hòa không chịu gieo vào quần chúng niềm tin mãnh liệt vào chế độ, không nâng đỡ đúng mức, không lưu tâm thật sự đến hàng vạn nhân viên công quyền đang dở sống dở chết vì những biện - pháp kinh tài của chính phủ, hậu quả là tinh thần sa sút, kỷ luật lỏng lẻo, tác phong đạo đức suy giảm và do đó bộ máy công quyền trở thành bất lực là lẽ đương nhiên.

Như vậy khi nhìn cơ quan hành pháp, cơ quan nắm vận mệnh Quốc-gia dân dất Quốc dân trên con đường gian - nan xây dựng và kiến tạo Quê-hương, người thức giả không khỏi lo âu, bất mãn, Tuy nhiên chưa muộn để ngay từ bây giờ, Hành-pháp có thể dùng quyền lực rộng rãi của mình để thực hiện những khát khao, hoài vọng của Nhân dân.

Với thẩm quyền ban hành sắc luật trong thời hạn sáu tháng về nhiều lãnh vực quan trọng, hành pháp có nhiều cơ hội và thuận tiện để đưa ra những quyết định sáng suốt, tuyệt hảo, đáp ứng được lòng kỳ vọng của Đồng bào, bênh tham những cần phải được diệt trừ, sự bê bối cần được cải sửa, những bất lực cần được hóa giải v.v... và v.v...

Một chính quyền mạnh, một Hành pháp có hiệu - năng vẫn là kỳ vọng của nhân dân, nhưng phải phục vụ cho Tổ Quốc, Dân tộc chứ đừng vì quyền lợi cá nhân, gia đình, đảng phiệt mà coi thường đại đa số quần chúng nghèo nàn, đói - nát.

Toàn dân tin tưởng và đặt trọn tương lai của thế - hệ này và mai sau vào sự sáng suốt, minh chính của Hành- pháp, xin đừng đánh mất niềm tin tưởng đó.

### 111. Tư pháp.-

Quyền tư pháp độc lập được Quốc dân ủy nhiệm cho Tối cao pháp viện, hiện nay sau hai cuộc bầu cử Thẩm phán tối cao chúng ta vẫn chỉ có 9 Thẩm phán Tối Cao Pháp Viện.

Ban đầu, những phán quyết của Tối Cao Pháp Viện thật làm hài lòng dư luận nhân dân như vụ phán quyết về tòa án mặt trận, những vụ án sinh viên, Tối Cao Pháp Viện đã chứng tỏ sự minh chính của mình, chỉ biết có công lý và luật pháp. Nhưng sau này với những phán quyết lờ mờ lung chung, phi pháp của Tối Cao Pháp Viện, nhất là với những phán quyết trong vụ độc diễn 3-10-1971, niềm hy vọng vào những Thẩm phán tối cao đã bị đánh mất.

Nhìn Quốc-hội như một hý trường, Hành-pháp như một ông khổng lồ bất lực, thối nát, bệnh hoạn, hung tợn, chỉ còn Tối Cao Pháp Viện thì bị ông khổng lồ đe dọa làm lúng túng đánh rơi thanh gươm công lý mình đang nắm.

Tối Cao Pháp Viện đã cố làm hài lòng hai ông Hành pháp và Lập pháp, một ông cho mình quyền hành, một ông cho mình những đặc lợi và hứa hẹn tương lai, nên đã không có một lập trường dứt khoát trong những phán quyết giải thích Hiến pháp như vụ án Ngân sách Quốc-gia, Quyền phúc 'nghị của Tổng Thống..., và do đó không tạo một hình ảnh rõ rệt của chế độ cho Hành và Lập pháp dựa vào đó để làm việc.



Tuy vậy, Tối Cao Pháp Viện cũng được toàn dân nể trọng vì tư cách của những Thẩm phán, Luật sư lâu năm trong nghề và có thực tài, họ xứng đáng là những chuyên viên tối cao về phương diện luật pháp do đó họ đã được ngồi đúng chỗ chuyên môn, nhưng điều quan trọng là làm sao cho những phán quyết của họ được vô tư, sáng suốt, không bị một áp lực nào ngoài lương tâm và công lý.

Chúng ta hy vọng sẽ có một đạo luật mới bổ khuyết đạo luật 7/68, ban cho Tối Cao Pháp Viện một quy chế bầu cử độc lập hơn, cũng như một nhiệm kỳ dài hơn hầu tránh áp lực của cơ quan Hành pháp lẫn cơ quan Lập pháp. Như vậy sự độc lập trên thực tế của Tối Cao Pháp Viện mới có được và toàn dân mới hy vọng và tin tưởng vào cơ chế tối cao này.

## ĐOẠN II.- TƯƠNG QUAN GIỮA BA CƠ QUAN TRÊN THỰC TẾ.-

### I.- Tương quan giữa hành pháp và lập pháp.-

Đây là mối tương quan quan trọng nhất, nhìn tương quan này người ta có thể đánh giá mức độ Dân Chủ, bước tiến của nền Dân Chủ Quốc-gia chúng ta.

Hiến pháp đã dành địa vị ưu thế cho Lập Pháp với niềm hy vọng Quốc-hội sẽ tránh sự chèn ép của Hành pháp do đó tránh hậu quả thê thảm của nạn độc tài, nhưng trên thực tế, ta thấy những gì ?

Ban đầu, Hành pháp còn e dè kiêng nể Lập pháp nhất là Thượng Nghị Viện với những nghị sĩ có tiếng tăm, chính chắn, nhưng dần dần sau khi đo lường Quốc-hội, với thế lực kim tiền, với những tấn tuồng phi pháp như vụ bắt nhốt Dân biểu Châu, đập phá Hạ Nghị Viện, Hành pháp đã thao túng trọn vẹn Quốc-hội.

Đĩ nhiên, Tổng Thống cần có hậu thuẫn mạnh tại Quốc hội, để Tổng Thống có thể dễ dàng thực thi chính sách Quốc-gia nhưng hậu thuẫn này phải dựa vào sự cùng chung ý hướng, mục tiêu, cùng chung một quan niệm và lẽ lối cai trị để những cửa cánh tối yếu của Quốc gia sớm hoàn thành, đảng này Hành pháp đã dùng quyền lợi và quyền lực để thị uy, mua chuộc Quốc-hội, thì Hành pháp không còn có một hậu - thuẫn nào tại Quốc-hội nữa, mà chỉ có một đám thuộc hạ, một bầy cừ non tại Quốc-hội sẵn sàng tuân lệnh, chịu sự dẫn dắt của Tổng Thống.

Quả thật niềm tin của Quốc dân vào Quốc-hội đã bị bôi phẫn một phần vì đám người tham tiền sợ áp lực tại Quốc hội, một phần vì chủ nhân ông có thể lực, tiền tài không dựa vào lòng dân, chỉ biết vung tiền để mua chuộc những tên gia nô đáng phỉ nhổ, cả hai đều đáng trách và sẽ chịu trách nhiệm trước nhân dân nếu những sự không hay đến với chế độ.

Nơi đây chúng ta cần nhấn mạnh 2 mối tương - quan tương trưng nhất và phản ảnh đúng đắn tương quan giữa hai cơ quan trên thực tế đó là quyền phúc nghị của Tổng Thống và quyền chất vấn của Quốc-hội. Với quyền yêu cầu Quốc hội phúc nghị một hay nhiều điều khoản của dự luật đã được Quốc hội chung quyết, Tổng Thống ảnh hưởng đến Lập pháp, với quyền chất vấn Thủ tướng và các nhân viên Chính phủ, Quốc hội ảnh hưởng đến Hành pháp.

#### - Quyền phúc nghị của Tổng Thống -

Quyền này được Hiến pháp quy định trong điều 45, nơi đây, ta không cần nhắc lại sự tiến bộ của Hiến pháp 1967 khi đã gia tăng quyền hành của Quốc-hội đối với lời yêu cầu phúc nghị của Tổng Thống.

Có người so sánh quyền phúc nghị của Tổng Thống Việt Nam, với quyền phủ quyết của Tổng Thống Mỹ, thật sự quyền phúc nghị của Tổng Thống Việt Nam mạnh mẽ và tích cực hơn quyền của Tổng Thống Mỹ nhiều, bởi vì trong trường - hợp



những sửa đổi của Tổng Thống Việt-Nam không được Quốc hội bác bỏ với đa số quá bán, những điều khoản đó sẽ thành luật như trong thực tế chúng ta đã thấy. Trong khi quyền phủ quyết của Tổng Thống Mỹ chỉ có thể giúp Ông ta bác bỏ dự luật mà không cho đề nghị những điều khoản mới thay thế vào.

Nguy hiểm hơn nữa, với lối giải thích điều 45 Hiến pháp, theo quan điểm của Hành pháp, đã làm cho Tổng Thống có một ưu thế quá lớn đối với Quốc-hội, ngay trong công việc lập pháp, là công việc chính yếu của Quốc-hội, do đó làm dân chúng mất tin tưởng nơi chế độ cũng như những Dân biểu, Nghị-sĩ uất ức phẫn nộ, dù rằng với lẽ lối làm việc hiện hữu của Hành-pháp, có khi hữu ích, mau chóng cho đại sự, trong khi giữa Quốc-hội và Hành pháp không có những chánh đảng vững chắc làm sợi dây liên lạc.

Như vậy, với quyền phủ quyết những dự luật đã được Quốc hội chung quyết, những đạo luật được ban hành có khi chỉ được sự đồng ý của Tổng Thống và một thiểu số Dân biểu, Nghị-sĩ, còn đa số Dân biểu, Nghị-sĩ đại diện cho đa số nhân dân lại bị gạt ra khỏi công việc Lập pháp, không ai đếm xỉa và tôn trọng.

Với quyền phủ quyết, Tổng Thống đã thao túng công việc lập pháp dễ dàng, bởi vì sự quy định nửa chừng của Hiến pháp cũng như sự thiếu đồng tâm nhất trí của Quốc hội và thái độ lừng khừng của Tối Cao Pháp Viện.

Tương lai, muốn tránh cho Tổng Thống khỏi thao túng công việc Lập pháp nói riêng và Quốc-hội nói chung, mối lo âu lớn nhất của nhà Lập hiến khi soạn thảo Hiến pháp, Quốc hội phải tu chỉnh điều 45 Hiến pháp, phải dành cho Quốc hội quyền quyết định sau cùng đối với những văn kiện lập pháp, Tổng Thống chỉ có quyền có ý kiến về những văn kiện đó chứ không thể có quyền quyết định như hiện tại.

Những ai quan tâm đến sự hưng vong của chế độ không khỏi âu lo, bất mãn trước sự gia tăng càng ngày càng nhiều quyền hành của Tổng Thống đối với Quốc-hội, sự lo âu của nhà Lập hiến bộc phát rồi chăng ?

. Quyền chất vấn chính phủ của Quốc-hội. -

Trên phương diện lý thuyết và Hiến pháp, nhà Lập hiến đã gia tăng quyền hành Quốc-hội mãnh liệt bằng cách giới hạn quyền phúc nghị của Tổng Thống và gia tăng quyền chất vấn của Quốc-hội, thế nhưng, như ta đã thấy dù gia tăng quyền hành Quốc hội nhiều đến đâu, Quốc hội cũng bị Hành pháp chiếm ưu thế như trong trường hợp quyền phúc nghị nêu trên và quyền chất vấn cũng ở trong vị thế hăm hiu tương tự.

Dù rằng Quốc-hội đã nhiều lần kêu nhân viên chính phủ ra điều trần trước Quốc-hội về những hiện trạng bê bối, tham nhũng tại những bộ liên hệ, cũng đập bàn, đập ghế, chỉ trích ngay mặt đến nỗi có nhiều quan sát viên nhận định là Quốc-hội đã lạm dụng quyền này, nhưng Hành pháp vẫn trở trở như đá, như đồng, những lời chỉ trích, kiểm thảo gắt gao tại Quốc hội như nước đổ lá môn, rồi tệ trạng nào vẫn nguyên tệ trạng ấy chẳng có chi thay đổi.

Những nhân viên chính phủ cực chẳng đã mới chịu đời gót ngọc đến Quốc-hội để bị tai, nhằm mắt cho họ chửi bới một hồi no nê rồi ra về, thế là huê cả làng, Quốc hội cũng được tiếng thơm là đã thay dân nói lên những lời lầm của chính phủ, những phàn uất của dân chúng; Hành pháp cũng được dư luận khen ngợi là đã chịu thực thi những nguyên tắc Dân Chủ hiến định, chịu khó đến nghe những chỉ trích của đại diện nhân dân.

Quyền chất vấn, nếu được thực thi nghiêm chỉnh, quả thật là một nút xi hơi an toàn cần thiết cho chế độ chúng ta, khi quyền thỉnh nguyện và đối lập công khai chưa



được một văn kiện lập pháp nào quy định, nó sẽ giúp cho chế độ có một thực chất Dân Chủ hơn, dù chỉ nửa vời.

Tuy nhiên, các nhân viên Quốc-hội, nhất là các Dân biểu cần có một thái độ nhã nhặn, lịch sự hơn đối với chính phủ, cũng như nhân viên Hành pháp cần nghe những lời chỉ trích xây dựng của Dân biểu, Nghị-sĩ hầu cải thiện những lầm lỗi, khuyết điểm của mình.

Một mặt, Quốc hội thật tâm tìm những khuyết điểm của Hành pháp để chỉ trích, một bên Hành pháp cố sửa chữa những sai lầm của mình, để công việc chung có thể điều hòa tốt đẹp cũng như hiệu năng cơ quan công quyền gia tăng, đó là mong ước của nhân dân cũng như nhà Lập hiến khi đặt ra quyền chất vấn này.

Ngoài hai quyền tượng trưng trên, Quốc hội và Hành pháp còn có nhiều tương quan khác như quyền lật đổ chính phủ của Quốc-hội, quyền ban hành sắc luật của chính phủ, quyền điều tra của Thượng nghị viện cũng như quyền chấp nhận bổ nhiệm sứ thần và trưởng nhiệm sở ngoại giao... ít khi xảy ra trong thực tế, nhưng với đạo luật ủy quyền của Quốc-hội, dành cho Tổng Thống quyền ban hành sắc luật trong thời hạn sáu tháng về nhiều lãnh vực quan trọng, chúng ta phải xét thêm tương quan giữa Hành pháp và Lập pháp trong việc ban hành sắc luật của Tổng Thống.

Hiến pháp 1967 đã hủy bỏ quyền ban hành sắc - luật của Tổng Thống trong hai trường hợp quan trọng là :

1)- Giữa hai khóa họp của Quốc-hội

2)- Quốc-hội biểu quyết một đạo luật ủy quyền cho Tổng Thống ban hành sắc luật, đã được minh thị quy định trong Hiến pháp 1956, bởi vì nhà lập hiến 1967 quan niệm quyền làm luật phải là độc quyền của Quốc-hội, do đó Tổng Thống chỉ có sáng quyền lập pháp mà không có quyền ban

hành sắc luật rồi tự mình ban những văn kiện lập quy để thi hành, nhà Lập hiến tránh không cho quyền lập pháp và hành pháp nằm trong tay một cơ quan, một hoàn cảnh thuận lợi của sự chuyên chế, độc tài.

Tuy nhiên với sự khôn lanh của Hành pháp, Hành pháp đã xâm lấn vào lãnh vực Lập pháp dễ dàng trong quyền phúc nghị và giờ đây, lại thao túng Quốc hội dễ dàng để buộc Quốc-hội, ban cho mình quyền ban hành sắc luật trong một khoảng thời gian khá dài.

Vào năm 1968, sau cuộc Tổng công kích Mậu thân, với cuộc xuống đường ủng hộ Tổng Thống của Quốc-hội, thể hiện ý chí thống nhất, đoàn kết Quốc gia, Tổng Thống đã hy vọng lời yêu cầu Quốc-hội ban cho mình quyền làm sắc luật, sẽ được thỏa mãn, nhưng Quốc-hội thời đó đã cương quyết không chịu từ bỏ thiên chức mà Quốc-dân đã giao phó để trao cho Hành pháp quyền làm luật, dù lúc đó Tổ Quốc thực sự lâm nguy giặc đã vào đến bên lưng, nhân dân đã một phen cảm phục Quốc hội dù chịu bao áp lực vẫn cương quyết tôn trọng Hiến-pháp, giữ trọn vẹn thẩm quyền làm luật mà Quốc dân đã tín nhiệm trao phó cho Lập pháp, Thế mà giờ đây, sau những màn lung lạc dữ dội bởi tiền tài, áp lực, Quốc-hội đã buông xuôi, dâng trọn quyền hành của mình cho tên không lồ Hành pháp, quả thật Quốc dân không biết dùng lời gì để nói với Quốc-hội, bây giờ niềm tin đã đánh mất và không có gì để gỡ gạc lại cả...

Nhìn tương quan bất bình đẳng quá lớn giữa Quốc hội và Tổng Thống như vậy, có người mừng thầm, có người lo âu.

Có người cho rằng, Quốc-hội chậm chạp, ù lì, không có một lập trường Quốc-gia vững chắc, do đó không thể đối phó tức thì, mau chóng với tình hình đột biến mãnh liệt trong giai đoạn một mất một còn hiện tại, dành cho Tổng Thống những quyền hành rộng rãi sẽ rất có lợi cho Quốc gia



và Đồng bào vì Hành pháp thường có những phản ứng mau lẹ, cấp thời, cương quyết trước tình thế linh động và biến-chuyển như tình thế Tổ Quốc lâm nguy.

Có người lại lo âu, vì nếu Tổng Thống có nhiều quyền hành dù rằng Hành pháp sẽ mạnh, chính phủ mạnh để đối phó với hoàn cảnh chiến tranh lâm đất nước lâm nguy, nhưng nó mang nặng nguy cơ độc tài, một thao thức của nhà Lập hiến, cũng như của toàn dân.

Chánh phủ mạnh sẽ dẫn đường đến hố thẳm độc tài một cách máy móc và tự nhiên, chúng ta trong hiện tại thật sự cần một chính quyền mạnh, có khả năng nhưng không muốn và không thể chấp nhận một chính quyền độc đoán, phản - bội những lý thuyết và nguyên tắc Dân-Chủ mà nhân dân hằng ước mơ.

Sự đã rồi, chúng ta ngồi trách móc cũng chẳng ích chi, chúng ta chỉ mong rằng, với những thẩm quyền giới hạn còn lại Quốc-hội Đệ nhị Cộng hòa sẽ cố ngăn chặn những quyết định độc đoán, chèn ép đối lập, hà khắc nhân dân, nếu có, của Hành pháp, cố đặt tương quan với Hành pháp trong một vị thế bình đẳng hơn Quốc-hội với số đông, với hậu - thuẫn của nhân dân và với quyết tâm bảo vệ Dân Chủ, Tự Do sẽ là một thanh gươm bén, chặt đứt những âm mưu bất chính : chà đạp Tự Do của nhân dân, Dân Chủ của chánh thể đệ nhị Cộng Hòa.

## II.- Tương quan giữa hành pháp, lập pháp với tư pháp.

Tối Cao Pháp Viện dĩ nhiên không được độc lập hoàn toàn với Quốc-hội vì Quốc-hội đã khai sinh ra những Thẩm - phán tối cao này, nhưng không có lý do gì để Tối Cao Pháp Viện lại không được độc lập đối với Hành pháp, vì Hành pháp chỉ là một cơ quan tương đương với Tư pháp như sự quy định của Hiến-pháp và cũng không có ảnh hưởng trực tiếp gì đến sự khai sinh ra Tối Cao Pháp Viện.

Thế nhưng trên thực tế, ta thấy Tối Cao Pháp - Viện lại chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Tổng Thống lẫn Quốc - hội, những phán quyết của Tối Cao Pháp Viện thường lừng khừng, ba phải, không nghiêng hẳn về quan điểm của danh hay Lập pháp trong công việc giải thích Hiến-pháp. Luật là luật, phải minh chính, rõ ràng, thế mà Tối Cao Pháp Viện đã làm cho những điều khoản Hiến pháp vốn đã tổng quát mù mờ lại càng mờ lung, rắc rối hơn.

Tối Cao Pháp Viện nề Quốc-hội vì Quốc-hội sẽ chọn 9/30 Thẩm phán, Luật sư do Thẩm phán đoàn, luật sư đoàn và công tố đoàn bầu lên. Còn Tổng Thống đã khuy nh loát gần hết Quốc-hội, nhất là viện dưới nên Tối Cao Pháp Viện cũng chịu lòng Tổng Thống đề hy vọng trong kỳ tái ứng cử, Tổng Thống sẽ ra lệnh cho đàn em, tay chân bỏ phiếu cho những người có công với Tổng Thống, Nhân dân hết hy vọng vào Tối Cao Pháp Viện.

Đáng lý khi Tối Cao Pháp Viện được nâng lên hàng độc lập với Quốc-hội và Tổng Thống và vốn là một cơ - quan tài phán, Tối Cao Pháp Viện sẽ nắm quyền xét xử những tranh chấp giữa hai cơ quan ban về những bất đồng pháp lý, Tối Cao Pháp Viện sẽ nắm thanh gươm công lý, chỉ biết luật và luật, giải thích, phán quyết thật công minh để nhân dân còn hy vọng vào cơ quan tài phán tối cao này, đảng này Tối Cao Pháp Viện vì chịu áp lực nặng nề của Tổng Thống đã đưa những phán quyết làm dư luận công phẫn cũng như thế giới chế cười, nhất là trong vụ độc diễn 3-10-71.

Nhìn tương quan ba quyền trên thực tế, chúng ta không khỏi lo âu, bất mãn; với sự thao túng mãnh liệt của Hành pháp, Lập pháp chỉ còn là một cơ quan ngồi chơi xơi nước sau khi biểu quyết đạo luật ủy quyền, Tư pháp không còn là một cơ quan độc lập như Hiến pháp đã kỳ vọng trao phó, nó tùy thuộc quá nhiều vào Hành pháp và Lập pháp, những khuyết điểm này sẽ dĩ cố cũng vì những điều khoản mờ lung của Hiến-pháp, phần quan trọng vì quan niệm lệch lạc của Hành pháp đối với hai cơ quan kia.



Ấm ảnh độc tài Hành pháp đã ló dạng nếu Quốc hội, Tối Cao Pháp Viện không chịu sửa sai những khuyết điểm của mình. Hành pháp sẽ hiện nguyên hình con quái vật hung tợn thoát khỏi vỏ chai bé nhỏ "Hiến pháp" đã cố tâm giam giữ nó bấy lâu nay nếu Lập pháp không chịu hành xử nghiêm chỉnh quyền kiểm soát của mình, cũng như Tư pháp không chịu nắm chắc thanh gươm công lý một cách sáng suốt, vô tư.

Nếu cả hai cơ quan này không làm tròn sứ mệnh cao cả mà toàn dân đã giao phó, thì quả thật nhân dân không còn biết tin tưởng vào ai, không lẽ lại đi tin tưởng vào những cơ quan không có thực quyền như những cơ quan đặc biệt ?

### ĐOẠN III.- NHỮNG ĐỊNH CHẾ ĐẶC BIỆT HOẠT ĐỘNG RA SAO ?

#### 1.- Giám sát viện.

Tham nhũng là một căn bệnh trầm trọng và bất trị tại Quốc-gia chúng ta, ý thức tâm nguy hại của căn bệnh này, nhà Lập hiến đặt ra Giám sát viện, một cơ quan độc lập, có quyền tự trị để mong đưa Quốc-gia sớm thoát khỏi cảnh : "Tổ Quốc lâm nguy vì tham nhũng" như đã hơn một lần xảy ra tại Trung Hoa vào năm 49-50.

Giám sát viện đã được thành lập sớm sửa như những định chế hiến định khác, nhưng năm năm qua, thành quả đạt được thật là ít ỏi và mơ hồ. Tại sao lại có hậu quả thế tham như vậy ? bởi vì sự thành công của Giám sát viện tùy thuộc nhiều vào Hành pháp và Lập pháp; Thế nhưng Lập pháp thì không tiếc lời chỉ trích, cắt giảm ngân sách Giám sát-viện, Hành pháp thì không cương quyết bài trừ tham nhũng dù biết rằng tham nhũng nguy hiểm hơn cả Cộng sản vì "Nếu diệt hết tham nhũng thì lấy ai để làm việc". Nên không thi hành những khuyến cáo của Giám sát viện. Do đó Giám sát viện chẳng khác nào có miệng nhưng không có chân tay, làm sao hoạt động hữu hiệu.

Việc kiểm kê tài sản những vị lãnh đạo tối cao trao phó cho Giám sát viện, cũng không thể thực thi trên thực tế, bởi vì làm sao một Giám sát viện do Tổng Thống chỉ định lại dám bước vào dinh độc lập để kiểm kê tài sản của Tổng Thống.

Việc kiểm kê tài sản toàn thể công chức cũng không hợp lý và khó thực hiện, một mặt vì thiếu nhân viên kiểm soát lại những lời khai, mặt khác công việc kiểm kê chỉ hữu ích nếu ta biết tài sản lúc khởi đầu của vị công chức, thế nhưng mấy ai biết được cách đây vài chục năm những ông lớn bây giờ có tài sản ra sao.

Ngoài ra thể thức làm việc của Giám sát viện cũng không hợp lý, chỉ căn cứ vào những đơn tố cáo, nên có khi sa vào bẫy của bọn tham nhũng, khiến những công chức liêm chính bị hãm oan.

Tuy nhiên Giám sát viện cũng đã thành công phần nào trong những cơ quan dân sự, nhất là những công chức tép riu họ có vẻ e sợ, kiêng nể Giám sát viện. Còn những viên chức cao cấp và quân sự thì chẳng coi Giám sát viện ra chi, họ chỉ cần tuân lệnh và trung thành với Tổng Thống là chẳng ai đẩy họ đi được cả. Có vài tướng tá bị tố là tham nhũng, Giám sát viện đã thụ ký hồ sơ, nhân dân tin chắc họ thật sự là sâu dân một nước nhưng sau đó lại được lên lon và lên chức. Thế là thế nào ?

Căn bệnh tham nhũng vẫn là căn bệnh bất trị nếu nhà cầm quyền chưa quyết chí bài trừ, chỉ khi nào vị lãnh tụ Hành pháp ý thức nguy cơ của căn bệnh tham nhũng, cương quyết bài trừ nó, dám làm và làm đến nơi đến chốn lúc đó con quỷ tham nhũng mới chịu lùi bước và lúc đó mới là một cuộc Các Mạng thật sự xảy ra tại miền Nam Việt-Nam.



17.- Những cơ quan tư vấn.-

Đến nay hầu hết những hội đồng tư vấn đã thành hình: Hội đồng quân lực, văn hóa giáo dục, kinh tế xã hội, sắc tộc, một số hội viên do Tổng Thống chỉ định và một số lớn hơn do những cơ quan liên hệ đề cử, nhưng vấn đề quan trọng là những người được cử vấn có chịu nghe những lời cố vấn đáng giá bạc triệu của những cơ quan này không? hay những lời cố vấn chỉ như gió thoảng, như mây bay, chẳng ai đếm xỉa cả.

Ta thấy những hội đồng này chẳng được Hành - pháp đối đãi bằng chứng là Chủ tịch không thèm đi họp, hội viên phải kêu than, nên thay vì làm nhiệm vụ cố vấn lại đưa những lời khuyên cáo hàng chục trang giấy: Hành pháp phải sửa cái này, làm cái kia, nhưng cố vấn còn chưa được chấp nhận thì khuyên cáo ai nghe, nên những hội đồng này cũng chịu cảnh "uống nước vối" như vị cựu Chủ tịch của họ.

Hiện nay, vấn đề giáo dục và kinh tế xã hội là những vấn đề trọng đại nhất của Quốc-gia, với nhu cầu phát triển hậu chiến, quốc-gia đang cần những kế hoạch vĩ đại, trường kỳ, những chuyên viên giỏi dang. Thế nhưng chính quyền hình như chỉ chú trọng lãnh vực kinh tế mà quên lãng lãnh vực giáo dục, trong khi đầu tư giáo dục là một đầu tư dài hạn và tốn kém nhưng lợi lộc thu hoạch sẽ vô biên, như vậy tương lai lấy cán bộ, chuyên viên đầu để phát triển, hay cũng chỉ biết tùy thuộc chuyên viên kinh tế Tàu, Chà - và cũng như chuyên viên chính trị Tây, Mỹ.

Hội đồng văn hóa giáo dục cần thảo hoạch một kế hoạch giáo dục trường kỳ, cấp tiến, thực tế để đưa ra Quốc hội thảo luận biểu quyết, nó không tùy thuộc vào địa vị của ông Tổng Trưởng, không ảnh hưởng đến nhiệm kỳ của Tổng Thống, may ra Quốc gia thoát khỏi cảnh Bộ giáo dục "Võ rừng" như hiện nay, cũng như trong tương lai khỏi phải van xin, năn nỉ những chuyên viên ngoại quốc phục vụ cho chúng ta trong khi những tài năng mới của Quốc-gia đã và đang bị bỏ bê, đào thải.

Hội đồng kinh tế xã hội cũng phải thiết lập một kế hoạch quy mô cho toàn quốc và địa phương sẽ dựa vào đó để thi hành tùy theo điều kiện riêng của từng vùng trong nước.

Nhưng điều quan trọng nhất là Hành pháp phải chịu tham khảo, nghe ngóng những lời vàng ngọc của những hội đồng tư vấn, dù sao nhiều ý kiến được đúc kết lại vẫn hay hơn những ý kiến của riêng mình quyết định, nhất là trong những lãnh vực chuyên môn. Những hội đồng tư vấn sẽ còn ngồi chơi xơi nước dài dài nếu Tổng Thống không chịu thay đổi quan niệm trong cách xử dụng những hội đồng tư vấn cũng như những cố vấn riêng của Tổng Thống.

Nhìn những định chế thượng tầng với Hành pháp bất lực, tham nhũng lại mon men bên hồ thần độc tài; Lập pháp thiếu ý thức, vô trách nhiệm lại nhác nhảm; Tư pháp không độc lập, phán quyết không công minh; Giám sát viện chưa có hiệu quả gì tùy thuộc quá nhiều vào Hành pháp; những hội đồng tư vấn chưa xử dụng đúng mức, chúng ta không khỏi lo âu, ưu tư cho nền Dân-Chủ tập tễnh của Quốc-gia chúng ta.

Nền Dân Chủ chúng ta thiếu nhiều quá, nhất là những viên gạch chắc chắn để xây dựng một chế độ Dân Chủ thật sự, chúng ta sẽ tìm cách để cải thiện nền dân chủ của chúng ta, nhưng trước đó, chúng ta hãy xét xem những định chế Dân Chủ hạ tầng hoạt động ra sao ?





## CHƯƠNG BA

\*\*\*\*\*

### NHỮNG ĐỊNH CHẾ DÂN CHỦ HẠ TẦNG

#### HOẠT ĐỘNG RA SAO ?

Ở hạ tầng cơ sở Quốc-gia chúng ta, có hai cơ - cấu quan trọng cần được đề cập, đó là Xã và Tỉnh, cả hai đã được Hiến-pháp ban cấp cho tư cách pháp nhân, có một nền tự trị khá rộng rãi, hầu thực hiện nguyên tắc địa phương phân quyền : nên Hành chính địa phương của dân, do dân và vì dân đã được Hiến-pháp minh thị quy định.

Trong công trình Dân Chủ hóa nền Hành chính địa-phương các định chế dân cử đóng vai trò bảo đảm quyền lợi của Dân chúng địa phương, nên trong chương này chúng tôi chỉ đặc biệt chú trọng đến những định chế dân cử cấp Xã và Tỉnh mà thôi.

#### 1.- Cấp xã.-

Từ ngàn xưa Xã thôn đã là đơn vị căn bản, chính yếu của Tổ chức chính trị và Hành chính tại Việt-Nam, nó ôm trọn 85 phần trăm dân số toàn quốc và 4/5 đất đai của Quốc gia chúng ta. Hiện nay nông thôn trở thành mục tiêu chính của quân thù trong chiến thuật "lấy nông thôn bao vây thành thị" và cũng là chiến tuyến bảo vệ Quê Hương của hơn một triệu chiến sĩ Quốc gia. Do đó với 2.500 Xã và 13.500 Ấp nhu cầu cải tổ, cách mạng hóa, Dân Chủ hóa lại càng khẩn thiết hơn bao giờ hết.

Trước Hiến pháp 1960 đã có những cuộc cải tổ quan trọng như sắc lệnh 203d/NV/31-5-64, 198/SL/ĐUHC 24-12-66 và sau Hiến pháp nhằm hữu hiệu tới đa nền Hành chính Xã thôn chánh phủ đã ban hành văn kiện quan trọng để bổ túc và tăng cường những định chế Xã thôn là sắc lệnh 45-SL-NV-1969.

Theo đó, nhân dân bầu Hội đồng Xã cùng với trưởng ấp. Rồi Hội đồng xã sẽ bầu ra Xã trưởng, chính quyền Xã được tăng cường thành phần, quyền hạn do đó chính quyền Xã có đủ điều kiện tinh thần vật chất, nhân lực. Nếu được thi hành nghiêm chỉnh quả thật nền Hành chính hạ tầng sẽ đạt được mức Dân Chủ khả quan : người dân có quyền chọn lựa người đại diện để điều hành quản trị quyền lợi chung.

Về phương diện chính trị, những sắc lệnh thi hành Hiến pháp trên, đã làm nổi bật nguyên tắc Dân Chủ, sáng tỏ chính nghĩa Quốc-gia, người dân sẽ cảm thấy Đâu là Dân Chủ Tự Do thật sự, Đâu là Cộng sản độc đoán, độc tài.

Nhưng hiệu quả định chế tùy thuộc nhiều vào những yếu tố khác nhất là yếu tố nhân sự. Trên phương diện hình thức, Xã Ấp được xem là hoàn toàn Dân Chủ thật sự, nhưng nếu nó được hành xử bởi những cá nhân vô tư cách, thiếu tác phong do thế lực, tiền tài mà đặc cử, thì chỉ tạo nên nghi ngờ, bất mãn trong quần chúng và thêm cơ hội cho Cộng sản tuyên truyền.

Hơn nữa, nếu thực hiện một nền hành chính Dân Chủ tại Xã-Ấp mà không cải thiện thái độ cũng như tổ chức các cấp giám hộ Quận Tỉnh để hỗ trợ, thì kết quả cũng rất khiêm nhường.

Qua những cuộc bầu cử Xã ấp, ta chỉ thấy một số rất ít thân hào nhân sĩ trí thức tham gia vào các chức vụ dân cử, tuổi tác trung bình của những đại diện dân lại khá cao, kiến thức trung bình chỉ là sơ học hay tiểu học nên không đủ khả năng và kiến thức hành chánh để am tường quyền hạn và nhiệm vụ.



Ngoài ra tinh thần những nhân viên Xã ấp thường khúm núm nhút nhát trước những cấp giám hộ, không dám phát biểu ý kiến trong những buổi họp, quá lệ thuộc vào cấp giám hộ, không hăng hái, xông pha trong công việc.

Hậu quả là Hội đồng xã không có đường lối, hoạt động không thích nghi, chỉ phản ứng cầu may, làm lấy có, không tha thiết với công vụ mà họ không hiểu rõ ràng, và do đó trao trọn quyền cho Xã trưởng tha hồ thao túng. Nếu Hội đồng Xã có tham dự vào công việc xã thì chỉ nhằm quyền lợi riêng tư, bè phái, có khi lại tranh dành quyền hạn với Xã trưởng trong những công tác có lợi lộc.

Nhân dân thường ví Hội đồng Xã với "Hội đồng chuột" chỉ có hư vị mà không có thực quyền, một mình xã trưởng tung hoành ngang dọc với những cộng sự viên thân tín của ông ta.

Tuy nhiên, với thời gian, những tên ăn hại sẽ được lôi ra trước dư luận và trong kỳ tái ứng cử, sẽ bị nhân dân không tín nhiệm, hoặc bị cấp giám hộ chế tài, những kẻ bất tài vô tướng, những kẻ bóc lột nhân dân sẽ không còn xuất hiện trong Hội đồng Xã nữa, thay vào đó sẽ có những người mới, trẻ trung hơn, có học thức hơn, hiểu rõ công việc cũng như trách nhiệm và quyền hạn của mình do đó phụng sự nhân dân trong Xã đúng đắn và đầy đủ hơn.

Với thiện chí của chính quyền, với nỗ lực của chính phủ với sự tham gia hăng hái của nhân dân, Xã sẽ có những cơ quan quyết nghị cũng như chấp hành đại diện trung thực cho nhân dân, sẽ hăng hái phục vụ nhân dân trong Xã thôn với tất cả tinh thần, cố gắng, đó là tất cả ý nguyện của nhà Lập hiến, khi đề ra nguyên tắc địa phương phân quyền, do ý niệm Xã thôn tự trị từ ngàn xưa lưu truyền lại.

## II.- Cấp tỉnh.-

Sự phân quyền rộng rãi cho các địa phương theo các điều khoản ghi trong Hiến pháp 1967 chưa được thực hiện, do đó tại Tỉnh, Thị Xã có một sĩ quan cấp Tá do Tổng Thống bổ nhiệm giữ chức vụ Tỉnh trưởng, cạnh một Hội đồng Tỉnh hay Thị Xã do dân chúng trong Tỉnh hay Thị xã bầu lên.

Việc lựa chọn những quân nhân nắm chức vụ Tỉnh trưởng không phải là một giải pháp hay, nó chỉ thích hợp trong giai đoạn và hoàn cảnh chiến tranh của đất nước, đây cũng được xem như là một đặc quyền của quân đội với những khuyết điểm trầm trọng của nó: thiếu khả năng hành chính, thiếu tế nhị, thiếu chính trị, lo sợ vớt vạt vì sự tạm bợ, bấp bênh của chức vụ...

Trong tình trạng Tỉnh trưởng hướng về trung ương, lạm dụng chức vụ, lo nhiều đến quyền lợi riêng tư, Hội đồng Tỉnh do toàn dân trong Tỉnh bầu ra được hy vọng nhiều trong nhiệm vụ kiểm soát, kèm hãm bớt những hành động phi pháp, vụ lợi.

Nhưng với quyền hạn khá rộng rãi, những hội đồng Tỉnh trong thời gian qua đã tỏ ra bất lực, yếu kém vì thành phần hội đồng phức tạp, có nhiều xu hướng nên vai trò lãnh đạo trong Tỉnh đã bị vị Tỉnh trưởng quân nhân chiếm đoạt hoàn toàn.

Định chế tuy quan trọng, nhưng đưa vào tay những người không có khả năng, chia rẽ thành thử vô giá trị. Với những quyền hạn quyết nghị, kiểm soát, tư vấn, nếu Hội đồng xử dụng trong tinh thần công ích, đúng lúc và cương quyết có thể gây được niềm tin trong dân chúng, ngăn chặn những hành vi những lạm của một số Tỉnh trưởng bê bối.



Ngoài ra một số Nghị viên hội đồng Tỉnh lợi - dụng danh nghĩa và địa vị để đi làm áp phe, tìm một danh vị, một thể đứng tại địa phương để mưu cầu danh lợi cá nhân hơn là tranh đấu cho quyền lợi của tập thể nhân dân, nên hoạt động không tích cực, chỉ làm tron phần sự do đảng phái, tôn giáo để băt mình lên ra lộnh và vừa lòng ngài Tỉnh trưởng là được rồi.

Hội đồng Tỉnh đã tự làm mất tư cách, bỏ dờ ngài chủ Tỉnh tương tự như Quốc-hội hạ mình làm tay chân cho Tổng Thống, thì làm sao ngăn chặn, chế ngự những hành động mờ ám, những lạm của ông Tỉnh trưởng.

Thêm vào đó, ông Tỉnh trưởng dựa thế Trung ương, không e dè kiêng nể những đại diện nhân dân trong Hội đồng Tỉnh vì số phận cũng như chức vị ông ta tùy thuộc hoàn toàn ngài Tổng Thống chứ không phải tùy thuộc nhân dân trong Tỉnh, nên ông ta tha hồ tung hoành, không coi nhân dân và đại diện trong Tỉnh ra gì cả.

Cơ quan quyết nghị bất tài, bất lực; cơ quan chấp hành những lạm, tự cao tự đại, không tôn trọng quyền lợi nhân dân, như vậy toàn dân trong Tỉnh còn biết nương nhờ vào ai ?

Tuy nhiên, hy vọng vẫn còn, ở những Tỉnh, nhân dân có một truyền thống đấu tranh bất khuất, đã đưa được vài nhân vật trẻ vào hội đồng Tỉnh, sẵn sàng ăn to, nói lớn, chỉ biết quyền lợi Đồng Bào là quan trọng, vị Tỉnh trưởng quân nhân đã hơi nể nang không dám lộnh hành, những lạm quá lố, họ đã phải nghĩ đến phần nào quyền lợi nhân dân trong Tỉnh. Những Tỉnh khác sao không noi theo những Tỉnh đó, Tỉnh trưởng phải được quan niệm như là một cơ quan chấp hành, phải thi hành những quyết định của nhân dân do hội đồng Tỉnh đại diện, Tỉnh trưởng phải là công bộc của nhân dân chứ không bao giờ có thể là chủ nhân ông của Tỉnh.

Gần đây dư luận xôn xao, bàn tán về vấn đề dân sự hóa guồng máy hành chính địa phương, cũng như vấn đề bầu cử Tỉnh trưởng, một trong những cố gắng để ngăn chặn những tệ trạng bề bộn tham nhũng đã và đang xảy ra, những khuyết điểm trầm trọng của vị Tỉnh trưởng quân nhân do Trung ương bổ nhiệm, chúng ta hãy xét xem những đề nghị có hợp lý và cải thiện được gì không

Vấn đề dân sự hóa guồng máy hành chính

Đã từ lâu, nhiều người quan niệm vấn đề dân sự hóa guồng máy hành chính, nhất là ở cấp Quận Tỉnh, như là một giai đoạn chuyển tiếp cần có trước khi đi đến vấn đề bầu cử Tỉnh trưởng như điều 71 Hiến pháp quy định.

Nhu cầu lại càng cấp bách hơn khi nhiệm kỳ thứ nhất của Tổng Thống đã chấm dứt, và nếu Hiến pháp được tôn trọng thì nay mai cuộc bầu cử Tỉnh trưởng sẽ diễn ra trên toàn quốc.

Dân sự hóa guồng máy Hành chính, nhất là tại Tỉnh, nếu thành công sẽ chúng nghiệm được hai vấn đề:

- Không cần một vị Tỉnh trưởng quân nhân, mà chỉ cần một vị phụ tá an ninh giúp việc cho Tỉnh trưởng dân sự là mọi công việc trong Tỉnh, đặc biệt về lãnh vực quân sự, an ninh, được giải quyết ổn thỏa.
- Một vị Tỉnh trưởng dân sự do Trung ương bổ nhiệm điều hành công việc trong Tỉnh tốt đẹp thì một vị Tỉnh trưởng do toàn dân trong Tỉnh bầu lên sẽ có hiệu năng gấp mấy lần, và thành công gấp bội với sự phụ giúp của hai vị phụ tá Hành chính và an ninh.

Tuy nhiên, trước khi đi qua vấn đề bầu cử Tỉnh trưởng, chúng ta hãy xét những lợi lộc mà vị Tỉnh trưởng dân sự đem lại cho nhu cầu Dân Chủ, Tự Do của dân chúng trong Tỉnh.



Trước hết, vị Tỉnh trưởng dân sự đã được đào - tạo trong một trường chuyên môn sẽ am tường vấn đề Hành chánh, tài chính hơn vị Tỉnh trưởng quân nhân, công việc trong Tỉnh sẽ điều hòa tốt đẹp, do đó quyền lợi của đa số nhân dân sẽ được tôn trọng bằng những phương thức giải quyết mau lẹ và hữu hiệu.

Kế đó vị Tỉnh trưởng dân sự có một lối giải quyết công việc dân chủ hơn, tế nhị hơn là cách giải quyết công việc độc đoán của vị Tỉnh trưởng quân nhân, điều này đưa tới hậu quả tốt đẹp là mọi nhân viên trong Tỉnh cũng như dân chúng sẽ hăng hái phục vụ công việc chung.

Ngoài ra, đối với vị Tỉnh trưởng dân sự, hành chánh là nghề nghiệp duy nhất, do đó ông ta sẽ tránh những hành vi tham nhũng trắng trợn, bất chấp luật pháp, nếu không ông ta sẽ bị sa thải, thế là thất nghiệp; Trái lại, vị Tỉnh trưởng quân nhân quan niệm chức vị Tỉnh trưởng như là một đặc quyền ngắn hạn, chỉ là nghề tay trái của ông ta, nên khi giữ chức vụ ông tha hồ chụp giựt, tham nhũng, nếu lỡ vỡ cùng lắm là trao trả đương sự về bộ Quốc phòng và đôi khi còn được lên lon hay giữ chức vụ cao hơn sau khi rời khỏi chức vị Tỉnh trưởng vì bị nhân dân trong Tỉnh tố tội bởi.

Như vậy, thiết nghĩ chúng ta không cần tranh luận về những ưu điểm của vị Tỉnh trưởng dân sự, dù do Trung ương bổ nhiệm : tránh phần nào nạn tham nhũng, được lòng dân và cán bộ, công việc trong Tỉnh được giải quyết mau lẹ, hữu hiệu. Tuy nhiên, nhiều người cứ rêu rao chiêu bài chiến tranh, Cộng sản, để duy trì những đặc lợi cho một giai - tầng, từ cấp Xã đến Tỉnh rồi lên Trung ương đâu đâu cũng thấy những quân nhân nắm giữ những chức vụ chỉ huy quan - trọng, ngay cả Giám đốc những cơ quan Hành chánh thuần túy cũng do những vị tá đảm nhiệm.

Đĩ nhiên trong thời kỳ chiến tranh, chúng ta phải công nhận sự cần thiết và quan trọng của Quân đội, lo chống quân thù, giữ vững giang sơn, tuy nhiên, trong xã hội đã có sự phân công cho công việc được hợp lý và mau chóng, mỗi người phải có và chỉ có một nhiệm vụ, công chức làm hành chánh, quân đội lo giữ giặc. Nguyên tắc phân công đã được công nhận từ thời Đô thị Athènes, ngày nay, sau mấy ngàn năm, không lý ta lại đi thụt lùi khi lịch sử nhân loại là một lịch sử văn minh và tiến bộ.

Thêm nữa căn bệnh tham nhũng còn nguy hiểm gấp bội nguy cơ Cộng sản, tham nhũng đẻ ra Cộng sản, nuôi dưỡng Cộng sản và là thứ căn bệnh, thứ vi trùng đục khoát lẫn hội cơ thể Quốc-gia chúng ta, là bệnh nội thương trầm trọng, còn Cộng sản là loại nguy cơ bên ngoài, dễ thấy và dễ chống đỡ hơn, nó chỉ như bệnh ngoại thương. Dân sự hóa guồng máy hành chánh sẽ chặt bớt vài cánh tay của con bạch tuộc tham nhũng đang ăn sâu và ăn có hệ thống vào xương tủy Quốc gia Việt-Nam.

Như vậy, dân sự hóa guồng máy hành chính là việc sẽ làm và phải làm hầu nâng cao tinh thần dân chúng và cán bộ, tận diệt tham nhũng và đây là hai phương thuốc khá hữu hiệu để chiến thắng Cộng sản xâm lăng.

### Vấn đề bầu cử Tỉnh trưởng

Điều 71 Hiến pháp quy định : "Các vị chỉ huy các cơ quan chấp hành địa phương phân quyền sẽ do cử tri bầu lên theo lối phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và kín..."

Tuy nhiên, điều 114 Hiến pháp quy định tiếp: "Trong nhiệm kỳ đầu tiên, Tổng Thống có thể bổ nhiệm những vị Tỉnh trưởng". Nhưng đến nay, nhiệm kỳ thứ hai trôi qua gần một năm, Tỉnh trưởng vẫn chưa được toàn dân trong Tỉnh bầu lên, người ta vì đặc quyền đặc lợi đã làm ngơ trước những quy định của Hiến pháp và nại nhiều lý do để nguy biện cho sự chậm trễ này.



Trước hết, người ta cho rằng vì hoàn cảnh chiến-tranh, nguy cơ Công sản còn đe nặng làm Tổ Quốc lâm nguy, tổ chức bầu cử Tỉnh trưởng lúc này thật bất tiện; nhưng tại sao chúng ta vẫn tổ chức bầu cử Tổng Thống, Dân biểu, Nghị sĩ và ngay cả Hội đồng Xã, Trường ấp vẫn không có ngăn trở nào quan trọng xảy ra trong công trình Dân Chủ hóa từ thượng tầng đến hạ tầng cơ sở Quốc-gia.

Thứ đến họ cho rằng, bầu cử Tỉnh trưởng sẽ đưa đến nạn "Nhiều Quốc-gia trong một Quốc-gia", vì Tỉnh trưởng dân cử sẽ đi ngược lại quyền lợi chung của Quốc-gia Dân tộc, đi ngược đường lối chung do vị nguyên thủ Quốc-gia vạch ra do đó nạn sử quân có thể xảy ra, nhưng họ quên rằng, cạnh vị Tỉnh trưởng dân cử, Trung ương sẽ bổ nhiệm hai phụ tá về hành chánh và an ninh, mọi công việc chuyên môn sẽ do hai vị này nắm giữ để bổ khuyết cho sự thiếu huấn luyện chuyên môn của Tỉnh trưởng Dân cử, Vị Tỉnh trưởng phải thật giỏi may ra điều khiển hai phụ tá này, chứ đừng nói đến chuyện chuyên quyền. Ta chỉ nên lo vị Tỉnh trưởng không đủ khả năng, tài đức để điều khiển, chỉ huy hai vị này, chứ đừng lo là Tỉnh trưởng sẽ chuyên quyền và tách khỏi cộng đồng Quốc-gia Dân-tộc.

Sau nữa điều 75 Hiến pháp còn quy định "Vị chỉ huy cơ quan chấp hành các tập thể địa phương có thể bị Tổng Thống giải nhiệm trong trường hợp vi phạm luật pháp, Hiến pháp hay chính sách Quốc-gia". Như vậy, thẩm quyền Tổng Thống vẫn quá rộng rãi vì những danh từ vi phạm quá ư mơ hồ, Tổng Thống truat quyền vị Tỉnh trưởng giờ nào không được. Do đó ta nên lo ngược lại rằng, lo cho sự giải nhiệm độc đoán của Tổng Thống đối với vị Tỉnh trưởng Dân cử quá ư lấn cấn với quyền lợi địa phương để quên đi những mật lệnh do Tổng Thống giao phó.

Ngoài ra, khi nhân dân trong Tỉnh có cơ hội và toàn quyền cử người tài đức điều khiển công việc chung, ta thấy những lợi lộc vô biên đến với nhân dân và quyền lợi chung của Tỉnh.

Thứ nhất, nguyên tắc địa phương phân quyền trong Hiến pháp như một hệ luận của lý thuyết Dân Chủ được tôn trọng, do đó, Cộng sản không còn lý do gì để chỉ trích sự tái lập Dân Chủ, Tự Do của miền Nam Việt-Nam, cũng như nhân dân hành diện khi được người đại diện trung thực cho địa phương được bầu lên để lo công việc chung, họ sẽ tự thỏa mãn về nền Dân Chủ thật sự mà họ đang sống và thụ hưởng.

Hai nữa, bầu cử Tỉnh trưởng sẽ ngăn chặn phần nào nạn độc tài của Hành pháp mà hiện nay đang chờ cơ dịp để bùng cháy.

Sau hết, vị Tỉnh trưởng dân cử sẽ lo phục vụ tối đa cho quyền lợi dân chúng địa phương, họ không dám bóc lột, tham nhũng vì vừa sợ áp lực của Trung ương lẫn cử tri địa phương, hậu quả là nền hành chính địa phương sẽ trong sạch, tham nhũng bị bài trừ ít nhất cũng từ cấp Tỉnh trở xuống, do đó Xã ấp được hưởng lây : tệ trạng tham nhũng chầm dứt, cán bộ hết lộng hành như đã xảy ra từ bấy lâu nay.

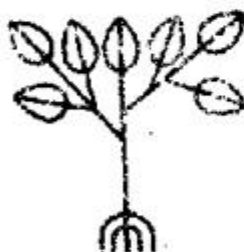
Như vậy, bầu cử Tỉnh trưởng, chúng ta sẽ nhận được những ưu điểm của vấn đề dân sự hóa lẫn những ưu điểm nêu trên, do đó chúng ta không còn e ngại gì mà không tiến tới cuộc bầu cử Tỉnh trưởng cũng như Thị và Đô trưởng, Hiện nay, chiến tranh đang ở vào giai đoạn chót, Cộng sản thấy rằng chúng không thể chiến thắng chúng ta bằng quân sự, nên không sớm thì muộn, chúng sẽ chuyển hướng đấu tranh sang lãnh vực chính trị, do đó một vị Tỉnh trưởng của Dân, do Dân và vì Dân lại càng khẩn thiết hơn bao giờ hết.

Chúng ta tin rằng, chỉ với cuộc bầu cử Tỉnh trưởng, chúng ta mới có thể đáng gục ba thứ giặc : tham nhũng, Cộng sản và độc tài, ba mối nguy cơ lớn lao nhất của những người Việt, yêu Tổ Quốc Việt-Nam và thương Đồng Bào ruột thịt.



Do đó, hiện nay cả ba thứ giặc trên, chúng ta nói hơi độc đoán, đều không muốn có cuộc bầu cử Tỉnh trưởng xảy ra. Tham nhũng e rằng với cuộc bầu cử Tỉnh trưởng nó sẽ mất cơ hội hoành hoành, Công sản e sợ cuộc bầu cử làm nó mất chân đứng, độc tài cũng lo âu vì bầu cử Tỉnh trưởng sẽ đánh tan ảo vọng độc tài mà họ đã ôm ấp.

Chúng ta chờ đợi Quốc-hội, đại diện cho 5 triệu cử tri Việt-Nam sớm biểu quyết đạo luật bầu cử Tỉnh trưởng, để nhân dân có dịp thỏa mãn khát vọng Dân Chủ hóa địa phương của mình cũng như đáng tan ba nguy cơ đang đè nặng trên công trình trường kỳ vĩ đại của Dân Tộc ta : Xây Dựng Dân Chủ và Tự Do cho Quốc-gia và nhân dân Việt-Nam.



## KẾT LUẬN

\*\*\*\*\*

DÂN TỘC CHÚNG TA từ bao nhiêu năm nay chỉ quen chịu đựng chế độ độc tài, từ độc tài quân chủ chuyên chế qua độc tài thực dân, đến độc tài gia đình trị rồi độc tài quân phiệt, quả thật chúng ta chưa quen thuộc với chế độ dân chủ, do đó khi chấp nhận đầu chủ chúng ta cũng phải chấp nhận những lầm lỡ, vấp vấp, khuyết điểm của nền dân chủ sơ lỗng của quốc gia chúng ta.

Dân chủ là chế độ khó thực hiện nhất, nó đòi hỏi những cố gắng phi thường, những hy sinh vĩ đại của nhà cầm quyền lẫn dân chúng, nó lại càng đặc biệt khó khăn trong những quốc gia chậm tiến lại bị hung thần chiến tranh tàn phá như quốc gia Việt Nam.

Chưa một quốc gia nào vừa bị chiến tranh tàn phá khủng khiếp ngay trên lãnh thổ, mà lại hăng hái, nỗ lực trong công trình xây dựng dân chủ, vừa anh dũng chiến đấu để bảo vệ tổ quốc, quê hương thân yêu bằng nhân dân Việt Nam. Do đó, nơi đây chúng ta phải cảm phục và hãnh diện ghi nhận ước vọng dân chủ tự do thực sự của toàn dân, cũng như thiện chí của nhà cầm quyền trong công trình xây dựng dân chủ và tự do, nhưng tại sao chúng ta chưa thành công?

Có phải còn đường xây dựng dân chủ của chúng ta quá gian nan, bị nhiều chướng ngại vật, nào Cộng Sản, nào chiến tranh, chậm tiến, độc tài, tham nhũng; hay chúng ta thiếu những chất liệu cần thiết để xây dựng một nền dân chủ thật sự: Thiếu một tinh thần dân chủ, thiếu những chính đảng vững mạnh, thiếu một giai cấp trung lưu đông đảo...



Thật sự chúng ta không lăm lăm khi lựa chọn chế độ dân chủ, nhưng chúng ta thiếu chuẩn bị, hay đúng hơn, không có đủ thì giờ để chuẩn bị trước khi đón nhận một cơ chế dân chủ.

Chúng ta không lăm lăm vì chỉ có dân chủ mới lăm cho chúng ta có chính nghĩa, để đánh bại kẻ thù. Ông sẵn xâm lăng, độc tài đảng trị; chỉ có dân chủ, tự do mới lăm cho chúng ta có lý tưởng để tranh đấu, để vươn lên; chỉ có dân chủ mới thích hợp với trào lưu tiến bộ và văn minh của tập thể của loài người.

Chúng ta chỉ thiếu, hay đúng hơn, chưa chuẩn bị sẵn sàng những chất liệu cần thiết để chế độ dân chủ dựa vào đó mà sinh tồn, mà nảy nở, đó là một tinh thần dân chủ và những thể chế dân chủ cần bản cần thiết

TRƯỚC HẾT CHÚNG TA THIẾU MỘT TINH THẦN DÂN CHỦ  
THẬT SỰ.

Nhân dân sau bao nhiêu năm sống dưới chế độ thực dân, độc tài, bị đè nén quá mức, thành thử dù rất khát khao với dân chủ tự do, những ý chí bị cùn mòn, cao vọng biến thành ảo vọng, do đó nảy sinh ra thái độ thụ động, không chịu tiếp tay với chính quyền trong công cuộc xây dựng dân chủ, đi bầu lã bầu cho xong, ai trúng cũng được, ai trật cũng chẳng hay. Từ sự thiếu hợp tác, thiếu hăng hái lúc đầu, nên sau này chính quyền cũng khó kêu gọi sự hợp tác của nhân dân trong những công tác ích quốc lợi dân.

Sự thiếu hăng hái, thiếu tích cực của nhân dân, một phần lớn trách nhiệm phải quy trách cho những nhà lãnh tụ, đã và đang lèo lái con thuyền quốc gia, họ lên cầm quyền nhờ thế lực ngoại bang, do đó họ chỉ cần lăm sao vừa lòng những anh khác giống nầy, bắt chấp nhu cầu và khát -

vọng chính đảng của nhân dân, khinh nhờn đám quần chúng nghèo nàn đói nát.

Làm sao đánh tan sự vọng ngoại, khinh thị nhân dân của nhà cầm quyền, cũng như gạt bỏ lòng thờ ơ, hồ hững của nhân dân? Chúng ta cần có một cuộc cách mạng vĩ đại về tinh thần mới gạt rửa quan niệm của nhà cầm quyền cũng như thái độ của dân chúng.

Nhà lãnh đạo phải quan niệm giảng sôn này là của giống dòng Hồng Lạc, nhân dân này là nhân dân Việt - Nam, máu đỏ da vàng, họ có bốn phần, nhiệm vụ phục vụ tổ quốc và nhân dân Việt Nam, họ phải quan niệm chức vị mà họ đang có, quyền lợi mà họ đang thụ hưởng, đất nước mà họ đang cầm quyền là mồ hôi, nước mắt và máu của tổ tiên đồng bào để lại, không phải do anh Tàu, Tây hay Mỹ mà có, trái lại, đã do một lịch sử oai hùng, với hàng ngàn năm tranh đấu của dân tộc Việt Nam.

Nên nhớ rằng, không một đế quốc nào có thể tồn tại mãi trên đất nước này để có thể đỡ hộ mãi dân tộc Việt Nam oai hùng, tất cả đều đã lui thủ cuộn gói chạy dài trước sự chiến đấu bền bỉ và dũng cảm của dân tộc Việt Nam, lúc đó, chỉ còn người Việt với dân Việt Nam, nhà cầm quyền nào muốn bền lâu, muốn xây dựng quốc gia đều phải dựa vào đa số nhân dân, thoả mãn những nguyện vọng đôn sò, mộc mạc của đám quần chúng Việt Nam này.

Nhà cầm quyền cũng cần phải gạt bỏ quan niệm mình là cha mẹ dân, phải quan niệm mình là công bộc của nhân dân, có bốn phần và trách nhiệm hướng dẫn đám nhân dân ruột thịt mau thoát khỏi cảnh cơ hàn, cực khổ; chứ không thể xách đầu, xách cổ nhân dân đi theo mình.

Khi có một chánh quyền biết lo cho dân, xuất phát từ dân xuất hiện, lẽ dĩ nhiên nhân dân không còn thờ ơ, thụ



động trong công cuộc xây dựng dân chủ và kiên tạo quốc gia. Trong một quốc gia chậm tiến như Việt Nam, nhà cầm quyền, người lãnh đạo đóng vai trò rất quan trọng, họ là động cơ, là kẻ tiên phong, là mối thuộc sừng để thúc giục lôi kéo, hướng dẫn nhân dân trên con đường cứu dân, kiến quốc.

Trong mỗi yếu tố, tinh thần người lãnh đạo và nhân dân thật quan trọng, có tinh thần dân chủ, mọi khó khăn, mọi chướng ngại khác sẽ được dẹp tan, phá bỏ.

Với một thiên chí về tinh thần dân chủ của nhân dân cũng như nhà cầm quyền, với một niềm tin của nhân dân vào người lãnh đạo, hai bên sẽ hợp tác với nhau, đi dắt nhau trên con đường xây dựng dân chủ gian nan.

Tuy nhiên, có tinh thần dân chủ chưa đủ, chúng ta phải có những thể chế dân chủ, hầu kết hợp yếu tố định chế và con người, để sớm hoàn thành sứ mạng xây dựng dân chủ, tự do mà toàn dân đang nóng lòng trông đợi.

### SAU ĐÓ TA PHẢI XÂY DỰNG NHỮNG CƠ CHẾ DÂN CHỦ

Những cơ chế dân chủ căn bản cần phải có là gì?

Trước hết, cần phải có một hệ thống chính đảng vững mạnh, đối lập hay thân chính quyền, qui tụ những kẻ tài trí trong quốc gia và phải có cơ sở vững chắc từ nông thôn tới thành thị.

Hiện nay, Nam Việt Nam có quá nhiều chính đảng, với những danh xưng nghe thật kêu, nhưng chỉ quy tụ vài ba kẻ trí thức, đồng quyền lợi mà không có căn bản nhân dân vững chắc. Những lãnh tụ đảng phái này, không phát xuất từ nhân dân, không hiểu nhân dân, không biết những nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân, họ chỉ là một thứ trí thức phong trà, rảnh rỗi, kêu vài ba thân thuộc bạn bè, tung tiền mua vài

chục cán bộ, ít trăm đảng viên, thế là thành lập xong một chính đảng, để đó, đợi thời kiếm vài chức vị hấp dẫn, thõm tho.

Những chính đảng như vậy không thể tồn tại trên con đường xây dựng dân chủ của quốc gia chúng ta, chúng ta cần có những chính đảng qui tụ đông đảo những người đồng chí hướng, có căn bản nhân dân vững chắc, thật sự phục vụ quyền lợi quốc gia dân tộc và đa số đông đảo.

Đĩ nhiên chúng ta không thể một sớm một chiều, tiến tới chế độ lưỡng đảng như Hiến Pháp qui định, chế độ lưỡng đảng, như chúng ta đã đề cập, chỉ có thể có trong những quốc gia thuộc khối Anglo Saxon, có một truyền thống nghị - viện lâu dài, chúng ta chỉ hy vọng, trong tương lai, quốc Hội sẽ ban hành những đạo luật bầu cử thích hợp, nó sẽ gạt bỏ những chính đảng không có thực lực ra ngoài sinh hoạt chính trị và chỉ duy trì những chính đảng lớn hay những kết hợp chính đảng vững mạnh.

Khi có những chính đảng vững mạnh, hoặc chống đối hay thân chính quyền hiện hữu, những lãnh tụ đối lập cũng không có thể bị chính quyền làm khó để vì họ có một thực lực và có căn bản nhân dân vững chắc, những đảng thân chính quyền sẽ tìm cách vận động, truyền bá những chính sách hay ho, tốt đẹp của chính quyền cho toàn thể dân chúng, hầu tìm những hậu thuẫn để cùng có chính quyền, đảng khác, những chính đảng đối lập sẽ tìm những khuyết điểm của chính - quyền hầu chỉ trích xây dựng, nhờ đó chính quyền sẽ sửa sai những lỗi lầm, vấp vấp của mình, nếu không muốn bị phe đối lập chiếm chính quyền trong kỳ bầu cử tương lai, cũng như những chính đảng đối lập lo học hỏi, trau dồi thêm những kinh nghiệm để chuẩn bị nắm chính quyền.

Thêm nữa, cả hai loại chính đảng sẽ lo thu hút đa số quần chúng hầu tạo thực lực cho đảng mình, huấn luyện



Nhìn như vậy, công trình xây dựng dân chủ thật là một công trình gian nan, trường kỳ, nó đòi hỏi nhiều ở nhà cầm quyền, cán bộ và quần chúng, nó kêu gọi sự góp sức của nhân dân, đảng phái, của các vị lãnh đạo quốc gia, do đó trong hiện tại chúng ta chưa có gì cả trong công trình chung xây dựng dân chủ, ngoài những cơ chế hiện định đầy mâu sắc, những trống rỗng nội dung, ngoài những khuyết điểm, lỗi lầm vô số. Thế những, chúng ta, vẫn có quyền hy vọng ở một tương lai Việt Nam tươi sáng cho đông bào và quê hương, bởi vì :

Dù bị đế quốc thực dân đô hộ hàng chục năm bằng một chính sách khắc nghiệt nhất trong lịch sử loài người, tinh thần quật cường của dân Việt đã làm cho thực dân cuốn gói qui hàng, thế rồi hào quang độc lập đến, nhưng chẳng bao lâu hoa độc tài không dung tha, toàn dân cưỡng quyết vùng lên lật đổ và phải tốn bao nhiêu xương máu mới có một bản Hiến Pháp như ngày nay, đủ rõ khát khao dân chủ tự do đã lên đến cùng độ, dân muốn là trời muốn, do đó những ai muốn tránh khỏi lỗi lầm của những vết xe lịch sử thảm khốc, phải mau mau chú ý lo lắng khát khao của nhân dân là thực hiện tự do dân chủ. Tinh thần quật cường của dân tộc Việt sẽ không để yên cho những ai ôm cao vọng độc tài tồn tại trên giang sơn gấm vóc này.

Ngoài ra, lòng khoan dung, đại độ, tâm hồn thật thà chất phác của nhân dân Việt Nam, đã khiến họ dù chống thực dân, nhưng vẫn không bài ngoại quá khích, không kỳ thị tôn giáo, không phân chia giai cấp, không kỳ thị địa phương. Những chia rẽ kỳ thị, nếu có, chỉ do một thiếu sót vĩ quyền lợi thấp hèn mà vạch ra. Con đa số nhân dân vẫn vô tư, hồn

chính trị, giáo dục đảng viên và điều này thật sự cần thiết cho quốc gia khi phải đấu tranh chính trị với Cộng Sản.

Một tinh thần dân chủ cởi mở của cấp lãnh đạo, một hoài bão thiết tha cho tự do, dân chủ của nhân dân, một hệ thống chính đảng vững mạnh sẵn sàng chấp nhận những trở ngại dân chủ, có lẽ đã đủ để quốc gia chúng ta tiến mạnh trên con đường dân chủ, nhưng thật sự như thế vẫn còn khiếm khuyết, đông bào chúng ta quá nghèo nàn, do đó nạn thất học vẫn còn trầm trọng, cản trở nhiều cho công cuộc giáo dục quần chúng của chính đảng và nhà cầm quyền.

Vậy làm sao phải có một tầng lớp đông đảo giai cấp trung lưu, không phải quá chật vật trong vấn đề ăn, mặc, ở, giai cấp này sẽ dâng hiến cho quốc gia những công dân có căn bản học vấn tối thiểu, để hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của công dân trong một quốc gia dân chủ tự do, đủ kiện thức để tìm hiểu những ứng cử viên, đủ thời giờ và trình độ để tham gia chính đảng và nhất là đủ no cơm, ấm áo để tin tưởng vào chế độ mình đang sống, do đó không bị Cộng Sản mê hoặc, dụ dỗ như những người dân nghèo khổ, thất học.

Dân có giàu, nước mới mạnh, giai cấp trung lưu cần thiết cho quốc gia như vậy, nên chính quyền phải hữu sản hoá nhân dân, phải mở mang kỹ nghệ, canh nông để nhân dân có cơ hội đem tài năng phục vụ xứ sở và kiếm lợi tức để sinh sống. Chúng ta không cần vài trăm tên triệu, tỷ phú mà thật sự cần vài trăm ngàn dân, hay vài triệu kẻ

đủ sống và cần nhất là đứng để cho người dân nào phải sống quá cơ cực, lấm than, đốt nát, sẽ là mầm mống của bất mãn, chống đối và cũng là môi trường thuận tiện cho chủ nghĩa Cộng Sản nảy nở, hoành hành.



Nhìn như vậy, công trình xây dựng dân chủ thật là một công trình gian nan, trường kỳ, nó đòi hỏi nhiều ở nhà cầm quyền, cán bộ và quần chúng, nó kêu gọi sự góp sức của nhân dân, đảng phái, của các vị lãnh đạo quốc gia, do đó trong hiện tại chúng ta chưa có gì cả trong công trình chung xây dựng dân chủ, ngoài những cơ chế hiện định đầy mâu sắc, những trống rỗng nội dung, ngoài những khuyết điểm, lỗi lầm vô số. Thế những, chúng ta, vẫn có quyền hy vọng ở một tương lai Việt Nam tươi sáng cho đông bào và quê hương, bởi vì :

Dù bị đế quốc thực dân đô hộ hàng chục năm bằng một chính sách khắc nghiệt nhất trong lịch sử loài người, tinh thần quật cường của dân Việt đã làm cho thực dân cuốn gói qui hàng, thế rồi hào quang độc lập đến, nhưng chẳng bao lâu hoa độc tài không dung tha, toàn dân cưỡng quyết vùng lên lật đổ và phải tốn bao nhiêu xương máu mới có một bản Hiến Pháp như ngày nay, đủ rõ khát khao dân chủ tự do đã lên đến cùng độ, dân muốn là trời muốn, do đó những ai muốn tránh khỏi lỗi lầm của những vết xe lịch sử thảm khốc, phải mau mau chú ý lo lắng khát khao của nhân dân là thực hiện tự do dân chủ. Tinh thần quật cường của dân tộc Việt sẽ không để yên cho những ai ôm cao vọng độc tài tồn tại trên giang sơn gấm vóc này.

Ngoài ra, lòng khoan dung, đại độ, tâm hồn thật thà chất phác của nhân dân Việt Nam, đã khiến họ dù chống thực dân, nhưng vẫn không bài ngoại quá khích, không kỳ thị tôn giáo, không phân chia giai cấp, không kỳ thị địa phương. Những chia rẽ kỳ thị, nếu có, chỉ do một thiếu sót vĩ quyền lợi thấp hèn mà vạch ra. Con đa số nhân dân vẫn vô tư, hồn

chính trị, giáo dục đảng viên và điều này thật sự cần thiết cho quốc gia khi phải đấu tranh chính trị với Cộng Sản.

Một tinh thần dân chủ cởi mở của cấp lãnh đạo, một hoài bão thiết tha cho tự do, dân chủ của nhân dân, một hệ thống chính đảng vững mạnh sẵn sàng chấp nhận những trở ngại dân chủ, có lẽ đã đủ để quốc gia chúng ta tiến mạnh trên con đường dân chủ, nhưng thật sự như thế vẫn còn khiếm khuyết, đông bào chúng ta quá nghèo nàn, do đó nạn thất học vẫn còn trầm trọng, cản trở nhiều cho công cuộc giáo dục quần chúng của chính đảng và nhà cầm quyền.

Vậy làm sao phải có một tầng lớp đông đảo giai cấp trung lưu, không phải quá chật vật trong vấn đề ăn, mặc, ở, giai cấp này sẽ dâng hiến cho quốc gia những công dân có căn bản học vấn tối thiểu, để hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của công dân trong một quốc gia dân chủ tự do, đủ kiện thúc để tìm hiểu những ứng cử viên, đủ thi cử và trình độ để tham gia chính đảng và nhất là đủ no cơm, ấm áo để tin tưởng vào chế độ mình đang sống, do đó không bị Cộng Sản mê hoặc, dụ dỗ như những người dân nghèo khổ, thất học.

Dân có giàu, nước mới mạnh, giai cấp trung lưu cần thiết cho quốc gia như vậy, nên chính quyền phải hủ sức hoà nhân dân, phải mở mang kỹ nghệ, canh nông để nhân dân có cơ hội đem tài năng phục vụ xứ sở và kiếm lợi tức để sinh sống. Chúng ta không cần vài trăm tên triệu, tỷ phú mà thật sự cần vài trăm ngàn dân, hay vài triệu kẻ

đủ sống và cần nhất là đứng để cho người dân nào phải sống quá cơ cực, lầm than, đói nát, sẽ là mầm mống của bất mãn, chống đối và cũng là môi trường thuận tiện cho chủ nghĩa Cộng Sản nảy nở, hoành hành.



nhiên, sẵn sàng dang tay đón nhận tất cả dông bão, đây là những đức tính vĩ đại của dân tộc Việt, nó là yếu tố quan trọng để tạo cho dân tộc Việt Nam thành một khối keo sơn, nhất nguyên hầu đối phó với mọi khó khăn bất cứ từ đâu đưa đến, trên con đường xây dựng dân chủ và kiến tạo quốc gia.

Sau hết, dân tộc Việt là một dân tộc thông minh cần cù, nhẫn nại, sẵn sàng thích ứng với thế giới văn minh với sự tiến bộ của nhân loại, luôn luôn sắp sẵn để tạo cho quốc gia một thế đứng khả dĩ làm hài lòng tổ tiên anh hùng, cũng như hầu thế khỏi chê cười, hổ thẹn.

Với tinh thần quyết cường, chỉ hy sinh, với lòng khoan dung, đại lượng, với óc thông minh, cần cù nhẫn nại, gắn bó với tình yêu quê hương, tổ quốc, cũng như lòng khát khao dân chủ, tự do, thanh bình, nhân dân Việt Nam rất xứng đáng được hưởng những gì tốt đẹp nhất, hạnh phúc nhất trên thế gian này, nhưng tại sao vừa thoát khỏi ách nô lệ ngoại bang lại bị lãnh thổ qua phân, rồi độc tài đô hộ, chiến tranh tàn phá. Chừa một dân tộc nào phải chịu đựng một số phận hảm hiu như giống dòng Hồng Lạc, thế những, càng trui rèn trong lửa đỏ, nhân dân Việt Nam càng mau lớn dậy, mau trưởng thành, càng có nhiều gian nan, thử thách, càng chứng tỏ chí kiêu hùng, lòng anh dũng vĩ đại của dân tộc chúng ta.

Sau cơn mưa thế nào trời cũng sáng, sau bao nhiêu năm bị dày ải, dọa dẫm, nhân dân Việt Nam sẽ và xứng đáng được hưởng những ngày thái bình, hạnh phúc, tự do, dân chủ. Lúc đó nâng tiên hòa bình xuất hiện giữa sự hoan ca của toàn dân, dưới sự reo vui của muôn ngàn cánh chim bồ câu trắng, mọi người lại nô nức lên đường kiến tạo quê hương và tiếp tục công trình xây dựng dân chủ.

Một chính quyền có tinh thần dân chủ, những chính đảng hữu hiệu, một đa số dân chúng no ấm, cộng thêm với những đức tính quý báu, thiên bẩm của nhân dân Việt Nam và với ước vọng hòa bình, dân chủ, tự do, sự nghiệp xây dựng dân chủ tự do nằm trọn trong tay những người Việt yêu tổ quốc, thương đồng bào.

Ta mong chỗ toàn dân reo vui mở hội mừng ngày hoàn thành sứ mạng cao cả mà tổ quốc và lịch sử giao trọn cho thế hệ hôm nay. Nhân dân Việt Nam cũng những người trẻ tuổi của tương lai Việt Nam còn ngập ngừng e ngại gì mà không mau tiến lên, cùng nhau đứng dậy, hoàn thành sứ mạng vĩ đại này, tổ quốc và quê hương kiêu hùng đang chờ đón chúng ta, chúng ta hãy cùng cất cao lời thề, nguyện chết trên con đường dân chủ, thế là phân bón cho cây dân chủ, tự do mau đơm bông trở trái cho ước vọng tự do dân chủ của đồng bào sớm thành sự, thực và cho vinh quang rực rỡ chiếu sáng quê - hương Việt Nam....

Với ước mơ và niềm khát khao dân chủ, tự do cho đồng bào, hòa bình vinh quang cho quê hương, chúng tôi xin chấm dứt tập luận văn này...

Ký túc xá ,

Ngày đây hai mươi ba tuổi

5-9-1972.

Lê Hữu Nghĩa

e  
e e



## THÙ TỊCH

\*\*\*\*\*

### TÀI LIỆU CĂN BẢN

- \* Hiến pháp đệ I Cộng hòa 1956.
- \* Hiến pháp đệ II Cộng hòa 1967
- \* Biên bản Quốc hội lập hiến 1966-1967

### SÁCH, GIẢNG VĂN. -

- \* Bắc, Vương văn Định chế' chính trị Việt Nam
- \* Bông, Nguyễn văn Luật hiến pháp và chánh trị học
- \* Chấn, Lê đình Hiến pháp đệ II Cộng hòa
- \* Chi, Lê quế Giám sát hành chánh
- \* Chi, Lê quế Tự do công cộng
- \* Đạt, Trường tiên Hiến pháp chú thích
- \* Quỳnh, Nguyễn quang Luật lao động
- \* Thành, Trần chánh Lịch trình học thuyết chính trị.

### LUẬN VĂN. -

- \* Tăng, Hoāng thái Kinh nghiệm dân chủ tại Việt Nam
- \* Thọ, Nguyễn hữu Văn đề dân chủ hóa
- \* Vy, Nguyễn chí' Nghiên cứu hiến pháp 1967.

### TẬP CHÍ. -

- \* Nghiên cứu hành chánh số' 10/70.
- \* Nguyệt san Cấp tiến số' 6, 7, 16, 17, 22/69-70
- \* Tập san Quốc phòng số' 10/1971.